BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, 2025

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2291/QĐ-ĐHĐL ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đinh Văn Châu	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Lê Cường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Phạm Duy Phong	Trưởng khoa, Khoa ĐTVT	Phó Chủ tịch TT	
4	Doãn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Thư ký	
5	Nguyễn Thị Thủy	Phó trưởng khoa, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
6	Hồ Mạnh Cường	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
7	Lê Trọng Hiếu	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
8	Trần Vũ Kiên	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
9	Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng, Phòng TC-HC	Ủy viên	
10	Đỗ Hữu Chế	Giám đốc, TT TT&QHDN	Ủy viên	
11	Trịnh Văn Toàn	Trưởng phòng, Phòng QL Đào tạo	Ủy viên	
12	Chu Việt Thức	Phó trưởng phòng, Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên	
13	Cao Xuân Thắng	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng QT-DV	Ủy viên	
14	Nguyễn Đăng Bộ	Phó trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
15	Lê Văn Nhất	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng KH-TC	Ủy viên	
16	Hoàng Thu Hồng	Phó Giám đốc phụ trách, Thư viện	Ủy viên	
17	Nguyễn Trung Thành	Học viên lớp cao học CH12 KTĐT	Ủy viên - Đại diện HV	

(Danh sách gồm có 17 người ./.)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2291/QĐ-ĐHĐL ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thủy	Phó trưởng khoa, Khoa ĐTVT	Trưởng ban	
2	Doãn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Phó Trưởng ban	
3	Nguyễn Đăng Bộ	Phó trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
4	Đặng Trung Hiếu	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
5	Hồ Mạnh Cường	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
6	Lê Trọng Hiếu	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
7	Trần Vũ Kiên	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
8	Phạm Trọng Hoan	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên	
9	Nguyễn Thị Hằng	Chuyên viên, Phòng TC-HC	Ủy viên	
10	Phạm Thị Ngọc Lý	Giảng viên, Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên	
11	Trần Quyết Thắng	Chuyên viên, Phòng QT-DV	Ủy viên	
12	Nông Đường Tố Loan	Chuyên viên, Thư viện	Ủy viên	
13	Lê Thị Việt Anh	Giảng viên, Phòng QL Đào tạo	Ủy viên	

(Danh sách gồm 13 người./.)

MỤC LỤC

MỤC LỤC 4
PHẦN I: KHÁI QUÁT 10
1. Đặt vấn đề 10
2. Tổng quan chung 13
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 18
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 18
Mở đầu 18
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học 18
Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT 23
Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai 29
Kết luận về Tiêu chuẩn 1: 32
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CTĐT 32
Mở đầu 32
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật 32
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật 36
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận 41
Kết luận về Tiêu chuẩn 2: 43
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC 44
Mở đầu 44
Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR. 44
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 46
Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp. 47
Kết luận tiêu chuẩn 3: 49
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC 49
Mở đầu 49
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan 49
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR 51

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học 53
Kết luận về tiêu chuẩn 4: 54
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC 55
Mở đầu 55
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR 55
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. 60
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....62
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....65
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập 67
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:.....68
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.....68
Mở đầu 68
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 69
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....74
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. 79
Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ GV được xác định và đánh giá. 81
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. 83
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 85
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 88
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:.....90
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN.....90

Mở đầu 90

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 91

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. 95

Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá. 96

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác dịnh và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó 98

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng 99

Kết luận Tiêu chuẩn 7: 100

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC 101

Mở đầu 101

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật 102

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá. 105

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. 105

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. 107

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. 108

Kết luận về Tiêu chuẩn 8 109

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT 110

Mở đầu 110

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 110

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 113

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 115

Tiêu Chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. 117

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. 118
Kết luận về tiêu chuẩn 9 121
TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....121
Mở đầu 121
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học 121
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. 124
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra 126
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học 128
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến 132
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến 133
Kết luận về tiêu chuẩn 10 141
TIÊU CHUẨN 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA 141
Mở đầu 141
Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 141
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 144
Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 146
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 149
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 153
Kết luận về Tiêu chuẩn 11 155
PHẦN III: KẾT LUẬN 156
1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử 156
2. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử 162
3. Kế hoạch cải tiến CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử 165
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT 172
PHẦN IV: PHỤ LỤC 175

CÁC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP.....194
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ, CÁC NHÓM CÔNG TÁC, KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ.....194

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CLB	: Câu lạc bộ
CNTT	: Công nghệ thông tin
CĐR	: Chuẩn đầu ra
CSVC	: Cơ sở vật chất
CTĐT	: Chương trình đào tạo
CTDH	: Chương trình dạy học
CTSV	: Công tác sinh viên
CVHT	: Cố vấn học tập
ĐHĐL	: Đại học Điện lực
ĐT	: Đào tạo
GD&ĐT	: Giáo dục và Đào tạo
GV	: Giảng viên
HTQT	: Hợp tác quốc tế
KHCN	: Khoa học công nghệ
KTX	: Ký túc xá
KT&ĐBCL	: Khảo thí và đảm bảo chất lượng
KQHT	: Kết quả học tập
MC	: Minh chứng
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCV	: Nghiên cứu viên
PGS	: Phó giáo sư
ĐTVT	: Điện tử - Viễn thông
CNKT	: Công nghệ Kỹ thuật
HV	: Học viên
ThS	: Thạc sĩ
TS	: Tiến sĩ
TTHL	: Trung tâm học liệu
TCCB	: Tổ chức cán bộ
KTĐT	: Kỹ thuật điện tử

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT

▪Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá

Về cấu trúc, BCTĐG trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT gồm 4 phần:

Phần 1 – Khái quát: Giới thiệu tổng quan về Trường Đại học Điện lực với sứ mạng, tầm nhìn, cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo nghiên cứu khoa học trong những năm gần đây và quy trình bảo đảm chất lượng của Nhà trường. Tiếp đó là giới thiệu về Khoa Điện tử Viễn thông là đơn vị thực hiện CTĐT.

Phần 2 – Nội dung tự đánh giá theo các tiêu chuẩn của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT: Mô tả và phân tích, đánh giá các hoạt động của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT theo các yêu cầu của từng tiêu chuẩn, trong mỗi tiêu chuẩn lần lượt xem xét theo từng tiêu chí để thấy được mức độ đáp ứng của CTĐT so với bộ tiêu chuẩn đề ra. Trong mỗi tiêu chí đều được mô tả cụ thể về tiêu chí, chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và đánh giá điểm đạt của từng tiêu chí.

Phần 3 – Kết luận: Báo cáo tổng hợp các điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, đồng thời chỉ ra những tồn tại của CTĐT và đưa ra các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trong tương lai.

Phần 4 - Phụ lục và danh sách các minh chứng.

b) Mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá

▪Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của cơ sở giáo dục. Tự đánh giá giúp Nhà trường, đơn vị thực hiện CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hướng cao hơn. Đây là điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Cụ thể, tự đánh giá là việc tập hợp một cách có hệ thống CTĐT đang có của ngành KTĐT, từ đó có những báo cáo về chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các vấn đề liên quan tới CTĐT. Trên cơ sở những nhận định từ chính những hoạt động đã và đang làm được của ngành kèm theo những tồn tại để đưa ra những hành động cụ thể cho việc phát triển Ngành, Khoa và Trường. Đây cũng chính là căn cứ để ngành có những điều chỉnh cần thiết trong quá trình tổ chức thực hiện đào tạo, xây dựng

nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng NCKH, đóng góp cho cộng đồng để từ đó nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động này tạo thành một chu trình khép kín và rất cần được nhận định cả từ bên trong và bên ngoài để có được hướng phát triển phù hợp xu thế, khẳng định thương hiệu và chất lượng của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT.

Việc tự đánh giá là cơ sở để Nhà trường đánh giá và xem xét khả năng đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, tự đánh giá thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Việc tự đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của Trường ĐHĐL giúp Nhà trường, Khoa Điện tử Viễn thông tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, góp phần xây dựng, triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng nâng cao chất lượng của CTĐT. Đây là điều kiện cần thiết để Trường ĐHĐL đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

▪**Quy trình tự đánh giá được tiến hành theo các bước sau**

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước được quy định trong Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn TĐG CTĐT, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 5: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá:

Bản BCTĐG được thực hiện căn cứ theo những văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cao học cụ thể như sau:

Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình

đào tạo (CTĐT) của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Thông tư 38/2013);

Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Văn bản số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hướng dẫn chung về sử dụng Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Văn bản số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng thay thế đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Văn bản số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT;

Văn bản số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Thông tư 04/TT-BGD&ĐT, BCTĐG của CTĐT trình độ Thạc sĩ Ngành KTĐT được viết theo 11 tiêu chuẩn, gồm 50 tiêu chí đánh giá. Kèm theo nội dung BCTĐG là các minh chứng diễn giải cụ thể cho hoạt động mà CTĐT trình độ Thạc sĩ Ngành KTĐT đã thực hiện.

Cụ thể nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn như sau: Tiêu chuẩn 1- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; Tiêu chuẩn 2 - Bản mô tả CTĐT; Tiêu chuẩn 3 - Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Tiêu chuẩn 4- Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Tiêu chuẩn 5 - Đánh giá kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 6 - Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Tiêu chuẩn 7 - Đội ngũ nhân viên; Tiêu chuẩn 8 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 - Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 10 - Nâng cao chất lượng; Tiêu chuẩn 11 - Kết quả đầu ra. Nội dung chi tiết của 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí được đề cập trong phần II của bản báo cáo.

Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá của ngành được mã hóa theo quy định của Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT, văn bản số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH và văn bản số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT Việc mã hóa thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự. Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

H: Viết tắt của hộp MC ngành KTĐT.

n: Số thứ tự của hộp MC

ab: Số thứ tự của tiêu chuẩn

cd: Số thứ tự của tiêu chí

ef: Số thứ tự của MC

Ví dụ: [**H1.01.01.01**] là MC thứ 1 của Tiêu chí 1 thuộc Tiêu chuẩn 1 và được đặt ở Hộp 1.

Các minh chứng này được tập hợp trong Danh mục minh chứng được gửi kèm theo BCTĐG. Nội dung cụ thể từng minh chứng được đặt trong hộp lưu trữ của ngành đào tạo. Các minh chứng được cung cấp, sử dụng có độ tin cậy cao và liên tục được cập nhật. Các minh chứng sẽ được đặt đúng vị trí hộp như đã mã hóa để bổ sung cho tính toàn diện của hoạt động tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá:

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường, Khoa được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường đại học (Thông tư 04//2016/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được tiến hành đồng thời với Trường và Khoa nên có sự đồng nhất về số liệu, thời điểm minh chứng, nguồn gốc rõ ràng, xác thực và có tính hệ thống trong bố cục. Việc tiến hành xem xét theo trình tự sau:

(i) Mô tả thực trạng: Cụ thể, có bảng hoá, biểu đồ để đảm bảo tính trực quan về thực tế các tiêu chí. Việc mô tả dựa trên MC thực tế.

(ii) Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại của CTĐT.

(iii) Lên kế hoạch hành động khắc phục những tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở thời gian, bộ phận thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

(iv) Tự đánh giá: tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu theo tiêu chí.

Quá trình đánh giá chất lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có sự liên kết chặt chẽ của các giảng viên trong Khoa Điện tử Viễn thông với các cán bộ của các Phòng, Ban của Trường ĐHĐL, đặc biệt là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT), Phòng Công tác học viên (CTSV), Phòng Tổ chức hành chính (TCHC), Trung tâm Học liệu (TTHL), Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT) và Phòng Quản trị dịch vụ (QTDV). Các phòng ban chức năng có người đại diện tham gia các nhóm công tác chuyên trách trong việc thu thập minh chứng, đánh giá minh chứng và nội dung trong các tiêu chuẩn tương ứng.

Giai đoạn thực hiện đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT là từ năm 2019 đến ngày 30 tháng 11 năm 2024.

2. Tổng quan chung

a) Trường Đại học Điện lực

Trường ĐHĐL là một trong những trường trọng điểm trực thuộc Bộ Công Thương với bề dày hơn 55 năm xây dựng và phát triển. Ngày 19 tháng 05 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 111/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Trường ĐHĐL trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 01 tháng 9 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1508/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHĐL giai đoạn 2015 - 2017 và đến ngày 24 tháng 9 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 10268/QĐ-BCT về việc chuyển Trường ĐHĐL trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về trực thuộc Bộ Công Thương. Trong nhiều năm qua, Trường ĐHĐL luôn quan tâm đến chất lượng ĐT, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng ĐT. Chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà trường đã được khẳng định thể hiện thông qua việc Nhà trường đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá và kiểm định chất lượng vào năm 2017 theo 11 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT và được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 226 ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN. Tiếp tục chu kỳ kiểm định 2018-2023, Nhà trường thực hiện tự đánh giá, kiểm định chất lượng lần 2 và được công nhận là cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 796 ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN. Trường đã, đang và tiếp tục triển khai nhiều hoạt động để đảm bảo chất lượng như: cải tạo cơ sở vật chất; nâng cao năng lực đội ngũ công việc chức; định kỳ rà soát, hiệu chỉnh các CTĐT trên cơ sở các ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, chuyên viên, người học, cựu người học, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và chuyên gia) về mọi mặt của Nhà trường.

Tổng diện tích hiện có của Trường là 9,9 ha với 106 phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị nghe, nhìn, có đường truyền internet; diện tính phòng máy tính 875m2. Thư viện của Nhà trường có diện tích 1.176 m2 với 5.203 đầu sách và giáo trình điện tử. Nhà trường có bề dày kinh nghiệm, đã khẳng định được chất lượng và uy tín trong đào tạo, NCKH ở trong nước và khu vực.

Sứ mạng: Trường Đại học Điện lực là trường đại học công lập đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn chính sách, chuyển giao tri thức, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Là trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng có uy tín trong và ngoài nước, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng.

Giá trị cốt lõi trong hoạt động đào tạo và NCKH của Trường ĐHĐL đã được khẳng định với sáu chữ sau: (1) Trách nhiệm; (2) Sáng tạo và (3) Hiệu quả.

Triết lý giáo dục: Giáo dục toàn diện, vững nền tảng, bền tương lai.

Theo đó, mục tiêu giáo dục của Nhà trường là "*Trở thành trường đại học theo ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, hội nhập với nền giáo dục tiên tiến khu vực và quốc tế. Người học được đào tạo toàn diện, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, có khả năng học tập suốt đời, có năng lực sáng tạo và khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*".

Về chính sách chất lượng, Nhà trường luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục. Trường đã và đang triển khai áp dụng nhiều chính sách, giải pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài cấp Nhà trường giai đoạn 2 và đánh giá ngoài 12 CTĐT trình độ đại học trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành CNKT ĐTVT do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện với kết quả tốt. Quan điểm của Ban lãnh đạo Nhà trường luôn coi chất lượng là một phần của giáo dục và được thực hiện thường xuyên theo chu trình cải tiến liên tục PDCA.

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHĐL bao gồm: Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng); khoa, bộ môn, tổ chức khoa học và công nghệ; phòng, ban chức năng; tổ chức phục vụ ĐT, NCKH và công nghệ; cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ.

Nhân lực: Hiện nay, tổng số CBVC của Nhà trường hiện có **533** người; trong đó GV cơ hữu là **370** người với **36** GS và PGS, **168** TS. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội đồng tư vấn và đánh giá các cấp.

Công tác đào tạo: Trường Đại học Điện lực hiện có 19 ngành đào tạo đại học đại trà, 7 ngành đào tạo tiến sĩ, 10 ngành đào tạo thạc sĩ với quy mô hơn 14.000 SV.

Nghiên cứu khoa học: Trên cơ sở lấy chiến lược phát triển KHCN gắn kết với thực tiễn sản xuất, Trường ĐHĐL luôn thực hiện các nhiệm vụ KHCN nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng và thực tiễn đặt ra. Các lĩnh vực nghiên cứu thuộc thế mạnh của Trường bao gồm: Các hệ thống kỹ thuật trong các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác thải), trạm điện và đường dây truyền tải điện; các bộ phận và hệ thống nhiệt-lạnh (như lò hơi, lò quay, máy lạnh, tuabin nhiệt, bơm nhiệt, mạng nhiệt); các hệ thống đo lường, điều khiển, bảo vệ, giám sát và truyền tin trên diện rộng; các vấn đề liên quan đến cơ khí, chế tạo và xây dựng điện.... Nhiều năm qua Trường đã nghiên cứu hàng trăm đề tài các cấp như: cấp Trường, cấp Tập đoàn Điện lực Việt Nam, cấp Bộ Công Thương, cấp Tỉnh, Thành phố, cấp Nhà nước. Các kết quả nghiên cứu đã tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị phát triển khoa học và

ứng dụng trong thực tế cao. Đại diện cho các sản phẩm nghiên cứu đó là công tơ điện tử, giàn nước nóng năng lượng mặt trời, lưới điện thông minh, máy tạo dòng 4000A, hợp bộ thí nghiệm Vôn-Ampe, máy bắn bóng bàn... Bên cạnh các kết quả nghiên cứu phát triển và ứng dụng, các nhà khoa học của Trường còn công bố các kết quả đó trong hàng trăm bài báo đăng trên các tạp chí uy tín ở trong và ngoài nước.

Hợp tác Quốc tế: Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển hợp tác đào tạo quốc tế, Nhà trường đã thực hiện các hoạt động hợp tác liên kết đào tạo với các đối tác nước ngoài như Viện Grenoble, Đại học Khoa học và Công nghệ (Pháp), Đại học Deakin, Đại học Curtin, Học viện Chisholm (Úc), Đại học Bách khoa Prague (Séc), Đại học Palermo (Ý), Đại học Fukui, Đại học Nagaoka (Nhật Bản), Đại học Điện lực Thượng Hải (Trung Quốc), Đại học Bách khoa Quế Lâm, Đại học Khoa học Kỹ thuật Điện tử Thành Đô (Trung Quốc), UNITEN (Malaysia), Đại học Năng lượng Quốc gia Kazan (Nga), Hiệp hội Kiểm toán Công chứng Anh (Vương quốc Anh)…

b) Giới thiệu về Khoa Điện tử - Viễn thông

Khoa Điện tử- viễn thông được thành lập ngày 10 tháng 07 năm 2006, là đơn vị trực thuộc Trường ĐHĐL với nhiệm vụ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông phục vụ sự phát triển của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung; phát triển năng lực học tập, nghiên cứu của SV, HV,NCS; rèn luyện cho sinh viên, học viên kỹ năng làm việc và lối sống trong môi trường hiện đại; chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm: Hội đồng Khoa; Ban Chủ nhiệm Khoa; Chi bộ Khoa; Công đoàn Khoa; Liên chi đoàn Khoa và Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa.

Tính đến 30/11/2024, tổng số cán bộ viên chức của Khoa là 33 giảng viên trong đó 06 giảng viên có chức danh PGS (đạt 18,18 %), 19 giảng viên có học vị tiến sĩ (đạt 57,58 %) và 08 giảng viên là thạc sĩ (chiếm 24,24 %) và 01 cử nhân đại học làm thư ký giáo vụ khoa. Ngoài ra, Khoa có 10 GV thỉnh giảng có trình độ GS, PGS, tiến sĩ, Thạc sĩ tham gia giảng dạy các môn học của ngành.

Khoa đang đào tạo 01 ngành bậc cao học là Kỹ thuật điện tử, 01 tiến sĩ là ngành Kỹ thuật điện tử; 01 ngành bậc đại học là CNKT ĐTVT, với 07 chuyên ngành gồm: Điện tử viễn thông, Kỹ thuật điện tử, Thiết bị điện tử y tế, Điện tử & kỹ thuật máy tính, Điện tử robot và trí tuệ nhân tạo, Các hệ thống thông minh và IoT, Mạng viễn thông và máy tính;

Hiện nay, Khoa có tổng số 1316 SV đại học, 31 học viên cao học và 08 nghiên cứu sinh. Trong giai đoạn 2019-2024, Khoa đã đào tạo tốt nghiệp được 539 kỹ sư, 23 thạc sĩ, 01 Tiến sĩ. Tỷ lệ học viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp trung bình đạt khoảng

100% trên số HV tốt nghiệp.

Từ năm 2019 đến nay, cán bộ trong Khoa đã tham gia và hoàn thành 14 đề tài cấp trường, 01 Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, 08 Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 05 Đề tài nghiên cứu cấp trường trong đó có nhiều đề tài có tính ứng dụng cao. Một số đề tài được áp dụng vào thực tế như: "Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị đo pH và độ dẫn trên cơ sở transistor hiệu ứng trường nhạy ion ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp", "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động đánh giá độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện phân phối", "Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo bộ máy hàn siêu âm công suất cao sử dụng cho dây chuyền sản xuất các sản phẩm từ vải không dệt ", "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong đăng ký, điều phối và quản lý bệnh nhân khám và điều trị ngoại trú tại cơ sở khám chữa bệnh của Việt Nam", "Nghiên cứu cảm biến sinh trên cơ sở vật liệu nano lai MoS2/AgNPs và MoS2/PANI nhằm xác định nồng độ glucô", một số đề tài được áp dụng vào công tác đào tạo của Khoa, như: "Nghiên cứu chế tạo máy đo công suất vô tuyến ứng dụng trong thực hành và đào tạo" GV của Khoa cũng đã công bố 160 công trình nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trong đó có 59 công trình công bố trên các tạp chí ngành có uy tín của quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE, Scopus; 39 bài báo đã công bố trên các tạp chí ngành trong nước; 26 bài báo đã công bố trên các tạp chí ĐHDL; 24 bài cáo hội thảo Scopus và quốc tế; 12 báo cáo hội thảo trong nước.

Mục tiêu CTĐT Trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử của Khoa Điện tử-Viễn thông được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHĐL, được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHĐL, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT là đào tạo trình độ Thạc sĩ có phẩm chất chính trị vững vàng, có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, có nền tảng khoa học cơ bản, cơ sở và kiến thức chuyên môn vững vàng, có những kỹ năng thực hành cơ bản và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được các yêu cầu phát triển của CTĐT Trình độ thạc sĩ ngành KTĐT.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo sát với thực tiễn, các CTĐT của Khoa thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, thời gian điều chỉnh gần đây nhất là vào các năm 2018, 2020, 2023. Từ năm 2024, Khoa đã tiến hành thực hiện tự đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Điện tử. Trong quá trình triển khai hoạt động tự đánh giá, Khoa đã có nhiều hành động tích cực nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng ĐT.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trường ĐHĐL được thành lập năm 2006, với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật góp phần phát triển ngành năng lượng và kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.

Khoa ĐTVT được thành lập năm 2006, trải qua quá trình xây dựng và phát triển, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng với mục tiêu được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHĐL, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong Luật giáo dục đại học.

Cùng với mục tiêu, CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xác định rõ ràng, đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Quá trình xây dựng CĐR trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và CĐR của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của Trường ĐHĐL và được công bố công khai. Thông qua mục tiêu đào tạo, người học trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của Trường ĐHĐL nắm được đích hướng đến về kiến thức, kỹ năng và thái độ của ngành học. Đây cũng là những điều mà Trường Đại học Điện lực cam kết với người học về chất lượng đào tạo và trên cơ sở đó, người học giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo và kết quả đạt được trong hoạt động nghề nghiệp của mình sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được đào tạo từ năm 2013 (theo Quyết định mở ngành số 2446/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/07/2013 của Bộ trưởng Bộ GDĐT **[H1.01.01.01]**. Mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xác lập chính thức ngay trong đề án mở ngành và CTĐT ban đầu chỉ có mục tiêu chung.

Trong quá trình rà soát, hiệu chỉnh CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT năm 2017 để ban hành CTĐT trình độ Thạc sĩ năm 2018, bởi quyết định (số 109B QĐ-ĐHĐL ngày 25/01/2018 **[H1.01.01.02]** đều có đầy đủ mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể.

Năm 2020, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được rà soát, điều chỉnh (ban hành theo QĐ số 855 QĐ-ĐHĐL ngày 31/07/2020) **[H1.01.01.03]** và sử dụng cho khoá tuyển

sinh từ năm 2020 trở đi. Nhà trường và Khoa ĐTVT căn cứ vào Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ **[H1.01.01.04**] và QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của TTCP về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia VN **[H1.01.01.05]**. Mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT ở năm 2020 này tương đồng và thống nhất với năm 2018 đều theo trình độ đào tạo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT xác lập mục tiêu chung là "trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành những chuyên gia kĩ thuật trong các tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực điện tử; những cán bộ có năng lực nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng thuộc ngành Kỹ thuật điện tử".

Mục tiêu chung đã được cụ thể hóa thành mục tiêu cụ thể: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ, Vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

Về kiến thức, trang bị cho người học: Có kiến thức chuyên sâu, tiên tiến trong phạm vi của ngành Kỹ thuật điện tử; Có tư duy nghiên cứu độc lập sáng tạo làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết của chuyên ngành nghiên cứu; Có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh;

Về kỹ năng, trang bị cho người học: Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong việc phân tích, ứng dụng, thiết kế, chế tạo, nghiên cứu, phát triển và đảm bảo kỹ thuật cho các hệ thống điện tử; Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực kĩ thuật điện tử. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ; Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.

Về thái độ, xây dựng cho người học: Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật; Đạo đức nghề nghiệp, lối sống lành mạnh; Phương pháp làm việc khoa học, tác phong công nghiệp, tinh thần kỷ luật lao động cao; Ý thức học tập rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm để có thể: Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; Có khả

năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; Có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

Mục tiêu CTĐT cũng định hướng cụ thể vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Có thể làm chuyên gia về kỹ thuật tại các công ty, nhà máy sản xuất, kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực điện tử, viễn thông và các lĩnh vực liên quan. Giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng đào tạo về lĩnh vực điện tử viễn thông. Nghiên cứu viên hoặc một số các vị trí quản lý trong các cơ sở nghiên cứu, phát triển về lĩnh vực điện tử và các lĩnh vực liên quan. Tiếp tục làm nghiên cứu sinh về một mảng nghiên cứu cụ thể để đạt học vị tiến sĩ trong lĩnh vực điện tử và các lĩnh vực liên quan.

Mục tiêu này đã có nhiều khác biệt so với CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT ban hành theo Quyết định 2446/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/07/2013 về tính rõ ràng, chi tiết trong đích cần đạt được của CTĐT về kiến thức chuyên sâu, tăng cường kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý, kỹ năng giải quyết vấn đề, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và khả năng tự nghiên cứu.

Từ khi mở ngành CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT vào năm 2013 **[H1.01.01.01]**, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT vào các năm 2018 **[H1.01.01.02]** , năm 2020 **[H1.01.01.03]** và năm 2023 **[H1.01.01.06].** Trong lần rà soát, điều chỉnh năm 2023, Nhà trường và Khoa ĐTVT căn cứ vào Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học **[H1.01.01.07],** Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ **[H1.01.01.08];** QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của TTCP về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia VN **[H1.01.01.05];** xây dựng mục tiêu của CTĐT sau khi khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành KTĐT [**H1.01.01.09**], [**H1.01.01.10**].

Việc khảo sát để xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp được thực hiện tham khảo và đối sánh với các Trường Đại học trong và ngoài nước (như Đại học RMIT, Cộng hòa Liên bang Úc, Đại học Kỹ thuật Riga, Látvia, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên) đây là những trường có ngành học KTĐT cũng theo trình độ đào tạo định hướng ứng dụng, vì vậy rất phù hợp để đối sánh tham khảo **[H1.01.01.11].** Đồng thời còn dựa vào các ý kiến khảo sát các bên liên quan (như người sử dụng lao động, chuyên gia từ các doanh nghiệp: Viettel, Viettel Hà Nội, Viettel Smart, FPT, FPT Telecom, FPT

software, Cục Bưu điện Trung ương, Công ty TNHH phát triển phần mềm Toshiba, Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone, Công ty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT, Công ty Cổ phần Công nghệ Macrocom, Công ty điện tử AI, Công ty TNHH Anam Electronics Việt Nam, Bệnh viện nhiệt đới trung ương, Bệnh viện lão khoa...), cán bộ quản lý, giảng viên, cựu học viên, học viên [**H1.01.01.09**], [**H1.01.01.10**]. Theo biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT **[H1.01.01.12],** báo cáo của Khoa ĐTVT về kết quả khảo sát của các bên liên quan [**H1.01.01.09**], [**H1.01.01.10]**, báo cáo của Khoa ĐTVT về những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học ngành KTĐT **[H1.01.01.13],** trong những năm gần đây nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực KTĐT tăng cao theo hướng liên quan đến CMCN 4.0. Đó là lý do Trường và Khoa ĐTVT đề xuất CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT định hướng đào tạo theo hướng ứng dụng **[H1.01.01.06]**. CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được ban hành theo Quyết định số 459/QĐ-ĐHĐL ngày 28/03/2024 với 08 mục tiêu cụ thể (01 về kiến thức, 03 về kỹ năng và 04 về thái độ) **[H1.01.01.06]**.

CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, trong đó có mục tiêu của CTĐT đã được công khai trên trang thông tin điện tử của phòng Sau đại học, Trường ĐHĐL và các phương thức truyền thông khác, để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và tham gia, đóng góp ý kiến **[H1.01.01.14].**

Mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.15]** được xác định phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Trường ĐHĐL **[H1.01.01.28]** đó là "*Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hóa và phát triển bền vững"* và tầm nhìn đó là "*Trở thành trường đại học hàng đầu trong nước về lĩnh vực năng lượng, đạt đẳng cấp quốc tế vào năm 2030"* nằm trong định hướng chiến lược phát triển Trường ĐHĐL giai đoạn 2017 - 2022 và tầm nhìn đến năm 2030 **[H1.01.01.16**]. Mục tiêu chung của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT hướng tới sự phù hợp toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc chuyên nghiệp để tạo ra các Thạc sĩ ngành KTĐT chất lượng cao, từ đó đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành năng lượng và xã hội được thể hiện ở mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ Thạc sĩ về vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp. Do đó, mục tiêu CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT phù hợp với tuyên bố sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHĐL.

Mục tiêu CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 [**H1.01.01.17**] và luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 [**H1.01.01.18**]; số 34/2018/QH14 ngày 04/08/2012 [**H1.01.01.19**], số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 [**H1.01.01.20**]. Việc xác định mục tiêu đào tạo và CĐR ngành KTĐT cũng hoàn toàn phù hợp với các quy định

của Nhà nước như: Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ quốc gia [**H1.01.01.05**] và Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân [**H1.01.01.21**], trong đó xác định: "*Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông: Là nhóm ngành, nghề đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lý kỹ thuật và kỹ năng công nghệ để hỗ trợ Thạc sĩ điện, điện tử và Thạc sĩ truyền thông trong việc thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị liên quan đến hệ thống điện, điện tử và viễn thông"*.

Mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Điều này được thể hiện trong việc xây dựng mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có tính gắn kết với yêu cầu của xã hội và xu hướng phát triển công nghệ. Trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ Thạc sĩ năm 2020, 2023, Trường ĐHĐL và Khoa ĐTVT căn cứ vào Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 **[H1.01.01.04]** và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ **[H1.01.01.07]**; Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ **[H1.01.01.08];** để xây dựng mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ sau khi khảo sát, phân tích về những tiến bộ khoa học công nghệ trong và ngoài nước về lĩnh vực KTĐT, về các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến nhu cầu nguồn nhân lực ngành KTĐT của Việt Nam **[H1.01.01.13][H1.01.01.22][H1.01.01.23]**. Báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về mức độ quan trọng của kiến thức, kỹ năng và năng lực nghiệp vụ trong quá trình tuyển dụng [**H1.01.01.09**], [**H1.01.01.10].** Các báo cáo trên đã được trình bày tham luận tại hội thảo với các bên liên quan do Khoa ĐTVT tổ chức vào ngày 24 tháng 05 năm 2023 **[H1.01.01.24]** nhằm lấy ý kiến về CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT hiện tại và định hướng hiệu chỉnh **[H1.01.01.25] [H1.01.01.26].** Trong hội thảo, các ý kiến nhấn mạnh đến việc thực hiện được vai trò của người Thạc sĩ KTĐT trong hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ điện tử, viễn thông và máy tính cho cộng đồng đặc biệt có chú ý đến nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung, trong công cuộc hiện đại hóa và phát triển bền vững đặt trong mối quan hệ với cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư mà KTĐT là một trong những ngành đóng vai trò trụ cột. Do đó, mục tiêu CTĐT đã phản ánh được nhu cầu lao động của xã hội **[H1.01.01.27]**.

2.Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của Khoa ĐTVT được xây dựng dựa vào kết quả khảo sát nhiều mặt và phản hồi của các bên liên quan, được xác

định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng được xu thế phát triển công nghệ trong lĩnh vực KTĐT và CMCN 4.0.

3.Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT chưa được phân tích chi tiết.

4.Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT sẽ tổ chức xin bổ sung ý kiến đóng góp về mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của các doanh nghiệp KTĐT trong Ngành năng lượng.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện theo công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo, Trường ĐHĐL đã ban hành các văn bản về việc quy định CĐR cho các ngành đào tạo. CĐR của ngành KTĐT được ban hành lần đầu trong năm 2018 được chia thành CĐR Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm trình độ đào tạo theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng bao gồm cả các yêu cầu chung và một số yêu cầu chuyên biệt người học cần phải đạt được khi hoàn thành CTĐT trình độ Thạc sĩ **[H1.01.01.02].** Trong lần rà soát, điều chỉnh năm 2019-2020, Nhà trường và Khoa ĐTVT đã dựa vào các quy định trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học **[H1.01.01.04**] và QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của TTCP về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia VN **[H1.01.01.05];** Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ nêu rõ các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm trình độ đào tạo theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng bao gồm cả các yêu cầu chung và một số yêu cầu chuyên biệt người học cần phải đạt được khi hoàn thành CTĐT trình độ Thạc sĩ. Theo QĐ số 855/QĐ-ĐHĐL ngày 31/07/2020 ban hành CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.03]** và theo QĐ số 853^{B}/QĐ-ĐHĐL ngày 31/07/2020 ban hành CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT năm 2020 **[H1.01.01.03],** CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ này có 12 CĐR chung cho khối ngành: CĐR về kiến thức có 03 chuẩn; CĐR về kỹ năng có 05 chuẩn; CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm có 04 chuẩn; 04 CĐR chuyên biệt ngành Kỹ thuật điện tử định hướng ứng dụng: CĐR về kiến thức có 02 chuẩn; CĐR về kỹ năng có 02 chuẩn; 04 CĐR

chuyên biệt ngành Kỹ thuật điện tử định hướng nghiên cứu: CĐR về kiến thức có 02 chuẩn; CĐR về kỹ năng có 02 chuẩn. CĐR kiến thức được sắp xếp từ kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Kĩ thuật điện tử đến kiến thức liên ngành có liên quan và quản trị và quản lý. Học viên ngành KTĐT sau khi tốt nghiệp có các kiến thức chuyên sâu về phát hiện, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề mới trong các hệ thống điện tử tiên tiến, hiện đại. Có các kiến thức chuyên sâu về khoa học phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực điện tử. Có các kiến thức chuyên sâu về triển khai, ứng dụng các kĩ thuật, công nghệ trong các hệ thống điện tử tiên tiến, hiện đại. Có các kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật, công nghệ tiên tiến phục vụ cho hoạt động ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện tử. Khả năng làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm và đảm bảo chất lượng công việc là những yêu cầu đối với học viên ngành KTĐT tại Trường Đại học Điện lực, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cũng như tác động tới xã hội, các bên liên quan được đề cập trong quá trình đào tạo và kỳ vọng sẽ được các học viên KTĐT sau khi tốt nghiệp đạt được.

Trong đợt hiệu chỉnh năm 2023-2024, chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng theo các quy định trong Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ **[H1.01.01.07]** và QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của TTCP về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia VN **[H1.01.01.05];** Khoa đã tiến hành quá trình điều chỉnh CĐR một cách bài bản **[H1.01.01.06].** CĐR này bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể đối với một học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.15]** là cơ sở nền tảng để đáp ứng được mục tiêu đào tạo trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của học viên sau khi tốt nghiệp.

CĐR của ngành KTĐT đảm bảo phù hợp với mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ Thạc sĩ, phản ánh được các yêu cầu chung đối với một người đạt trình Thạc sĩ theo khung trình độ quốc gia **[H1.01.01.05]** và danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân **[H1.01.01.21]** cũng như đáp ứng yêu cầu chuyên biệt đối với Thạc sĩ tốt nghiệp ngành KTĐT và các quy định của nhà nước. Như vậy, CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xác định rõ ràng, xúc tích phản ánh được mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ.

CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được ban hành theo Quyết định số 1050/QĐ-ĐHĐL ngày 18/07/2023 với 11 CĐR, 03 CĐR về kiến thức, 05 CĐR kỹ năng và 03 CĐR mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm **[H1.01.01.15],** Cụ thể, các chuẩn

đầu ra được mô tả trong bảng sau:

Bảng 1.1. Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT

Nhóm CDR	**PLOs**	**Nội dung chuẩn đầu ra**
CĐR-Kiến thức	PLO1	Có các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng về triển khai, ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ trong các hệ thống điện tử tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện tử;
	PLO2	Hiểu được các kiến thức liên ngành có liên quan;
	PLO3	Hiểu được các kiến thức chung về quản trị và quản lý.
CĐR- Kỹ năng	PLO4	Có khả năng sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại ứng dụng trong lĩnh vực kỹ thuật điện tử;
	PLO5	Có khả năng phát hiện, tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan tới ứng dụng hệ thống, thiết bị điện tử một cách khoa học;
	PLO6	Có khả năng làm việc nhóm, kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng và khác ngành;
	PLO7	Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;
	PLO8	Có trình độ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
CĐR- Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;
	PLO10	Có khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật điện tử;
	PLO11	Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật điện tử.

Bảng 1.2:Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra (PLO)	**Mục tiêu đào tạo (PO)**							
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1	X			X				X
PLO2	X			X				
PLO3						X	X	

PLO4	X	X	X					
PLO5		X	X	X	X			
PLO6						X	X	
PLO7						X	X	
PLO8				X		X		X
PLO9						X		
PLO10		X		X	X			
PLO11							X	

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT nêu rõ các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm bao gồm cả các yêu cầu chung và một số yêu cầu chuyên biệt người học cần phải đạt được khi hoàn thành CTĐT trình độ Thạc sĩ. So chiếu với CĐR của các CTĐT trình độ Thạc sĩ tương ứng của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng và Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Đại học RMIT, Cộng hòa Liên bang Úc cho thấy có sự tương đồng giữa ba CTĐT trình độ Thạc sĩ của ba trường này **[H1.01.01.11].**

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT thể hiện rõ ràng các đánh giá về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học chương trình. Các yêu cầu của CĐR đã được thể hiện ở các nội dung cụ thể chi tiết của đề cương chi tiết trong các học phần của CTĐT trình độ Thạc sĩ nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển tải yêu cầu của CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ thành các CĐR của các học phần (đề cương chi tiết của các học phần là minh chứng cho việc chuyển đổi này). Cụ thể, như ở các môn học: Công nghệ chế tạo mạch vi điện tử, Thiết kế hệ thống nhúng, Công nghệ vô tuyến định nghĩa bằng phần mềm, Thiết kế các phần tử siêu cao tần, Mạng truyền thông nâng cao, Máy học. Với 11 CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ đã được đáp ứng đầy đủ thông qua các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ thể hiện rõ và đầy đủ ở ma trận chuẩn đầu ra **[H1.01.01.15].**

Ngành KTĐT của Khoa ĐTVT được xây dựng, thiết kế, rà soát và cập nhật đào tạo Thạc sĩ theo trình độ đào tạo định hướng ứng dụng đáp ứng yêu cầu được cấp bằng Thạc sĩ đối với người học hoàn thành CTĐT trình độ Thạc sĩ. Điều này được thể hiện ở điểm sau:

CTĐT trình độ Thạc sĩ được hiệu chỉnh hai đợt năm học 2019-2020 có tổng khối lượng học tập là 60 tín chỉ (các học phần 30 tín chỉ; LVThS 30 tín chỉ) theo định hướng trình độ đào tạo cả nghiên cứu và ứng dụng và năm học 2023-2024 có khối lượng giảng dạy 60 tín chỉ (09 tín đề án tốt nghiệp; 09 tín học phần thực tập ngoài trường; 42 tín học phần) chỉ trình độ đào tạo theo định hướng ứng dụng. Như vậy, khối lượng giảng dạy

của CTĐT Thạc sĩ đáp ứng yêu cầu khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành **[H1.01.01.07].**

Để đạt được mục tiêu và các CĐR theo yêu cầu trình độ Thạc sĩ bên cạnh các học phần đáp ứng yêu cầu đối với trình độ Thạc sĩ thì CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của Khoa ĐTVT đã đưa vào các học phần mang tính chất đặc thù chuyên sâu như: Thiết kế điện tử tiên tiến và quy trình sản xuất; Máy học; Thiết kế Anten; Thực tập ngoài cơ sở (thực tập tốt nghiệp); **[H1.01.01.06].** Các học phần này đã được đưa bổ sung mới vào CTĐT trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học điện lực trong đợt hiệu chỉnh năm 2023-2024. Trong khi đó CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng và Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Đại học RMIT, Cộng hòa Liên bang Úc cũng không có. Điều này cũng thể hiện sự khác biệt/ tính chuyên biệt của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của Trường ĐH Điện lực so với các Trường được đối sánh **[H1.01.01.06],** [**H1.01.01.11].**

Các CĐR được xác định trong thang đo nhận thức Bloom chú trọng các cấp độ hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và một phần sáng tạo phù hợp với cấp độ đào tạo Thạc sĩ CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ được thiết kế để có thể đo lường được, thông qua việc đánh giá kết quả học tập của từng học phần và giúp học viên có thể đánh giá mức đạt được thông qua kiểm tra đánh giá năng lực người học theo CĐR. Các CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ được chi tiết hoá thành CĐR các học phần và tương ứng là cách kiểm tra, đánh giá trong từng học phần và được công khai trên trang web của Phòng Đào tạo và Sau đại học **[H1.01.01.14].** Việc chuyển tải các CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ (PLO) chi tiết hoá thành các CĐR của từng học phần đã được xác định và nêu rõ trong từng ĐCCT học phần (CLO). Ở mỗi học phần, khi biên soạn đề cương chi tiết đều nêu rõ chuẩn đầu ra học phần nào đáp ứng được CĐR nào của CTĐT trình độ Thạc sĩ.

Ví dụ: Đối với học phần Thiết kế điện tử tiên tiến và quy trình sản xuất các chuẩn đầu ra học phần CLO1 đáp ứng được chuẩn đầu ra kiến thức PLO1,PLO2, PLO3 trong CTĐT. Các chuẩn đầu ra về kỹ năng như PLO4, PLO5, PLO6 được chi tiết hóa tương ứng thành CLO2, CLO3, CLO4. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm đạt được trong học phần được thể hiện trong CLO5 tương ứng đáp ứng PLO9 của CTĐT **[H1.01.02.01].**

Bảng 0.3. Chuẩn đầu ra học phần Thiết kế điện tử tiên tiến và quy trình sản xuất trong ĐCCT của học phần

CĐR học phần	**Mô tả** ***Sau khi kết thúc học phần này, người học có thể:***	**CĐR CTĐT**
	Kiến thức	
CLO1	Có kiến thức về cấu trúc vật lý và tính chất của các linh kiện điện tử số cơ bản.	PLO1 PLO2

		PLO3
	Kỹ năng	
CLO2	Có kỹ năng tính toán và mô phỏng một số mạch.	PLO4
CLO3	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp mạch tích hợp cơ bản và có thể sử dụng ít nhất một phần mềm hỗ trợ thiết kế điện tử (EDA).	PLO5
CLO4	Có khả năng lập trình mô phỏng các hệ thống đơn giản trên các phần mềm mô phỏng.	PLO6
	Mức tự chủ và trách nhiệm	
CLO5	Có khả năng làm việc hiệu quả với vai trò là thành viên hoặc nhóm trưởng trong một nhóm kỹ thuật;	PLO9

CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được thiết kế có thể đo lường và đánh giá trên cơ sở kết quả học tập từng học phần, luận văn tốt nghiệp, các chứng chỉ cần đạt của học viên trước khi tốt nghiệp (Chứng chỉ ngoại ngữ). CĐR là căn cứ quan trọng để xây dựng cấu trúc CTĐT trình độ Thạc sĩ cũng như đề cương chi tiết của các học phần giảng dạy tại Khoa ĐTVT, việc xây dựng nội dung và các CĐR riêng rẽ của từng học phần cụ thể hoá CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ và đảm bảo được tính phù hợp cũng như tính liên kết giữa các học phần cơ sở và chuyên ngành trong cùng một chương trình. Mỗi học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ đều được thiết kế để học viên hướng đến việc đạt được một hoặc một vài CĐR. Cùng với việc rà soát điều chỉnh CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT cũng được bổ sung thêm ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.02.02], [H1.01.01.06]**.

2. Điểm mạnh

Khoa ĐTVT đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của học viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho học viên giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, học viên qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Khoa ĐTVT chưa thường xuyên thảo luận chuyên môn sâu tại khoa để xác định mức độ đáp ứng của các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ với CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT cần tiếp tục tổ chức họp chuyên môn ở Khoa để trao đổi

về mức độ đáp ứng của CĐR của các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ với các CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ chi tiết hơn, thường xuyên hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng có tham khảo ý kiến các bên liên quan như giảng viên, chuyên gia, học viên, cựu học viên, nhà SDLĐ [**H1.01.01.09**], **[H1.01.01.10]**, đồng thời có tham khảo CĐR của một số CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đào tạo theo định hướng ứng dụng của các trường ĐH có uy tín ở Việt Nam như Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên và ở nước ngoài như Đại học RMIT, Cộng hòa Liên bang Úc, Đại học Kỹ thuật Riga, Látvia [**H1.01.01.11**] để từ đó Khoa hệ thống lại được khung CTĐT trình độ Thạc sĩ và đưa ra được bộ CĐR phù hợp, hoàn thiện. CĐR được công bố công khai qua đó, các giảng viên, chuyên gia, học viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan dễ dàng nắm bắt được đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn và đánh giá đúng chất lượng dạy và học của ngành KTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT các phiên bản 2020,2023 được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Phòng sau đại học, trường Đại học Điện lực **[H1.01.01.14].**

Nhà trường đã có kế hoạch cập nhật và đánh giá CTĐT số 1357/KH-ĐHĐL ngày 05/09/2019 **[H1.01.03.01**]; số 1142/QĐ-ĐHĐL ngày 06/09/2019 về việc hiệu chỉnh CTĐT trình độ Thạc sĩ **[H1.01.03.02]**; số 1442/QĐ-ĐHĐL ngày 04/11/2019 đã thành lập Tổ đánh giá CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.03.03];** Số 2040/BB-ĐHĐL ngày 11/11/2022 **[H1.01.03.04],** số 2354/KH-ĐHĐL ngày 16/12/2022 **[H1.01.03.05];** đã thành lập Tổ đánh giá CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT (QĐ số 2062/QĐ-ĐHĐL ngày 15/11/2022) gồm 07 thành viên là các GV của Khoa và các chuyên gia và doanh nghiệp [**H1.01.03.06**]. Tổ có nhiệm vụ rà soát, đánh giá lại CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đang triển khai; thu thập thông tin minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CĐR/CTĐT trình độ Thạc sĩ. Đầu tiên, Khoa tiến hành thống kê, khảo sát về những thay đổi trong quy định của Nhà nước và của Nhà trường về CTĐT trình độ Thạc sĩ, về những tiến bộ khoa học công nghệ trong và ngoài nước về lĩnh vực KTĐT**,** về các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến nhu cầu và phân bố nguồn nhân lực ngành KTĐT của Việt Nam **[H1.01.03.07].** Báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo **[H1.01.03.08], [H1.01.01.13], [H1.01.01.22**]. Báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về mức độ quan trọng

của kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.09], H1.01.01.10].** Năm 2023 Khoa đã khảo sát ý kiến của các bên liên quan gồm: Cựu học viên 43 phiếu; Nhà sử dụng lao động 13 phiếu; GV và chuyên gia 19 phiếu; Học viên đang học 14 phiếu, đã viết báo cáo khảo sát **[H1.01.01.09].** Các báo cáo trên đã được trình bày tham luận tại hội thảo với các bên liên quan do khoa tổ chức nhằm lấy ý kiến về CTĐT trình độ Thạc sĩ hiện tại và định hướng hiệu chỉnh **[H1.01.01.24], [H1.01.01.25],[H1.01.01.26];** từ đó xác định được Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể của CTĐT trình độ Thạc sĩ. Trên cơ sở các mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ đã được xác định, Khoa đã tổ chức các cuộc họp đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR với Mục tiêu chương trình trong bối cảnh các thay đổi trong quy định của nhà nước, điều chỉnh về sứ mệnh, nhiệm vụ của Nhà trường, những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành, các vấn đề kinh tế xã hội liên quan đến CTĐT, kết quả phản hồi của người học, người sử dụng lao động các bên liên quan. Khoa đã tổ chức thảo luận, thống nhất mục tiêu, nội dung, cấu trúc CĐR, có kế hoạch, phân công và triển khai thực hiện **[H1.01.03.07],[H1.01.03.08] [H1.01.03.09].** Khoa đưa ra dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện CĐR cho ngành **[H1.01.03.10], [H1.01.03.11].**

CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm 1 lần. Việc định kỳ rà soát để phản ánh yêu cầu của mục tiêu CTĐT và của các bên liên quan **[H1.01.03.11]**. CĐR của ngành KTĐT được ban hành lần đầu trong năm 2018 được chia thành CĐR Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng **[H1.01.01.02],** được định kỳ điều chỉnh vào năm 2020 **[H1.01.01.03]** vẫn theo chia thành CĐR Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Năm 2023 được điều chỉnh chia thành CĐR Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo một trình độ Thạc sĩ đào tạo định hướng ứng dụng **[H1.01.01.15]** là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành, bao quát được mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ và yêu cầu của các bên liên quan.

Năm 2020, CTĐT trình độ Thạc sĩ được công bố với đầy đủ CĐR ngành KTĐT và CĐR của các học phần **[H1.01.01.03]**, năm 2023 CTĐT trình độ Thạc sĩ được rà soát, điều chỉnh với CĐR ngành KTĐT và CĐR của các học phần, trong đó có một số học phần mới **[H1.01.01.06].** CĐR ngành KTĐT năm 2023 được bố cục rõ ràng với đầy đủ các nội dung: tên ngành; mã số; trình độ đào tạo; CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT, CĐR luôn nằm

trong kế hoạch và nhiệm vụ hàng năm của Khoa ĐTVT, Trường ĐHĐL **[H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09],[H1.01.03.10]H1.01.03.12], [H1.01.03.13]**. Nhằm xây dựng CTĐT theo hướng đào tạo chất lượng cao làm mũi nhọn để nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu xã hội, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được rà soát, điều chỉnh tiếp vào năm 2024. Để chuẩn bị cho rà soát, điều chỉnh CTĐT lần này thì Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT trình độ đại học dựa trên quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ quốc gia **[H1.01.01.05];** Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H1.01.01.07]** quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ là một nội dung được trình bày trong tài liệu CTĐT trình độ Thạc sĩ và bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ. CTĐT trình độ Thạc sĩ và bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau, thuận tiện cho các bên tra cứu và tìm hiểu về chương trình. Cụ thể: trong văn bản, quyết định về CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT tại Phòng sau Đại học, Văn phòng Khoa ĐTVT cũng như trên website của phòng sau đại học, Trường, cổng thông tin học viên và các kênh thông tin khác để tất cả các bên liên quan được biết **[H1.01.01.14], [H1.01.03.14].** Tuy nhiên, mức độ chủ động tìm hiểu của người học còn chưa cao, cần phổ biến rộng rãi hơn trên nhiều kênh quảng bá khác nhau.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, học viên, cựu học viên, giảng viên và chuyên gia). CĐR được xem xét định kỳ, có sự tham gia các bên liên quan – việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, học viên thông qua các hoạt động kết nối. CĐR đáp ứng được xu thế phát triển của lĩnh vực KTĐT trong cuộc CMCN 4.0 thông qua việc bổ sung trong các học phần mới khi rà soát, điều chỉnh CTĐT vào năm 2023.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa thực hiện hàng năm và số lượng phiếu khảo sát còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT cần thực hiện khảo sát hàng năm các bên liên quan với

số lượng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu và CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, quy định của Chính phủ, Bộ GDĐT. CĐR đáp ứng được xác định rõ ràng, đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường. CĐR được công bố công khai trên trang website, cổng thông tin đào tạo Nhà trường.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa ĐTVT đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CTĐT

Mở đầu

Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT thuộc Khoa ĐTVT được xây dựng dựa trên cơ sở chương trình đào tạo do trường Đại học Điện lực ban hành. Đây là một văn bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT trình độ Thạc sĩ và hướng dẫn thực hiện hoạt động giảng dạy cho giảng viên và học viên với kết cấu được thể hiện theo các quy định hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, phù hợp với mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của Trường và của Khoa.

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT được Khoa ĐTVT xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc chương trình, mô tả ngắn gọn học phần cũng như đánh giá và tổ chức thực hiện CTĐT trình độ Thạc sĩ để người học đạt được các CĐR của chương trình. Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ đã cung cấp những thông tin cần thiết cho các bên liên quan và thông tin về bản mô tả được công bố công khai trên website của Nhà trường cũng như các kênh thông tin khác để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ cũng là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình hiểu mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Khoa ĐTVT xây dựng bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT giúp người học và những người quan tâm có được đầy đủ thông tin về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc khoá học, nội dung căn bản, hoạt động đào tạo, ma trận khối kiến thức các học phần góp phần vào việc đạt CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ những mô tả ngắn gọn về các học phần trong CTĐT. Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ được cập nhật qua các năm 2018, 2020, 2024 **[H1.01.01.02] [H1.01.01.03] [H1.01.01.06].**

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng trên cơ sở CTĐT được Bộ GDĐT cho phép mở năm 2013 (theo Quyết định mở ngành số 2446/QĐ-BGD&ĐT ngày 04/07/2013 của Bộ trưởng Bộ GDĐT **[H1.01.01.01].** Nhà trường sau khi ban hành CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT (số 109B QĐ-ĐHĐL ngày 25/01/2018 **[H1.01.01.02]** cho phiên bản 2018, tiếp đến đã ban hành bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT (số 855 QĐ-ĐHĐL ngày 31/07/2020) **[H1.01.01.03]** cho phiên bản 2020 và sau đó đã ban hành bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT (số 459/QĐ-ĐHĐL ngày 28/03/2024) **[H1.01.01.06]** cho phiên bản 2024. Trong chu kỳ KĐCLGD, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được hiệu chỉnh 02 lần (năm 2020; năm 2024), Nhà trường đã có kế hoạch cập nhật và đánh giá CTĐT số 1357/KH-ĐHĐL ngày 05/09/2019 **[H1.01.03.01**]; số 1142/QĐ-ĐHĐL ngày 06/09/2019 về việc hiệu chỉnh CTĐT trình độ Thạc sĩ **[H1.01.03.02]**; số 1442/QĐ-ĐHĐL ngày 04/11/2019 đã thành lập Tổ đánh giá CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.03.03];** Số 2040/BB-ĐHĐL ngày 11/11/2022 **[H1.01.03.04],** số 2354/KH-ĐHĐL ngày 16/12/2022 **[H1.01.03.05];** đã thành lập Tổ đánh giá CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT (QĐ số 2062/QĐ-ĐHĐL ngày 15/11/2022) gồm 07 thành viên là các GV của Khoa và các chuyên gia và doanh nghiệp [**H1.01.03.06**]. Khoa đã xây dựng Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có đủ thông tin (14 nội dung: Mô tả chương trình đào tạo; Mục tiêu đào tạo; CĐR; Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển sau tốt nghiệp; Vị trí làm việc sau tốt nghiệp; Thông tin tuyển sinh; Khối lượng kiến thức toàn khoá; Khung chương trình dạy học; Dự kiến kế hoạch giảng dạy; Ma trận đóng góp của khối kiến thức vào mức độ đạt chuẩn đầu ra; Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra; Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá; Trình tự thực hiện chương trình theo từng học kỳ; Mô tả tóm tắt học phần.

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã đề cập đến thông tin về chiến lược giảng dạy, học tập của chương trình là "*Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học, kết nối doanh nghiệp trong đào tạo nhằm tăng cường tính thực tiễn của học viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển nghề nghiệp,*

ý thức học tập suốt đời". Quá trình giảng dạy được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, kết nối doanh nghiệp nhằm tăng cường tính thực tiễn cho học viên. Phương pháp đào tạo này giúp HV có được cái nhìn gần gũi với thị trường lao động. Bản mô tả CTĐT cung cấp cho HV một cái nhìn tổng thể về khoá học để thực hiện kế hoạch học tập phù hợp **[H1.01.01.06].**

Bản mô tả chương trình còn đề cập đến ma trận kỹ năng của các học phần, trong đó chỉ rõ mỗi học phần sẽ giúp HV hình thành những CĐR kiến thức, kỹ năng hay mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm nào. Điều này được chỉ rõ trong Ma trận tích lũy kiến thức theo CĐR đã công bố. Mặt khác, ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình và đề cương tổng quát của các học phần và các yêu cầu bao gồm trình độ đào tạo, học phần, số tín chỉ **[H1.01.01.06]**. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ **[H1.01.01.11]** được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CĐR của CTĐT là cần thiết để rà soát, điều chỉnh, xây dựng và củng cố CTĐT phù hợp với xu thế phát triển trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tiếp theo **[H1.01.01.13], [H1.01.01.22]. [H1.01.01.23] [H1.01.01.25].** Bản mô tả chương trình cũng đề cập tới Kế hoạch giảng dạy của toàn khóa, trong đó chỉ ra mỗi học kỳ trong 24 tháng đối với hình thức vừa học vừa làm (VHVL) và 18 tháng đối với hình thức chính quy; HV được dự kiến học tập những học phần chi tiết. Tất cả những thông tin trên sẽ giúp người học hình dung khái quát về lộ trình học tập trong trong 24 tháng đối với hình thức vừa học vừa làm (VHVL) và 18 tháng đối với hình thức chính quy nhằm xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành CTĐT.

Trong chu kỳ KĐCLGD, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được hiệu chỉnh 02 lần (năm 2020; năm 2024), bản mô tả là 60TC đã được cập nhật những nội dung mới nhất của CTĐT.

Năm học 2019-2020, Nhà trường chỉ đạo về rà soát CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT theo Quyết định Số: 1357/KH-ĐHĐL ngày 05/09/2019 **[H1.01.03.01],** số 1142/QĐ-ĐHĐL ngày 06/09/2019 **[H1.01.03.02]**, Tổ cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT (QĐ số 1442/QĐ-ĐHĐL ngày 04/11/2019) **[H1.01.03.03**]. Trong đó bám sát quy định trong Thông tư Số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định,ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học,thạc sĩ, tiến sĩ **[H1.01.01.04],** Khoa ĐTVT đã xây dựng bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã cập nhật thêm bảng ma trận tích hợp CĐR các học phần và các học phần trong CTĐT đã bổ sung thêm CĐR, phương pháp đánh giá học phần, CĐR đã được cập nhật vào bản

mô tả của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được Trường ban hành theo quyết định số 855/QĐ-ĐHĐL ngày 31 tháng 07 năm 2020 **[H1.01.01.03].**

Năm học 2023-2024, Nhà trường đã có kế hoạch cập nhật và đánh giá CTĐT số 2040/BB-ĐHĐL ngày 11/11/2022 **[H1.01.03.04**], số 2354/KH-ĐHĐL ngày 16/12/2022 **[H1.01.03.05];** đã thành lập Tổ đánh giá CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT mã ngành 8520203 theo Quyết định số 2062/QĐ-ĐHĐL ngày 15/11/2022 gồm 07 thành viên là các GV của Khoa và các chuyên gia, doanh nghiệp **[H1.01.03.06].** Tổ có nhiệm vụ rà soát, đánh giá lại CĐR, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đang triển khai; thu thập thông tin minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT thạc sĩ. Trong đó bám sát được xây dựng theo các quy định trong Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ **[H1.01.01.07]** và QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của TTCP về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia VN **[H1.01.01.05];** Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT xây dựng năm 2024 có đầy đủ thông tin bao gồm: Tên trường: Trường Đại học Điện lực; Tên chương trình đào tạo: Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử; Mã ngành đào tạo: 8520203; Trình độ đào tạo: Thạc sĩ; Thời gian đào tạo: 18 tháng đối với hình thức chính quy; 24 tháng đối với hình thức vừa học vừa làm (VHVL); Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử; mục tiêu CTĐT; CĐR của CTĐT; khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 TC; thông tin đối sánh CĐR và CTĐT: (Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng; Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên; Đại học RMIT, Cộng hòa Liên bang Úc; Đại học Kỹ thuật Riga, Látvia).

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT xây dựng năm 2024 có đầy đủ thông tin như bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT năm 2020 và đã cập nhật thêm Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra, Ma trận đóng góp của khối kiến thức vào mức độ đạt chuẩn đầu ra; Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ; Danh mục ngành đúng và ngành gần; Danh mục các học phần bổ sung kiến thức; Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học. Trong đó chỉ ra mỗi học kỳ trong 2 năm học, HV được học tập những học phần chi tiết **[H1.01.01.06].** Trong quá trình thực hiện, CTĐT định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật (bổ sung học phần mới, đổi mới đề cương học phần, bổ sung các học phần, đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,...) để giúp HV phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CĐR đã công bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng. Một số nội dung về phương pháp giảng dạy trong học phần Thực tập ngoài cơ sở và hình thức

đánh giá học phần được đa dạng hoá. Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được rà soát và cập nhật định kỳ bao gồm cả phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra và tài liệu học tập (cập nhật gần đây trong năm 2020 và 2024).

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau, thuận tiện cho các bên tra cứu và tìm hiểu về chương trình. Cụ thể: trong văn bản, quyết định về CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT tại Phòng sau Đại học, Văn phòng Khoa ĐTVT cũng như trên website của phòng sau đại học, Trường, cổng thông tin học viên và các kênh thông tin khác để tất cả các bên liên quan được biết **[H1.01.01.14], [H1.01.03.14].**

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để người học, những người quan tâm nắm bắt CTĐT. Việc cập nhập định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo đóng góp của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được cập nhật các thông tin mới nhất liên quan đến CTĐT nhưng chưa toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT chủ động cập nhật các thông tin mới liên quan đến CTĐT đầy đủ hơn.

***5.Tự đánh giá*:** Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và HV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CĐR chi tiết của học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng.

Đề cương các môn học/học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được Khoa ĐTVT xây dựng và được Nhà trường ban hành CTĐT bao gồm đầy đủ thông tin: tên môn học/học phần, tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã ban hành kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT **[H1.01.03.01], [H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03**]. Phiên bản CTĐT năm 2020 khung chương trình đào tạo

thạc sĩ Kỹ thuật điện tử được thiết kế theo hai định hướng: Định hướng ứng dụng và Định hướng nghiên cứu **[H1.01.01.03].**

Với định hướng ứng dụng, mục tiêu của chương trình là trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao hơn, toàn diện hơn so với chương trình đại học để vận dụng tốt hơn trong khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của mình ở các vị trí được đảm nhiệm. Chương trình được thiết kế với tổng số 15HP 60 tín chỉ (TC), gồm 05HP 12 TC (20%) bắt buộc trong đó có 02HP 6 TC (phần kiến thức chung) và 03HP 6 TC (phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành); 09HP 18 TC (30%) tự chọn (kiến thức ngành và chuyên ngành) và 01 HP 30 TC (50%) làm luận văn tốt nghiệp.

Với định hướng nghiên cứu, mục tiêu của chương trình là ngoài việc trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao hơn, toàn diện hơn so với chương trình đại học thì các học viên ở định hướng này còn được trang bị thêm một số kiến thức cập nhật các thành tựu khoa học mới, hiện đại và có tính khoa học hơn phục vụ cho các định hướng nghiên cứu tiếp theo. Chương trình được thiết kế với tổng số 18HP 72 tín chỉ (TC), gồm 05HP 12 TC (17%) bắt buộc gồm 02HP 6TC (phần kiến thức chung) và 03HP 6 TC (phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành); 12 HP 24 TC (33%) tự chọn (kiến thức ngành và chuyên ngành) và 01HP 36 TC (50%) làm luận văn tốt nghiệp. Mặc dù số lượng tín chỉ của loại định hướng này không nhiều hơn so với loại định hướng ứng dụng, tuy nhiên trong quá trình giảng dạy, mức độ kiến thức trong các học phần của loại định hướng này sẽ được bổ sung và nâng cao hơn. 100% các HP đều có đề cương chi tiết HP được phê duyệt.

Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định. Toàn bộ đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin bao gồm: thông tin về đơn vị đào tạo, tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CĐR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Đề cương có tên GV soạn đề cương và được thông qua Khoa ĐTVT cùng các lần cập nhật. Đề cương đã bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần với CĐR ngành KTĐT, phương pháp giảng dạy thông qua các nội dung yêu cầu HV chuẩn bị, nội dung thảo luận và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy thông qua bài tập lớn, bài tập nhóm, thảo luận tăng cường cho thời gian tự học **[H1.01.01.03]**. Các nội dung cơ bản về học phần và phương pháp đánh giá học phần, tài liệu cập nhật trong các đề cương chi tiết và bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT cập nhật năm 2020 được phê duyệt ban hành theo Quyết định số 855/QĐ-ĐHĐL ngày 31/07/2020 [**H1.01.01.03].**

Năm học 2023 - 2024, Nhà trường đã ban hành kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT **[H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06].** Phiên bản CTĐT năm 2024 khung CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được thiết kế theo một định hướng ứng dụng **[H2.02.02.01].** Chương trình được thiết kế với tổng số từ 18HP đến 21HP 60 tín chỉ (TC), gồm 04HP 11 TC (18%) bắt buộc gồm 01HP 3TC (phần kiến thức chung) và 03HP 08 TC (phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành); từ 12 HP đến 15HP 31 TC (33%) tự chọn (kiến thức ngành và chuyên ngành), và 01HP 09 TC (15%) thực tập tốt nghiệp; 01HP 09 TC (15%) làm đề án tốt nghiệp. Toàn bộ đề cương học phần của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT cơ bản được điều chỉnh. ĐCCT các học phần đã được rà soát chi tiết, cập nhật CĐR phù hợp với CĐR của CTĐT và bám sát yêu cầu Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cơ bản đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Khoa ĐTVT phân công giảng viên phụ trách bổ sung học phần, điều chỉnh số tín chỉ và nội dung một số môn như bổ sung 09HP mới: Công nghệ chế tạo mạch vi điện tử (3TC), Điện tử y sinh (3TC), Thiết kế các phần tử siêu cao tần (3TC), Thiết kế Anten (2TC), Mạng truyền thông nâng cao (2TC), Thiết kế điện tử tiên tiến và quy trình sản xuất (3TC), Tương thích điện từ trường (2TC), Máy học ứng dụng trong kỹ thuật điện tử (3TC), Lọc và ứng dụng trong Điện tử - Viễn thông (2TC). Điều chỉnh số tín chỉ trong 03 học phần: Học phần Thiết kế hệ thống nhúng tăng số tín chỉ từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ; Học phần Thông tin vô tuyến nâng cao số tín chỉ từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ; Thiết kế các phần tử siêu cao tần từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ để đảm bảo phù hợp với khối lượng kiến thức của học phần và đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học phần Công nghệ điện tử tiên tiến (2TC) và Thiết kế mạch tích hợp số (2TC) được bỏ khỏi chương trình đào tạo. Bổ sung đề cương cho các học phần thực tập (9TC) và đề án tốt nghiệp (9TC). Đây là học phần mới theo quy định đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học phần rà soát hiệu chỉnh đã bổ sung đa dạng phương pháp đánh giá và phương pháp giảng dạy, điều chỉnh lại mục tiêu và chuẩn đầu ra để đảm bảo tính thống nhất với mục tiêu chung của chương trình đào tạo; rà soát cập nhật danh mục tài liệu tham khảo của các học phần như các HP: Mô hình hóa và mô phỏng (2TC), Xử lý tín hiệu nâng cao (2TC), Thông tin quang nâng cao (2TC), Kỹ thuật vi xử lý nâng cao (2TC), Lý thuyết nhận dạng và ứng dụng trong các hệ thống điều khiển (2TC), Kỹ thuật robot (2TC), Thông tin vô tuyến nâng cao (3TC). Sau khi rà soát, cập nhật, Khoa phân công chéo các giảng viên nhận xét, phản biện các ĐCCT về các thông tin chung, mục tiêu, CĐR, nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập của học phần. Yêu cầu rà soát, điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp để có được các ĐCCT hoàn thiện nhất **[H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04],[H2.02.02.05],**

Các đề cương các HP đều có đầy đủ các nội dung cấu thành theo quy định về việc hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết các HP, phù hợp với quy định của Bộ GDĐT. Đề cương các HP đều có đầy đủ thông tin, bao gồm: tên HP; trình độ đào tạo; khoa/bộ môn phụ trách giảng dạy; tên GV phụ trách giảng dạy; số tín chỉ; tính chất HP bắt buộc hay tự chọn, các HP học trước, HP song hành; mô tả vắn tắt nội dung HP; mục tiêu, các CĐR về kiến thức, về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ, về thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp; nội dung/lịch trình chi tiết HP; ma trận liên kết nội dung các bài giảng, mục tiêu với CĐR của HP; tài liệu học tập chính, tài liệu tham khảo; phương pháp dạy, phương pháp học và quy định về hành vi lớp học. Phương pháp đánh giá HP điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ cùng các trọng số tương ứng đều được tham chiếu đến CĐR.

Tất cả các đề cương HP được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh vào các năm 2018, 2020 và năm 2024. Khoa đã thực hiện đối sánh, tiếp thu và cập nhật từ các đề cương HP có trong CTĐT của một số trường ĐH có uy tín trong nước như: Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng; Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên; Đại học RMIT, Cộng hòa Liên bang Úc; Đại học Kỹ thuật Riga, Látvia **[H1.01.01.11].**

Bộ đề cương chi tiết các học phần được xây dựng đồng bộ khi xây dựng CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT từ năm 2013 đến năm 2024. Toàn bộ đề cương học phần cập nhật theo mẫu mới (Thông tư 22/2017) cùng với hướng dẫn của phòng sau đại học và nhà trường. Trong quá trình đào tạo, theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn hàng năm, Khoa ĐTVT giao cho GV phụ trách học phần tiến hành trao đổi về đề cương chi tiết học phần về nội dung, học liệu giảng dạy (đặc biệt cập nhật những nội dung mới hay việc thay đổi theo xu hướng nền kinh tế số như hiện nay), phương pháp kiểm tra định kỳ, phương pháp kiểm tra kết thúc học phần và hiệu chỉnh các đề cương chi tiết học phần **[H2.02.02.02].** Quá trình biên soạn, hiệu chỉnh bám sát việc đảm bảo đáp ứng CĐR trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.15]**. Theo đó, đề cương chi tiết các học phần cũng được điều chỉnh và cập nhật vào CTDH **[H1.01.01.06].** Hàng năm trong các Hội nghị giao ban ĐT, Hội nghị khoa học đào tạo của Khoa, Hội nghị HV, người sử dụng lao động, nhà tuyển các nội dung về CTĐT đã được quan tâm xem xét nhằm đánh giá kết quả hoạt động đào tạo, đánh giá ưu nhược điểm của đề cương các học phần **[H1.01.01.24], [H1.01.01.25], [H1.01.01.26].** Phân tích nguyên nhân tồn tại, đề ra các giải pháp để tổ chức hoạt động đào tạo cho năm học mới và chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật. Khoa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động, ý kiến của HV về CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy của các học phần sau khi kết thúc khóa học **[H1.01.01.09], [H1.01.01.10]** trên cơ sở đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh theo kế hoạch**.** Qua việc rà soát các ý kiến đóng góp của các bên liên quan **[H1.01.01.27].**

Hội đồng của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm khoa, hội đồng khoa học, các GV có trình độ phó giáo sư, tiến sĩ trở lên có trách nhiệm thẩm định, góp ý, phê duyệt việc bổ sung, cập nhật các đề cương học phần như thay đổi trình tự của một số học phần, thay thế một số học phần, nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo **[H2.02.02.06].**

Trong quá trình giảng dạy, đề cương chi tiết các học phần liên tục được rà soát, cập nhật và điều chỉnh để đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực thích ứng thực tế và phẩm chất nghề nghiệp ngành KTĐT, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của CĐR và thực tiễn nghề nghiệp. Quá trình rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần được thực hiện 2 năm/lần, trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa ĐTVT triển khai họp, rà soát, đánh giá, hiệu chỉnh theo qui định hội đồng khoa học cấp Khoa. Các hoạt động dạy học thực tế của các học phần tuân thủ các phương pháp dạy học cơ bản được đưa ra trong đề cương chi tiết.

Việc hiệu chỉnh CTDH năm 2023 - 2024 được cải tiến so với năm học 2019 – 2020, theo đó toàn bộ đề cương chi tiết được thực hiện theo mục tiêu đáp ứng các chuẩn đầu ra (bao gồm 03 PLO về kiến thức, 05 PLO về kĩ năng và 03 PLO về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm) được ban hành theo Quyết định số 1050/QĐ-ĐHĐL của Trường Đại học Điện lực ngày 18 tháng 07 năm 2023 về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Ngành KTĐT **[H1.01.01.15]**. Bộ đề cương chi tiết học phần qua các lần điều chỉnh vẫn đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực thích ứng thực tế và phẩm chất nghề nghiệp ngành KTĐT, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của CĐR. Đồng thời, đề cương nêu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá với các bài kiểm tra có nội dung chi tiết, cụ thể kèm theo việc xây dựng trọng số bài kiểm tra thành phần và bài thi kết thúc môn nhằm hỗ trợ người học nắm vững các yêu cầu của học phần và chủ động lập kế hoạch học tập **[H1.01.01.06].** Đề cương có nêu rõ phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Cụ thể đối với phương pháp giảng dạy**:**

- Đối với các HP thuộc khối kiến thức chung và khối cơ sở ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm và giải quyết vấn đề;

- Đối với HP kiến thức ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, trao đổi các vấn đề thực tế, phân tích tình huống;

- Đối với HP kiến thức chuyên ngành và tốt nghiệp: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, thực tế doanh nghiệp. Đề cương tất cả các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được cập nhật định kỳ, được chuẩn hoá trong toàn bộ chương trình, cung cấp các yêu cầu và nội dung cơ bản của mỗi HP một cách rõ ràng, chi tiết.

Nhằm tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo, bên cạnh một số HP được giữ nguyên như năm học 2019 – 2020 như HP Độ tin cậy của hệ thống số, Thiết kế hệ thống nhúng, Mô hình hóa và mô phỏng, Thiết kế các phần tử siêu cao tần …,thì một số HP mới được bổ sung trong năm học 2023 – 2024 như HP Công nghệ chế tạo mạch vi điện tử, Thiết kế Anten, Thiết kế điện tử tiên tiến và quy trình sản xuất, Điện tử y sinh … Đặc biệt, Học phần Thực tập ngoài cơ sở được bổ sung mới trong CTĐT năm 2024 giúp người học có cơ hội vận dụng kiến thức, nâng cao kỹ năng thực tế tại các doanh nghiệp để phát triển chuyên môn tốt hơn khi tốt nghiệp. Ngoài ra, báo cáo Đề án tốt nghiệp cuối khóa của ngành KTĐT cũng được xây dựng với các chủ đề đa dạng hơn so với năm học 2019 – 2020 trên cơ sở kiến thức thực tập thực tế, đảm bảo tính khoa học về lý thuyết và tính thực tiễn **[H1.01.01.06].**

Hiện tại, tất cả các ĐCCT học phần thuộc CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được cập nhật trên trang website sau đại học của Trường ĐHĐL **[H1.01.01.14]**, cổng thông tin HV **[H1.01.03.14].** Các ĐCCT học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những ĐCCT học phần trước, theo chuẩn đầu ra mới của CTĐT và các tham khảo từ các trường đại học có CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.11]** và tài liệu tham khảo quốc tế với sự chọn lọc phù hợp với nhu cầu thực tế về yêu cầu CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT ở Việt Nam nói chung và theo hướng đào tạo ứng dụng của trường ĐHĐL nói riêng.

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý học phần và thực hiện nhóm giảng dạy theo học phần cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương học phần có được những cập nhật mới nhất.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết các học phần trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT được chú ý cập nhật theo quy định nhưng việc cập nhật còn chưa hoàn toàn đầy đủ và thường xuyên.

4.Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, bên cạnh yêu cầu cập nhật và hiệu chỉnh định kỳ 2 năm/lần của Nhà trường, Khoa ĐTVT sẽ tiếp tục chủ động cập nhật thường xuyên hơn về nội dung đề cương học phần.

***5.Tự đánh giá*:** Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Việc công bố bản mô tả trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT và đề cương các học phần với CĐR cụ thể mà học phần đó cung cấp giúp cho HV nhận thấy rõ việc học tập có một ý nghĩa quan trọng thật sự việc học tập ảnh hưởng tích cực đến cách suy nghĩ và hành động của mình [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.06].

Việc công khai các thông tin về CTĐT trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà trường [H1.01.01.03], [H1.01.01.06]. Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ, đề cương chi tiết ngành KTĐT sau khi điều chỉnh được Nhà trường phê duyệt sẽ công bố công khai trên website sau đại học của Trường Đại học Điện lực, HV đang theo học, HV tương lai, các đối tác của Khoa, nhà tuyển dụng lao động là những đối tượng chính tìm kiếm thông tin từ chương trình thông qua kênh này (các thông tin cơ bản: CĐR, cấu trúc khoá học, nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo, thời gian đào tạo…) [H1.01.01.14]. Đặc biệt, từ năm 2018, để tiện lợi cho các bên liên quan, đặc biệt là HV, thông tin về CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT đã được đăng trên cổng thông tin HV tại mục Chương trình khung các ngành đào tạo hệ Thạc sĩ chính quy [H1.01.03.14]. Từ đó, giúp cho HV dễ dàng tiếp cận đề cương CTĐT, lựa chọn học phần và theo dõi được tiến độ học của học phần. Tại văn phòng Khoa ĐTVT luôn có bản cứng của Bản mô tả trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT để cán bộ, GV tra cứu khi cần [H1.01.01.03], [H1.01.01.06]. Dựa vào bản mô tả trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT, Khoa chuẩn bị sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của chương trình và tình hình nhân sự của từng chuyên ngành, đồng thời giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy của mình cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các học phần để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học. Bên cạnh đó, một số thông tin cơ bản từ chương trình, trong đó có Bản mô tả được trích dẫn đưa vào trang thông tin tuyển sinh, thông tin về CĐR và vị trí việc làm được đưa vào mục thông tin tuyển sinh của Trường ĐHĐL để dễ dàng giới thiệu về chương trình tới đối tác và HV tương lai của chương trình. Đồng thời, tại các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm, các thông tin chính của bản mô tả CTĐT được giới thiệu và cung cấp cho HV tương lai và phụ huynh [H2.02.03.01].

Toàn bộ đề cương các học phần của các lần hiệu chỉnh CTĐT và được Nhà trường ban hành phê duyệt đều được công bố khai bằng hình thức in trong quyển CTĐT, niên giám CTĐT được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo của Nhà trường và của Khoa [H1.01.01.03], [H1.01.01.06]. Hàng năm, thông tin cập nhật toàn bộ đề cương các học phần cũng được công khai trên trang website sau đại học của Trường Đại học Điện lực [H1.01.01.14], cổng thông tin HV [H1.01.03.14]. Khoa cũng yêu cầu các GV khi bắt đầu một lớp học mới phải cung cấp cho HV về đề cương chi tiết học phần của học phần GV giảng dạy để HV có thể kịp thời nắm bắt và thay đổi cho phù hợp.

Việc công khai bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT và đề cương chi tiết các HP trên website sau đại học của Trường Đại học Điện lực đã giúp cho các đối tượng liên quan (cơ quan quản lý, nhà SDLĐ, giảng viên, người học, cựu người học …) có thể tiếp cận. Khoa đã công khai bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT tới các chuyên gia, đại diện các doanh nghiệp và các cựu HV trong các cuộc hội thảo, trong các đợt lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.24],[H1.01.01.245], [H1.01.01.26]. Thông qua các kênh thông tin trên, các bên liên quan dễ dàng tìm kiếm thông tin về CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT, đặc biệt các bạn HV đang theo học nắm bắt và chủ động xây dựng kế hoạch học tập theo yêu cầu của chương trình học và tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía các GV, cán bộ chuyên trách đào tạo của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được cập nhật, công bố công khai trên website sau đại học của Trường Đại học Điện lực và phần mềm quản lý người học để các bên liên quan có thể tiếp cận được nhưng công tác truyền thông trên các kênh khác chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT cùng các phòng ban chức năng tiếp tục tăng cường công tác truyền thông Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT trên nhiều kênh khác nhau, đồng thời tiếp tục thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về khả năng tiếp cận Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT nhằm hỗ trợ tốt hơn nữa cho quá trình quản lý, giảng dạy, học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng bản mô tả CTĐT Nhà trường và Khoa ĐTVT đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời có sự tham khảo bản mô tả CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới.

CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đã có mục tiêu rõ ràng, có kết cấu gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các HV của trường sau khi tốt nghiệp. Đây là các ý kiến quan trọng làm căn cứ trong quá trình điều chỉnh bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT.

CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Có thể khẳng định, bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT và đề cương các học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định, có sự tham gia của các nhà khoa học, xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện và yêu cầu của thực tiễn Việt Nam.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa ĐTVT đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

CTDH là cốt lõi của một CTĐT, bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

CTDH của ngành KTĐT được thiết kế với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá hỗ trợ HV đạt được các CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Học phần trước làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2020, trường ĐHĐL xây dựng và ban hành CĐR CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT theo yêu cầu Bộ GDĐT [H1.01.01.03], cập nhật năm học 2023 - 2024 [H1.01.01.06].

Năm 2023, Nhà trường đã ra quyết định hiệu chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT theo hướng ứng dụng trên cơ sở CĐR nhằm khẳng định cam kết trong đào tạo

của Nhà trường với xã hội. Các CĐR được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.09, H1.01.01.10, H1.01.01.12, H1.01.01.13, H1.01.01.22, H1.01.01.23, H1.01.01.24, H1.01.01.25, H1.01.01.26, H1.01.01.27, H1.01.03.07, H1.01.03.08] và từ đó CTDH được xác định [H1.01.03.02, H1.01.03.03, H1.02.02.04, H1.02.02.05]. Chương trình được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, bản CTDH ngành KTĐT hệ đào tạo cao học đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nhà trường [H1.01.01.06, H1.01.01.15]:

Mục tiêu đào tạo.

CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần.

Nội dung đào tạo.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Năm 2023, Nhà trường ban hành việc cập nhật, đánh giá CTĐT [H1.01.03.02]. Trên cơ sở thực hiện khảo sát, tham gia ý kiến của các chuyên gia, người sử dụng lao động, Việc xây dựng các học phần trong CTDH theo các khối kiến thức đáp ứng tính logic, khoa học trong xây dựng CTDH và đáp ứng CĐR (3 CĐR kiến thức, 4 CĐR về kỹ năng và 3 CĐR về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm) [H1.01.01.15].

Trong quá trình xây dựng CTDH, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Cụ thể đối với phương pháp giảng dạy [H1.01.01.03, H1.01.01.06]:

(i) Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chung và khối cơ sở ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm và đặt - giải quyết vấn đề.

(ii) Đối với học phần kiến thức ngành: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, trao đổi các vấn đề thực tế, đóng vai.

(iii) Đối với học phần kiến thức chuyên ngành, đề án tốt nghiệp: Phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, dự án.

Các GV giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần, bài giảng, bài tập thống nhất của Khoa. Các nội dung, kiểm tra, đánh giá được ghi chép đầy đủ và tiến trình giảng dạy, đảm bảo sự phù hợp và góp phần đạt được CĐR học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.01].

Đối với phương pháp học tập: HV chủ động đọc trước bài giảng, tự tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức liên quan đến nội dung học phần để có thể dễ dàng lĩnh hội được kiến thức mà GV cung cấp; chủ động nghe giảng và tham gia vào bài giảng với GV và các HV khác trong lớp.

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành KTĐT được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Khoa ĐTVT chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, khoa ĐTVT thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.

5. Tự đánh giá: *Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.*

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTDH khi được xây dựng đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của ngành KTĐT [H1.01.01.06]. CĐR của mỗi học phần góp phần đạt được CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT [H1.01.02.02]. Trong bảng ma trận này đã thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR với mục tiêu của các học phần trong CTĐT ngành KTĐT. Tỷ trọng đóng góp của mỗi học phần với các CĐR của CTĐT cũng thể hiện tầm quan trọng của học phần và đảm bảo toàn diện các CĐR. Với các học phần cơ bản, sự đóng góp vào CĐR ở mức độ trung bình, đảm bảo kiến thức tự nhiên và khoa học xã hội căn bản, kỹ năng cơ bản và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm thấp trong nghề nghiệp. Đối với các học phần ngành và chuyên ngành, mức độ đảm bảo CĐR được nâng cao và đảm bảo toàn diện.

Tương ứng với các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Năm 2023, đề cương chi tiết các học phần được rà soát, điều chỉnh CĐR và phương pháp kiểm tra đánh giá người học. Phương thức đánh giá kết quả người học là phương pháp đánh giá liên tục và đa dạng quá trình đào tạo [H1.01.01.03, H1.01.01.06].

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể, khi xây dựng đề cương chi tiết các học phần, GV luôn chú trọng đáp ứng các yêu cầu trong CĐR [H1.01.02.02]. Đề cương chi tiết của mỗi học phần trong CTDH đều được lấy ý kiến góp ý, phản biện của các chuyên gia trong lĩnh vực Điện tử Viễn thông nhằm đáp ứng với xu thế phát triển của ngành trong nước và trên thế giới [H1.01.01.12].

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Khoa ĐTVT chưa có công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, khoa ĐTVT kết hợp với phòng KT&ĐBCL, phòng Quản lý đào tạo tìm kiếm công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được CĐR.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành KTĐT có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lí thuyết và thực hành. Sự cân đối thể hiện ở tỷ lệ phân bố giữa các môn mang tính lí thuyết với số môn thực hành và tỷ lệ phân bố giữa tổng số giờ lí thuyết với số giờ thực hành trong tổng số giờ học của một học phần. Chương trình cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, chương trình đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lí thuyết, tăng cường thực hành giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp, phương pháp nghiên cứu khoa học cho người học. Trật tự các học phần trong CTDH được sắp xếp một cách hợp lý (từ các học phần cơ bản đến nâng cao) đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo đúng trình tự logic (giữa các học phần tiên quyết cần có và học phần nâng cao) đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu [H1.01.01.03, H1.01.01.06]. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần.

Chương trình đã đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các môn khối kiến thức chung và các môn khối kiến thức chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Bảng 3.1. Cấu trúc khối kiến thức trong CTĐT ngành KTĐT

Khối kiến thức	Tín chỉ (TC)		
	Bắt buộc	**Tự chọn**	**Tỷ lệ %**
Kiến thức chung	03	0	5,0%
Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	08	31	65,0%
Thực tập tốt nghiệp	09	0	15,0%
Đề án tốt nghiệp	09	0	15,0%
Tổng	**60**		**100%**

Các học phần của toàn bộ CTDH của ngành KTĐT được sắp xếp trong quá trình đào tạo một cách hợp lý, logic: các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1; các học phần khối kiến thức kiến thức chuyên ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 2,3; thực tập tốt nghiệp và đề án tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 3 (HV học tập trung) và ở kỳ 4 (HV không tập trung – VHVL) với số tín chỉ tương ứng; số tiết giảng lí thuyết thảo luận, bài tập lớn, thực hành, tự học quy định cụ thể cho từng học phần, mối quan hệ của các học phần với nhau (thể hiện ở quy định học phần tiên quyết). Tất cả các học phần trong CTDH đều được xây dựng và bố trí hợp lý, trong đề cương chi tiết mỗi học phần đều quy định và xác định rõ điều kiện học phần tiên quyết, thời lượng cho học phần và thời điểm thực hiện học phần để làm cơ sở thực hiện tiến độ đào tạo HV [H1.01.01.15].

CTDH của ngành KTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần [H1.01.01.03, H1.01.01.06, H1.01.01.15].

Việc rà soát CTDH trình độ thạc sĩ ngành KTĐT có sự tham khảo dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh CTĐT cùng ngành KTĐT bao gồm thời gian đào tạo, số tiết tín chỉ, số lượng học phần/học phần và cấu trúc chương trình từ các CTDH của các trường đại học uy tín trong nước (Trường ĐH Bách khoa Đà Nẵng, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Trường ĐH sư phạm kỹ thuật Hưng Yên) và quốc tế RMIT University, Riga Technical University đảm bảo tính linh hoạt, cập nhật và tích hợp [H1.01.01.11].

Trong lần điều chỉnh, bổ sung và cập nhật năm 2023, một số học phần được xác định thay đổi, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo quy định mới, sự tiến bộ mới trong khoa học và các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến ngành KTĐT [H1.01.01.13, H1.01.01.22, H1.01.01.23].

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành KTĐT có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính linh hoạt, cập nhật và tích hợp.

3. Điểm tồn tại

Khoa ĐTVT chưa phân tích chi tiết nội dung các học phần trong các CTĐT tham khảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, khoa ĐTVT tiếp tục tìm kiếm nội dung chi tiết các học phần trong các CTĐT tham khảo để phân tích chi tiết hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 3:

Nâng cao chất lượng CTĐT góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong CTĐT thì CTDH đóng vai trò cốt lõi. CTDH của ngành KTĐT được thiết kế khối kiến thức, các học phần phù hợp với CĐR và các nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần và cho từng chuyên ngành để đạt được CĐR. CTDH của ngành KTĐT đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. CTDH ngành KTĐT được tiếp cận với các CTDH ngành KTĐT của các trường đại học lớn trong nước và quốc tế, cập nhật xu hướng mới, đề cao tính thực hành trong đào tạo.

Với 03 tiêu chí của tiêu chuẩn 3, ngành KTĐT tự đánh giá cả 3 tiêu chí đều đạt với mức điểm 5/7.

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo sau đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng. Với chiến lược học tập của Khoa ĐTVT tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho người học.

Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CĐR.

Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và người học hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHĐL công bố mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong Chiến lược phát triển của Nhà trường trong Chiến lược phát triển Trường ĐHĐL giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 (Quyết định 2261, ngày 13/12/2018): "*Đào tạo nguồn nhân lực phát triển toàn diện, có sức khoẻ, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá của đất nước; có ý thức học tập suốt đời và khả năng thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội*". Với mục tiêu giáo dục đào tạo trên, các ngành đào tạo được Nhà trường thực hiện triển khai phù hợp [**H1.01.01.16**].

Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Điện lực được công bố cụ thể bằng quyết định 774/QĐ-ĐHĐL ngày 30/05/2023, thông qua các báo cáo của Đảng bộ, báo cáo tại đại hộ công nhân viên chức hằng năm về mục tiêu giáo dục của nhà Trường [**H1.01.01.28**]. Điều này cũng đã truyền tải được thông điệp hướng tới công tác đào tạo của Nhà trường sẽ tạo cho xã hội những nhân lực chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền đạt tới các cán bộ công nhân viên Nhà trường qua công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường [**H4.04.01.01**]**.**

Trên cơ sở mục tiêu giáo dục của Trường ĐHĐL, mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với sự tham gia của các bên liên quan [**H1.01.01.09**], [**H1.01.01.10**]. Trong các Hội thảo định kì về cập nhật, hiệu chỉnh CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, các cán bộ, GV Khoa ĐTVT đều được nghe trình bày về mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng nhu cầu của xã hội và các bên liên quan, để từ đó xây dựng mục tiêu đào tạo, CĐR, phương pháp dạy - học phù hợp với CĐR [**H1.01.01.11**], [**H1.01.01.12**]. Kết quả khảo sát về CTĐT cho thấy cán bộ, GV đã hiểu rõ và thống nhất với mục tiêu đào tạo, để trên cơ sở đó cập nhật, hiệu chỉnh đề cương chi tiết các học phần mình phụ trách [**H1.01.01.13**], [**H1.01.01.15**]. Đối với người học, ngay từ khi nhập học, mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được thể hiện thông qua bản mô tả chương trình đào tạo, ứng với mỗi thời điểm cập nhật chương trình đào tạo khác nhau thì các nội dung đều được thể hiện rõ ràng cho người học nắm bắt rõ thông tin [**H1.01.01.14**]. Các thông tin cập nhật về chương trình đào tạo cũng được GV thông báo kịp thời đến người học. CĐR của chương trình đào tạo được phân công đến các GV phụ trách môn học, để đạt được nội dung tốt nhất cho đề cương môn học, GV phụ trách thực hiện việc đối sánh với các chương trình đào tạo cùng ngành của các trường khác để cho ra một đề cương phù hợp với chương trình chung của Trường [**H1.01.01.11**]. CĐR được hội đồng đánh giá phê duyệt trước khi trở thành môn học chính thức của CTĐT [**H1.01.01.06**]. Mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy học phần mình phụ trách, đều dành thời gian để giới thiệu mục tiêu, CĐR, học liệu, nội dung chi tiết, phương

pháp dạy - học và tiêu chí kiểm tra, đánh giá của học phần. Kết quả khảo sát về CTĐT cho thấy người học hiểu rõ và đồng ý với mục tiêu đào tạo của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT **[H1.01.01.27]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo ngành KTĐT và được lan toả mục tiêu giáo dục tới các GV, Khoa, người học và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, mục tiêu giáo dục được các đơn vị trong nhà trường tích cực tuyên truyền đến CBGV, người học và các doanh nghiệp...

***5. Tự đánh giá*:** Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Trong việc triển khai CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, GV Khoa ĐTVT đã lựa chọn linh hoạt các phương pháp giảng dạy nhằm đạt được CĐR. Nhà trường đã cử nhiều GV của Khoa ĐTVT tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn **[H4.04.02.01], [H4.04.02.02]**, các hội thảo về phương pháp dạy học mới như Hội thảo về mô hình học tập dựa trên dự án (Project-based learning models workshop) do đại học Arizona tổ chức [**H4.04.02.03**]. Sau khi tham gia các chương trình này, các GV trong Khoa ĐTVT đã áp dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy nhằm phù hợp với học phần, số lượng học viên và diện tích lớp học. Đề cương môn học được các GV xây dựng phù hợp với khung chương trình đào tạo của chương trình chung [**H1.02.02.03]** Trong một số trường hợp GV thường kết hợp sử dụng phương pháp thuyết trình hoặc làm việc nhóm, hoặc cũng có thể điều chỉnh phương pháp dạy và học, tăng giờ thảo luận và các buổi báo cáo trình bày của học viên. Trong một số các môn học cần có thêm phần thực hành thì các GV giảng dạy trực tiếp tại phòng thực hành và thường sử dụng phương pháp thực hành tạo sản phẩm. Ở một số môn học chuyên ngành và đồ án chuyên ngành, GV thường áp dụng phương pháp dạy học dựa vào dự án. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu và CĐR của từng môn học **[H1.01.01.15**]. Để xây dựng tổ hợp các phương pháp dạy học cho từng học phần nhằm đạt được CĐR, Khoa ĐTVT đã tổ chức các Hội thảo hiệu chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ Thạc sĩngành KTĐT theo định kỳ, trên cơ sở ý kiến của GV, của các chuyên gia, kết quả thảo luận và cuối

cùng đi đến thống nhất tổ hợp các PPGD được sử dụng cho từng học phần cụ thể **[H1.01.01.27]**.

Các GV Khoa ĐTVT hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Khi bắt đầu giảng dạy các học phần, các GV đều dành thời gian để giới thiệu và lựa chọn tổ hợp phương pháp học tập hiệu quả cho người học chẳng hạn như phương pháp nghe giảng kết hợp ghi chép, phương pháp tìm tài liệu, chủ động tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm với các đề tài được GV phân công, trên cơ sở PPGD trong quá trình học các học viên cũng tham gia thực hiện NCKH theo sự hướng dẫn của GV, kết quả của các đề tài NCKH được tiếp tục để trở thành luận văn tốt nghiệp của HV **[H4.04.02.04].** Các GV thông qua các buổi báo cáo của người học để kiểm tra tiến độ học tập đồng thời phổ biến các thông tin của Khoa và Nhà trường. Ngoài ra còn hướng dẫn người học về phương pháp nghiên cứu/học tập và đăng ký các môn học phù hợp với năng lực. Bên cạnh đó, Khoa ĐTVT đã xây dựng CLB NCKH. Dưới sự hướng dẫn nghiên cứu của các GV Khoa ĐTVT, các thành viên CLB đã xác định cho mình phương pháp nghiên cứu hiệu quả, đã tham gia và đạt được nhiều kết quả khích lệ như tại các cuộc thi NCKH cấp trường, Cuộc thi ý tưởng sáng tạo EPU, hoạt động sáng tạo STEM **[H4.04.02.05], [H4.04.02.06]**. Ngoài ra, Khoa ĐTVT tổ chức hàng năm các hoạt động giao lưu giữa các thầy cô trong khoa với người học cũng như HV, hội thảo NCKH của người học cũng được thường xuyên tổ chức, giao lưu giữa Khoa, người học và các đơn vị bên ngoài trường giúp người học có thêm thông tin thực tế để định hướng học tập phù hợp với chuyên ngành được đào tạo nhằm mục đích trao đổi, chia sẻ với HV về kinh nghiệm nghiên cứu và các phương pháp học tập hiệu quả, giúp người học chủ động trong việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.**[H4.04.02.08]**

Qua khảo sát và đánh giá CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT theo định kỳ, kết quả cho thấy GV và người học thích nghi với tổ hợp các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT [**H1.01.01.10]**. Có được kết quả này đó là do tổ hợp các phương pháp giảng dạy của từng học phần đã được các GV trong Khoa ĐTVT, các chuyên gia, các bên liên quan thảo luận kỹ và đưa ra thống nhất tại Hội thảo cập nhật, hiệu chỉnh CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT theo định kỳ **[H1.01.01.27]**. Các kết quả này cũng cho thấy việc thay đổi hình thức dạy và học phù hợp, cũng như lồng ghép các phương pháp dạy học tiên tiến mang đến kết quả tích cực và được GV, người học ủng hộ.

2. Điểm mạnh

Khoa ĐTVT cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên người học

được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp dạy và học còn đơn điệu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT đa dạng hóa phương pháp dạy và học, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

***5. Tự đánh giá*:** Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Hoạt động học tập đa dạng giúp người học hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi người học phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho người học khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy này được thể hiện chi tiết trong đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh theo giai đoạn **[H1.02.02.05]**.

Trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều đưa ra tổ hợp các phương giảng dạy và học tập thích hợp nhằm đạt được CĐR. Khoa ĐTVT đã tổ chức các Hội thảo hiệu chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT theo định kỳ, trên cơ sở ý kiến của GV, của các chuyên gia, kết quả thảo luận và đi đến thống nhất tổ hợp các phương pháp giảng dạy được sử dụng cho từng học phần cụ thể. Tổ hợp các phương pháp dạy học cho từng học phần được xây dựng nhằm đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Tất cả đề cương chi tiết các học phần đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Nội dung tất cả các đề cương chi tiết đều ghi rõ thời lượng tự học, tự nghiên cứu trong từng chương, mục của học phần và nhiệm vụ tự học/tự nghiên cứu của người học (tự chuẩn bị nội dung học tập tại nhà, tự làm bài tập, báo cáo, bài thảo luận…) [**H4.04.03.01**].

Theo kết quả khảo sát hàng năm cho thấy GV Khoa ĐTVT đã sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng

cao khả năng học tập suốt đời [**H4.04.03.02**]. Có được kết quả này đó là do tổ hợp các phương pháp giảng dạy của từng học phần đã được thảo luận kỹ và thống nhất trong toàn khoa và phân công GV xây dựng đề cương **[H1.02.02.03]**. Bên cạnh đó, nhờ có sự hỗ trợ của Nhà trường trong việc nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho GV, khuyến khích sử dụng tổ hợp với các phương pháp dạy học tiên tiến nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Một số người học tham gia đăng ký một số đề tài và có thành tích trong nghiên cứu khoa học được ghi nhận [**H4.04.02.06**], [**H4.04.02.07**]. Bên cạnh đó nhằm kịp thời bổ sung kiến thức cập nhật liên tục theo sự phát triển thì GV cung cấp các nguồn tư liệu như các tạp chí khoa học, bài nghiên cứu, hoặc các tập tin phim, ảnh cho người học tìm hiểu và thực hành theo [**H4.04.03.02**]

2. Điểm mạnh

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp người học rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích người học ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

3. Điểm tồn tại

Khoa ĐTVT chưa có nhiều hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT tăng cường hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với người học.

***5. Tự đánh giá*:** Tiêu chí đạt và mức điểm là 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt CĐR. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp người học có khả năng và tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là nhiều người học chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng, kém ngoại ngữ. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có

sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa ĐTVT đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Để xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với CĐR của học phần và khóa học, Khoa ĐTVT phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện đánh giá kết quả học tập của học viên thường xuyên trong suốt quá trình học viên theo học ngành KTĐT. Việc đánh giá này được thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt chuẩn đầu ra trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục sau đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Qua đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành CĐR chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và để người học đạt được những CĐR này Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học.

Theo quyết định 1075/QĐ-ĐHĐL về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành KTĐT theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Điện lực, thì ngành KTĐT có 3 CĐR Kiến thức, 6 CĐR kỹ năng, và 4 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm **[H5.05.01.01].** Theo đó, trong ĐCCT của từng học phần được thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Chi tiết được trình bày ở Bảng 5.1.

Bảng 5. 1 Bảng tổng hợp CĐR và các phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng

TT	Nhóm CĐR	Nội dung CĐR	Hình thức kiểm tra đánh giá
1	Kiến thức	PLO1: Có kiến thức cốt lõi, nền tảng cơ bản, chuyên sâu thuộc lĩnh vực của ngành Kỹ thuật điện tử;	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự

TT	Nhóm CĐR	Nội dung CĐR	Hình thức kiểm tra đánh giá
			luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các môn học.
2		PLO2: Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới;	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các môn học, báo cáo chuyên đề thực tập hoặc luận văn tốt nghiệp.
3		PLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá về các kiến thức chuyên ngành điện tử, có kỹ năng phát hiện vấn đề hay nêu câu hỏi có ý nghĩa và từ đó phát hiện ra những kết quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức chuyên ngành.	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các môn học.
4	Kỹ năng	PLO4: Có khả năng làm chủ các phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển; suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo; tổng hợp và làm giàu tri thức chuyên môn;	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các môn học, báo cáo chuyên đề thực tập hoặc luận văn tốt nghiệp.
5		PLO5: Có khả năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu; có	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các

TT	Nhóm CĐR	Nội dung CĐR	Hình thức kiểm tra đánh giá
		khả năng trình bày và bảo vệ luận án, trình bầy kết quả nghiên cứu trong các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế;	môn học, báo cáo chuyên đề thực tập hoặc luận văn tốt nghiệp.
6		PLO6: Có khả năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển;	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các môn học, báo cáo chuyên đề thực tập tốt nghiệp.
7		PLO7: Có khả năng hướng dẫn sinh viên, học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học.	Các bài thi cuối kỳ (hình thức tiểu luận, vấn đáp hoặc tự luận,...), bài kiểm tra, bài tập nhóm trong các môn học, báo cáo chuyên đề thực tập hoặc luận văn tốt nghiệp.
10	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	PLO8: Có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận tư vấn khoa học mang tính chuyên gia.	Các bài tập nhóm, bài tập cá nhân
11		PLO9: Có khả năng quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới;	Các bài tập nhóm, bài tập cá nhân
12		PLO10: Có khả năng biên soạn giáo trình đại học, sau đại học và trở thành cán bộ chuyên môn vững vàng	Các bài tập nhóm, bài tập cá nhân

TT	Nhóm CĐR	Nội dung CĐR	Hình thức kiểm tra đánh giá
		để tham gia giảng dạy ở các trường đại học, nghiên cứu ở các viện nghiên cứu và ứng dụng chuyên môn về Kỹ thuật điện tử vào các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghiệp và kinh tế; có đủ năng lực hướng dẫn luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ.	
13		PLO11: Có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận tư vấn khoa học mang tính chuyên gia.	Các bài tập nhóm, bài tập cá nhân

Trong ĐCCT của từng học phần, các phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp giúp đo lường mức độ đạt được CĐR của từng học phần. Đối với các học phần có hình thức thi cuối kỳ là vấn đáp, báo cáo chuyên đề thì kỳ thi cuối kỳ sẽ kiểm tra được mức độ đạt được tất cả CĐR về kiến thức, kỹ năng cũng như mức tự chủ và trách nhiệm của từng học phần. Đối với các học phần có hình thức thi cuối kỳ khác như tự luận, trắc nghiệm,... thì giảng viên sẽ kết hợp giữa kỳ thi cuối kỳ, các bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm trên lớp để đánh giá mức độ đạt được các CĐR học phần [**H5.05.01.02].** Đối với cấu trúc điểm thành phần từng học phần, đầu năm học 2023-2024, khoa ĐTVT đã họp thống nhất điểm thành phần bao gồm điểm bài kiểm tra và điểm đánh giá về chuẩn đầu ra kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm **[H5.05.01.03].**

Trong QĐ số 633/QĐ-ĐHĐL về Quy định tổ chức đánh giá kết quả học tập các học phần tại trường Đại học Điện lực **[H5.05.01.04],** có quy định việc xây dựng ngân hàng đề thi phải đảm bảo các CĐR thông qua các cấp độ câu hỏi khó, trung bình, dễ khác nhau. Đồng thời việc xây dựng ngân hàng được trải qua 8 bước để đảm bảo chất lượng của mỗi bộ đề được đưa ra. Cùng với đó là trên trang web của phòng ĐTSĐH có công bố Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ do Trường ĐHĐL ban hành, trong đó có hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá, thi và kiểm tra **[H5.05.01.05].** Nhà trường đã có kế hoạch học tập cụ thể theo từng học kỳ của năm học và được công bố trong tài khoản của học viên. Bên cạnh đó, phần đánh giá kết quả học tập còn được trình bày ở ĐCCT các học phần, trong bản mô tả chương trình đào tạo **[H5.05.01.02], [H5.05.01.06]** và thông tin rộng rãi tới giảng viên, học viên. Theo đó mỗi học viên có thể tự theo dõi và đánh giá KQHT của mình với từng học phần và tương ứng các mức cần đạt được.

Để hướng dẫn các GV thiết kế các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với đạt được CĐR từng môn học, Khoa ĐTVT đã có những buổi Hội thảo về phương pháp kiểm tra, đánh giá giữa các GV trong trong khoa. Tài liệu hướng dẫn được tập hợp theo nhiều nguồn như cách xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, cách xây dựng bài tập lớn và cách đánh giá bài kiểm tra đối với học viên . Tùy theo CĐR của từng học phần, Khoa sẽ xây dựng hình thức đánh giá thi cuối kì cho phù hợp. Đối với các học phần có CĐR cần tập trung đánh giá kiến thức thì sẽ được tổ chức thi tự luận hoặc trắc nghiệm. Đối với các học phần có CĐR cần tập trung đánh giá về kỹ năng, năng lực thì được tổ chức thi bằng làm các bài tập lớn, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp,…Và các hình thức đánh giá này đều được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần. Do đó, các đề thi kết thúc học phần được thiết kế đa dạng bao gồm đề thi tự luận, trắc nghiệm trên máy tính, báo cáo chuyên đề, tiểu luận, vấn đáp, **[H5.05.01.02].**

Trong từng đề cương của các học phần đều có quy định rõ ràng về mục tiêu học phần, cách thức kiểm tra, đánh giá điểm quá trình và điểm kết thúc học phần, trong đó tỷ lệ giữa điểm quá trình và điểm kết thúc học phần được quy định cụ thể theo từng loại học phần lý thuyết, bài tập, thực hành, trên cơ sở đó học viên nắm bắt được thông tin về cách đánh giá môn học ngay khi bắt đầu môn học **[H5.05.01.02].**

Từ năm 2019, Nhà trường đã có quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho học viên cao học, và có điều chỉnh quy định vào năm 2022 dựa trên Thông tư 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/8/2021 **[H5.05.01.07] [H5.05.01.8].** Nhà trường cũng đã có đề án đánh giá năng lực tiếng Anh B1, B2 chứng nhận năng lực tiếng Anh bậc 3/6 và 4/6 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Chứng chỉ tiếng Anh B1, B2 được cấp cho học viên và học viên thi đạt chuẩn của trường ĐHĐL nhằm hỗ trợ cho việc hoàn thành chuẩn đầu ra tiếng Anh của học viên khi tốt nghiệp được áp dụng cho các khoá cao học CH9 trở về trước **[H5.05.01.9].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập, hình thức kiểm tra, đánh giá đã bao quát được hết các CĐR. Việc thực hiện đánh giá được công bố và có những đánh giá, phản hồi giữa Phòng KT&ĐBCL và Khoa được thực hiện kịp thời cho học viên.

3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ để phân tích mức độ phù hợp ngân hàng đề thi để đo lường CĐR các học phần trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCL và Khoa ĐTVT tìm hiểu công cụ phân tích mức độ phù hợp của ngân hàng đề thi với CĐR ngành KTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1.Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Điện lực đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ **[H5.05.02.01]** và qui định về tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.01.04] về thực hiện quy trình đánh giá, thi và kiểm tra, cũng như đã đưa ra quyết định chi tiết về việc ban hành quy trình in sao đề thi, giao nhận túi bài thi, làm phách, tổ chức chấm thi, rút bài chấm phúc khảo **[H5.05.02.02].** Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, hình thức thi hết học phần nêu rõ trong đề cương chi tiết trên tài khoản cá nhân của học viên.

Cách thức tính điểm học phần được quy định trong hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Điện lực, sau đó sẽ tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, từ đó xếp loại kết quả học tập cho học viên theo 2 loại đạt và không đạt. Đối với các học phần lý thuyết hoặc học phần hỗn hợp, hệ thống điểm đánh giá bao gồm điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá bộ phận là trung bình cộng có trọng số của các điểm trong quá trình học tập của Học viên, bao gồm: Điểm kiểm tra định kì trong qúa trình học tập; điểm làm tiểu luận, điểm làm bài tập dài, điểm các bài thực hành, bài thí nghiệm,… Đối với học phần học và thi trực tiếp thì điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%, đối với học phần học và thi trực tuyến thì điểm thi kết thúc học phần có trọng số 50% **[H5.05.02.01].**

Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học. Nhà trường đã ban hành quy chế xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó nêu rõ: Ngân hàng đề thi phải được xây dựng dựa trên đề cương chi tiết, khối lượng kiến thức và chuẩn đầu ra của học phần; các câu hỏi trong ngân hàng đề thi phải đảm bảo tính khoa học, chính xác; cấu trúc của một đề thi kết thúc học phần phải đảm báo đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần và phải phân loại được trình độ học lực của người học; Đối với ngân hàng câu hỏi phục vụ thi trắc nghiệm: các câu hỏi trắc nghiệm cần có đủ 4 phương án lựa chọn trong đó có duy nhất một phương án đúng, số lượng câu hỏi từ 150 đến 200 câu/đơn vị tín chỉ; ngân hàng câu hỏi đề thi phục vụ thi tự luận: câu hỏi/bài tập bao gồm cả đáp án và biểu điểm chi tiết, điểm mỗi câu được chia nhỏ thành điểm của các ý, chi tiết đến 0,25 điểm cho mỗi ý, số lượng câu hỏi tối thiểu 30 câu hỏi/tín chỉ. Hàng năm các Khoa/Khoa ĐTVT phải lập kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, loại bỏ câu hỏi ngân hàng đề thi để đảm bảo phù hợp với nội dung học phần, đảm bảo đánh giá được chuẩn đầu ra và yêu cầu năng lực của học phần và đảm bảo đạt đủ số lượng câu hỏi theo quy định **[H5.05.01.04].**

Trưởng Khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, hướng dẫn giảng viên phụ trách môn học trực thuộc Khoa/Khoa ĐTVT biên soạn ngân hàng đề thi, đáp án, thang điểm dưới sự giám sát về mặt chuyên môn của Phụ trách Khoa ĐTVT học. Phụ trách Khoa ĐTVT trực tiếp chỉ đạo hoặc chỉ định người đánh máy vi tính, mã hóa, in, niêm phong, bảo quản và bảo mật ngân hàng đề thi trước khi bàn giao cho Phòng KT&ĐBCL.

Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.03].** Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập của toàn trường do Phòng KT&ĐBCL theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá trong báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm của Phòng KT&ĐBCL **[H5.05.02.03].**

Kết quả học tập của người học được đánh giá theo quá trình bao gồm điểm đánh giá do giảng viên trực tiếp đánh giá và điểm thi kết thúc học phần, qui định rõ trong ĐCCT các học phần **[H5.05.01.02], [H5.05.01.06].** Học viên được tổ chức thi tập trung vào cuối mỗi học kỳ, sau khi đã có kết quả thi kết thúc học phần (muộn nhất là 05 ngày kể từ ngày thi) người học sẽ biết được kết quả học tập của từng học phần đã đăng ký học theo quy định về việc ban hành tổ chức thi kết thúc học kỳ và được công bố trên tài khoản của từng học viên **[H5.05.01.04].** Các quy định, quy chế về đánh giá kết quả học tập học viên đều được công bố trên trang web của phòng ĐTSĐH cho cán bộ giảng viên, học viên có thể tiếp cận trong việc tra cứu các quy định, hướng dẫn liên quan **[H5.05.01.03].**

Trong những năm vừa qua, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập các học phần **[H5.05.02.04].**

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Người học còn chưa chú ý đến việc cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1.Mô tả hiện trạng

Các môn học trong CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT sử dụng chủ yếu các tổ hợp phương pháp kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập như:

Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Hình thức Tự luận, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, vấn đáp là chủ yếu.

Bảng 5. 2 Biểu thống kê phương pháp kiểm tra, đánh giá cập nhật năm học 2023-2024

TT	Tên môn	Hình thức thi giữa kỳ	Hình thức thi cuối kỳ
1	Triết học	Tự luận	Tự luận
2	Độ tin cậy của hệ thống số	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tự luận/ Tiểu luận/ BCCĐ
3	Công nghệ chế tạo mạch vi điện tử	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp
4	Thiết kế hệ thống nhúng	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ Tự luận/ BCCĐ
5	Tiếng Anh	Chuyên đề/ Tự luận/Vấn đáp	Tự luận
6	Mô hình hóa và mô phỏng	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ
7	Phương pháp luận	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ Vấn đáp
8	Thông tin quang nâng cao	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ
9	Xử lý tín hiệu nâng cao	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/Vấn đáp
10	An toàn thông tin	Tiểu luận/ vấn đáp	Tiểu luận/Vấn đáp
11	Thông tin vô tuyến nâng cao	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/Vấn đáp
12	Kỹ thuật vi xử lý nâng cao	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ BCC
13	Truyền thông số nâng cao	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ

14	Công nghệ vô tuyến định nghĩa bằng phần mềm	Tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/Vấn đáp
15	Điện tử y sinh	Tiểu luận/ tự luận/vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ
16	Thiết kế các phần tử siêu cao tần	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đá	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ
17	Thiết kế Anten	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp
18	Kỹ thuật robot	Tiểu luận/ vấn đáp	Tiểu luận/vấn đáp/ BCCĐ
19	Lý thuyết nhận dạng và ứng dụng trong các hệ thống điều khiển	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tự luận/ Tiểu luận/ BCCĐ
20	Hệ thống không dây và cảm biến	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ Tự luận/ BCCĐ
21	Mạng truyền thông nâng cao	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ
22	Máy học	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ Tự luận/ BCCĐ
23	Tương thích điện từ trường	Tự luận	Tiểu luận/Vấn đáp
24	Thiết kế điện tử tiên tiến và quy trình sản xuất	Tiểu luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ vấn đáp
25	Lọc và ứng dụng trong Điện tử - Viễn thông	Tiểu luận/ tự luận/ vấn đáp	Tiểu luận/ tự luận/ BCCĐ
26	Thực tập ngoài cơ sở (thực tập tốt nghiệp)		Báo cáo chuyên đề/Vấn đáp
27	Đề án tốt nghiệp		Báo cáo chuyên đề

Các tổ hợp phương pháp kiểm tra, đánh giá được chi tiết theo nội dung và các mức đánh giá nhằm kiểm tra mức độ đạt được CĐR của học phần. Quá trình kiểm tra được tiến hành nghiêm túc, đảm bảo về độ tin cậy của đề thi, điểm thi trước khi công bố cho học viên. Việc quy định tính điểm, đánh giá chất lượng học viên về kỹ năng nghề nghiệp của các học phần Thực tập tốt nghiệp hay Đề án tốt nghiệp còn được phản ánh ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp **[H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03].** Điều này thể hiện tính nghiêm túc, công bằng trong đánh giá kết quả học tập và tích hợp đánh giá của người sử dụng lao động đối với kết quả học tập.

Bên cạnh đó, việc sử dụng hệ thống phần mềm mô phỏng, phần mềm dự báo được sử dụng trong kiểm tra, đánh giá và nhận được kết quả phản hồi tích cực về tính khách quan, chính xác cho kết quả kiểm tra, đánh giá **[H5.05.03.04].**

Việc đánh giá kết quả học tập nằm trong chủ trương của Nhà trường nhằm đánh giá khả năng đạt CĐR của người học, có quy định rõ ràng **[H5.05.01.04], [H5.05.02.01].** Quyết định 633/QĐ-ĐHĐL ngày 23/5/2022 về việc tổ chức đánh giá kết quả học tập các học phần của trường Đại học Điện lực đưa ra các bước tiến hành tổ chức ra đề và đánh giá đề thi chi tiết thông qua 8 bước chính. Việc ra đề, chấm thi và bảo quản bài thi cũng được quy định rõ ràng trong quyết định để đảm bảo tính khách quan, trung thực và đánh giá chuẩn xác kết quả học tập của mỗi học viên. Hiệu trưởng quy định về việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu trữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng Khoa ĐTVT hoặc trưởng Khoa quyết định.

Các giáo viên triển khai qua các hình thức đánh giá khác nhau khi cho điểm quá trình học viên phù hợp với học phần giảng dạy. Việc đánh giá quá trình học tập của học viên không chỉ thông qua điểm kiểm tra giữa kỳ mà còn đánh giá thông qua các hoạt động học tập theo nhóm, kỹ năng phản biện, thuyết trình cũng như kiểm tra mức độ tự chủ thực hiện nhiệm vụ của học viên **[H5.05.01.02].**

Còn đối với cấu trúc đề thi cuối kỳ được quy định chi tiết tại QĐ số 633 năm 2022 của Trường ĐHĐL để đảm bảo quyền lợi cũng như khả năng bao quát các phổ điểm đánh giá đúng năng lực của học viên. Về việc tổ hợp đề thi, nếu thi trắc nghiệm trên máy tính thì khi thi máy tính sẽ tổ hợp ngẫu nhiên đề thi từ ngân hàng câu hỏi, còn với hình thức thi tự luận, thực hành và vấn đáp thì máy tính sẽ tổ hợp ngẫu nhiên đề thi từ ngân hàng câu hỏi, cán bộ phòng KT&ĐBCL được phân công in sao đề thi và đóng gói niêm phong theo quy trình quy định. Về việc tổ chức thi: kế hoạch thi kết thúc học phần được xác định trong kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt và phòng KT&ĐBCL công bố lịch thi chính thức trên hệ thống phần mềm tổ chức thi trước đợt thi ít nhất 10 ngày; phòng thi phải đảm bảo điều kiện về ánh sáng, thông gió, có đầy đủ bàn ghế và mỗi phòng thi được bố trí 02 Cán bộ coi thi/hỏi thi; giấy thi, giấy nháp sử dụng mẫu giấy thống nhất do Nhà trường cung cấp. Về việc chấm thi kết thúc học phần: phòng KT&ĐBCL lập lịch chấm thi kết thúc học phần và công bố trên phần mềm tổ chức thi; các khoa/Khoa ĐTVT phân công giảng viên chấm thi theo kế hoạch trên phần mềm tổ chức thi; đối với hình thức thi tự luận, mỗi bài thi phải do 02 cán bộ chấm thi

chấm tại phòng chấm thi của trường và chấm theo quy trình quy định; đối với hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính thì chấm thi do máy tính chấm tự động, cán bộ coi thi in và ký vào phiếu điểm gốc. Về việc công bố kết quả: căn cứ trên kết quả chấm thi và điểm đánh giá thường xuyên, phần mềm tổ chức thi sẽ tự động tính điểm tổng kết và cập nhật điểm vào tài khoản cho học viên biết; Về việc lưu trữ: Giảng viên phụ trách lớp học phần lưu trữ các tài liệu về đánh giá quá trình trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian học của lớp học phần; phòng KT&ĐBCL có trách nhiệm lưu trữ đề thi kết thúc học phần, đáp án đề thi kết thúc học phần, bài thi tự luận kết thúc học phần,...; phòng ĐTSĐH có trách nhiệm quản lý bảng điểm tổng hợp kết quả học tập theo học kỳ, năm học và khóa học,... **[H5.05.01.04], [H5.05.02.01].**

Hàng năm khi học viên đi thực tập tốt nghiệp đều nhận được những phản hồi tốt của đơn vị thực tập, nhà tuyển dụng thông qua phiếu đánh gia nhận xét thực tập cũng như khảo sát ý kiến người tuyển dụng về chương trình đào tạo cũng như chất lượng học viên khi ra trường.

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành KTĐT giúp kiểm tra chính xác CĐR, đánh giá trong thực hành thực tế giúp học viên có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Khoa ĐTVT thực hiện phân tích kết quả thi cuối kỳ giữa các khoá, các lớp học viên ngành KTĐT còn ít học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT sẽ phối hợp với Phòng KT & ĐBCL rà soát, phân tích kết quả thi nhiều học phần thuộc ngành KTĐT hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm đạt 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1.Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập, công bố kết quả tới người học luôn được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định. Theo quyết định 1230/QĐ-ĐHĐL ngày 10/8/2022 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng KT&ĐBCL, thì phòng KT&ĐBCL có nhiệm vụ chủ trì tổ chức các kì thi đối với tất cả các hệ đào tạo, bậc đào tạo và chương trình đào tạo của Trường; quản lý lưu trữ bảo mật đề thi, bài thi … **[H5.05.04.01].**

Nhà trường đã đưa vào khai thác phần mềm tổ chức thi và triển khai công tác tổ chức thi nói chung theo một quy trình thống nhất **[H5.05.01.04].** Theo đó, Nhà trường

đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và thực hiện tất cả các khâu của hoạt động trong công tác tổ chức thi. Kết quả đánh giá thường xuyên được giảng viên giảng dạy trực tiếp nhập vào hệ thống và thông báo tới học viên ngay khi có kết quả thi, kiểm tra; kết quả thi được hệ thống tự động tổng hợp từ kết quả chấm thi của giảng viên và thông báo công khai tới từng tài khoản học viên. Học viên có thể tra cứu kết quả học tập của mình tại trang cá nhân theo địa chỉ http://sinhvien.epu.edu.vn [H5.05.04.02]. Như vậy, các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và học viên.

Nhờ việc ứng dụng CNTT vào quản lý quá trình tổ chức thi, kiểm tra, hệ thống tự động đưa ra các cảnh báo về thời gian, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên, do đó việc thông báo kết quả tới người học luôn kịp thời và đúng quy định của Nhà trường. Theo như quy định về thời gian chấm thi: đối với hình thức thi tự luận thì cán bộ chấm thi cần hoàn thành công tác chấm thi tự luận trong vòng 04 ngày làm việc, kể từ ngày túi bài chấm được đưa lên giá; đối với hình thức chấm tiểu luận, cán bộ chấm thi cần nộp phiếu điểm về phòng KT&ĐBCL trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chấm thi; đối với hình thức thi vấn đáp: cán bộ hỏi thi thứ nhất nộp bảng điểm chấm thi về phòng KT&ĐBCL và nhập điểm vào phần mềm trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày chấm thi… Sau đó, căn cứ trên kết quả chấm thi và điểm đánh giá thường xuyên, phần mềm tổ chức thi sẽ tự động tính điểm tổng kết và cập nhật điểm vào tài khoản cho học viên biết. Người học có thể tra cứu kết quả học tập từ nhiều nguồn. Các vấn đề phản hồi kết quả đánh giá về điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần được quy định và có biểu mẫu thực hiện. Các phản hồi như phúc khảo điểm thi đều được có sự rà soát của Ban Lãnh đạo Khoa và được công bố cho học viên [H5.05.01.04].

Trong trường hợp học viên có kiến nghị phúc tra về kết quả bài thi thì Nhà trường giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của học viên. Việc chấm thi phúc tra được tiến hành bởi hai thầy cô độc lập, đảm bảo tính công bằng trong mọi trường hợp **[H5.05.01.04].** Đối với Khoa ĐTVT, chưa có học viên nào khiếu nại về kết quả học tập. Qua đó có thể đánh giá được chất lượng đánh giá, chấm thi của giáo viên trong Khoa là hoàn toàn minh bạch và chính xác. Sự phản hồi kết quả học tập của học viên, đánh giá tổng hợp hoạt động học tập được Phòng KT&ĐBCL phối hợp cùng Khoa ĐTVT để có những bước cải thiện.

Qua kết quả phản hồi từ học viên, Khoa đã có những điều chỉnh phù hợp về nội dung môn học, về cách đánh giá học phần, thông qua các buổi hội thảo Khoa ĐTVT và các đợt hiệu chỉnh chương trình đào tạo. Tỷ lệ hài lòng về kết quả kiểm tra đánh giá của học viên hiện tại và cựu học viên cho việc đánh giá, kiểm tra có tỷ lệ cao **[H5.05.04.04].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa ĐTVT có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận phản hồi về kết quả đánh giá của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT & ĐBCL và TTCNTT tăng cường ứng dụng thông tin trong việc tiếp nhận phản hồi về kết quả đánh giá kịp thời cũng như việc tiến hành những thống kê số liệu chi tiết cho các năm học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1.Mô tả hiện trạng

Đối với hoạt động học tập, người học sẽ được đánh giá quá trình học và bài thi kết thúc học phần. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau:

Đối với điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng. Nếu học viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi học đó.

Đối với điểm bài thi kết thúc học phần, sau khi thi kết thúc học phần 5 ngày, người học có thể xem kết quả thi của mình trên hệ thống phần mềm quản lý thi PMT-EMS. Người học có thể nộp đơn phúc tra online về kết quả thi của mình nếu thấy có sai sót. Người học được phép nộp đơn phúc tra trong khoảng 3 ngày tính từ thời gian công bố điểm.

Trên cơ sở các quy định liên quan đến quá trình đào tạo và tổ chức hoạt động dạy và học, rèn luyện, chế độ chính sách đã được Nhà trường, Khoa ĐTVT phổ biến tới học viên đầy đủ các thông tin cụ thể và rõ ràng về lộ trình học tập cũng như các quy định, quy chế cần thiết liên quan đến quá trình học như: Điều kiện tốt nghiệp, cách tính điểm đánh giá thành phần, cách tính điểm học phần, hệ thống điểm số, điểm chữ và cách quy đổi, cách tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Các quy trình về đào tạo, tổ chức thi kiểm tra; các hướng dẫn và quy trình đánh giá quá trình rèn luyện của học viên với các tiêu chí đánh giá cụ thể và các hướng dẫn về quyền khiếu nại kết quả học tập, … cũng được thông báo cho học viên từ đầu khóa học. Tại buổi học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy có trách nhiệm thông báo chi tiết đến học viên những nội dung như: tên học phần, số tín chỉ, nội dung học tập, đề cương chi tiết, hình thức điểm danh, hình thức và những tiêu chí đánh giá kết quả học tập như số lượng bài kiểm tra, số lượng bài tập về nhà (nếu có), bài thảo luận nhóm, các tiêu chí

đánh giá sẽ áp dụng trong học phần đó. Cuối học phần, GV sẽ thông báo cho học viên kết quả đánh giá điểm thành phần để học viên chủ động có kế hoạch cải thiện kết quả học thông qua bài thi kết thúc học phần chủ động lên kế hoạch đăng ký học lại; học bổ sung các học phần không được dự thi hoặc chưa học. Thêm vào đó, học viên có thể hỏi về các thủ tục cũng như các quy định về khiếu nại hoặc thắc mắc về kết quả học tập qua Thư ký khoa, ban chủ nhiệm khoa, phòng ĐTSĐH. Các kênh khiếu nại và địa điểm tiếp cận dễ dàng, đa dạng.

Việc phổ biến các quy định, quy trình, biểu mẫu về khiếu nại kết qủa học tập được công bố trên website quản lý người học, trang www. https://dgs.epu.edu.vn/, sinhvien.epu.edu.vn để học viên nắm bắt trước mỗi học kỳ **[H5.05.05.01].** Tuy nhiên, từ trước đến nay chưa có học viên ngành KTĐT nào khiếu nại phúc tra về kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho học viên.

3. Điểm tồn tại

Một số học viên chưa nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCL cùng các đơn vị trong trường tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và điểm là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa ĐTVT được thực hiện một cách công bằng, khách quan theo các hướng dẫn của Trường ĐHĐL để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa ĐTVT luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kĩ năng của người học thông qua các kì thi cử, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Khoa Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Điện lực là một trong những đơn vị đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực điện tử và viễn thông. Với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu giàu kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao, khoa không ngừng nỗ lực mang đến những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử và viễn thông nước nhà. Các giảng viên, nhà khoa học tại khoa luôn cập nhật những kiến thức và công nghệ tiên tiến nhất, đồng thời tích cực tham gia vào các dự án nghiên cứu

cấp quốc gia và quốc tế. Khoa đã xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý trong từng năm học phù hợp với điều kiện cụ thể. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng. Khoa ĐTVT đã có những chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên tham gia học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước, đồng thời có những biện pháp tích cực để thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ cao về công tác tại khoa.

Ngoài ra, khoa ĐTVT cũng rất chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất với Nhà trường để xây dựng được đội ngũ giảng viên mạnh về chuyên môn, đủ về số lượng để đảm bảo công tác giảng dạy, NCKH theo đúng định hướng phát triển của Khoa cũng như của Nhà trường. Khoa ĐTVT luôn tự hào về đội ngũ giảng viên và nghiên cứu sinh đầy nhiệt huyết, luôn sẵn sàng chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. Mỗi thành viên trong khoa đều là một mắt xích quan trọng, cùng nhau xây dựng một cộng đồng học thuật năng động và sáng tạo. Việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của một trường đại học. Trường Đại học Điện lực nói chung và khoa ĐTVT nói riêng, với tầm nhìn trở thành một trong những trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đã không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của mình. Bài viết này sẽ phân tích chi tiết quá trình phát triển đội ngũ giảng viên tại trường và khoa ĐTVT, từ những thành tựu đã đạt được cho đến những định hướng trong tương lai.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo "Chiến lược phát triển trường Đại học Điện lực giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030" **[H6.06.01.01-1], [H6.06.01.01-2]** tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ được đặt mục tiêu đạt 40%. Tuy nhiên, kết quả thực tế cho thấy, tại Khoa Điện tử Viễn thông, tính đến ngày 30/11/2024, tổng số GV cơ hữu trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành CNKT Điện tử Viễn thông là 33 giảng viên, trong đó 06 giảng viên có chức danh PGS (đạt 18,18 %), 19 giảng viên có học vị tiến sĩ (đạt 57,58 %) và 08 giảng viên là thạc sĩ (chiếm 24,24 %). Ngoài ra, Khoa có 10 GV thỉnh giảng có trình độ GS, PGS, tiến sĩ, thạc sĩ tham gia giảng dạy các học phần của ngành. **[H6.06.01.02],** vượt xa so với mục tiêu đề

ra. Điều này chứng tỏ những nỗ lực của nhà trường trong việc thu hút và đào tạo giảng viên cho khoa ĐTVT có trình độ cao đã mang lại hiệu quả thiết thực.

Bên cạnh việc tăng cường về số lượng, nhà trường còn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của đội ngũ giảng viên. Điều này được thể hiện qua các chỉ số như:

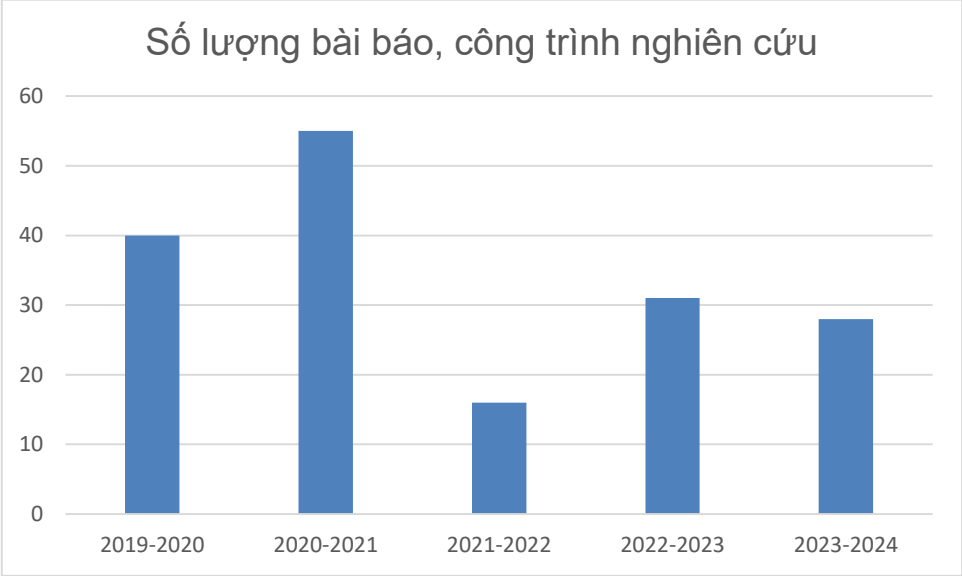

Số lượng bài báo khoa học, số lượng dự án nghiên cứu, các bài đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế của giảng viên khoa ĐTVT đã được thể hiện qua bảng **[H6.06.01.03].**

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Điện lực đã không ngừng nỗ lực xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên. Một trong những chiến lược trọng tâm của nhà trường là đa dạng hóa các hình thức tuyển dụng hàng năm trong giai đoạn từ 2019 đến 2024 **[H6.06.01.04],** nhằm thu hút và tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao. Quy trình tuyển dụng của Trường quy định rõ Tiến trình các bước công việc (11 bước), Trách nhiệm thực hiện công việc, Trách nhiệm phối hợp, Căn cứ thực hiện, Hồ sơ yêu cầu và thời gian thực hiện. Kế hoạch tuyển dụng hàng năm của trường đều quy định rõ tiêu chí tuyển dụng như: số lượng, độ tuổi, giới tính, chuyên ngành, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ. Trong giai đoạn 2019-2024, Nhà trường đã bổ sung cho Khoa 7 GV trong đó có 01 GV là PGS.TS, 05 GV có học vị tiến sĩ và 01 GV là ThS **[H6.06.01.05].**

Bên cạnh việc tuyển dụng các giảng viên trẻ, đầy nhiệt huyết và năng động, nhà trường còn chủ động tìm kiếm và mời gọi các chuyên gia đã nghỉ hưu trở lại giảng đường. Những chuyên gia này, với kinh nghiệm dày dặn và kiến thức chuyên sâu, đã từng trực tiếp tham gia vào các dự án nghiên cứu, giảng dạy và quản lý, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của ngành điện lực. Việc mời họ về hợp tác không chỉ giúp truyền đạt những kiến thức thực tiễn quý báu cho thế hệ trẻ mà còn tạo ra một môi trường học tập và làm việc sôi động, nơi các thế hệ cùng nhau trao đổi, học hỏi và phát triển. Việc kết hợp giữa giảng viên trẻ và chuyên gia kỳ cựu mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Giảng viên trẻ, với tư duy đổi mới và khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại, sẽ mang đến những góc nhìn mới mẻ và những phương pháp giảng dạy sáng tạo. Trong khi đó, các chuyên gia sẽ đóng vai trò như những người cố vấn giàu kinh nghiệm, giúp định hướng nghiên cứu, nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ sinh viên, học viên, NCS trong quá trình học tập **[H6.06.01.06].**

Nhờ những chính sách tuyển dụng linh hoạt và sáng tạo, khoa ĐTVT đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên đa dạng về chuyên môn, giàu kinh nghiệm và luôn sẵn sàng đổi mới. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo ra một môi trường làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện, thu hút nhiều tài năng đến với nhà trường **[H6.06.01.07].**

Trường Đại học Điện lực luôn coi trọng việc xây dựng và phát triển một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và sự phát triển của ngành điện tử viễn thông. Để đạt được mục tiêu này, nhà trường đã không ngừng nỗ lực xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý nhân sự, đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch và công bằng trong mọi hoạt động. Giai đoạn 2019 - 2024 có 5 lượt giảng viên của Khoa được quy hoạch cho 2 vị trí trưởng và phó trưởng khoa **[H6.06.01.08].** Cũng trong giai đoạn này, tại khoa ĐTVT, các giảng viên được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại vị trí Trưởng, Phó Trưởng khoa đều nằm trong quy hoạch của Nhà trường và đều có trình độ tiến sĩ **[H6.06.01.09].**

Các hoạt động quản lý nhân sự như gia hạn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện một cách chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quy chế của nhà trường **[H6.06.01.10].** Trong giai đoạn 5 năm vừa qua (2019-2024), Khoa ĐTVT không có giảng viên nào nghỉ hưu. Quy trình đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên

được thực hiện định kỳ, dựa trên các tiêu chí rõ ràng và khách quan như số lượng và chất lượng bài giảng, kết quả nghiên cứu khoa học, khả năng hướng dẫn sinh viên, và các hoạt động đóng góp khác cho nhà trường **[H6.06.01.11].** Kết quả đánh giá này không chỉ là cơ sở để quyết định việc gia hạn hợp đồng mà còn là nguồn thông tin quan trọng để xây dựng các chương trình đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho giảng viên.

Song song với việc quản lý chặt chẽ, nhà trường cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi để giảng viên được nâng cao trình độ chuyên môn. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức thường xuyên, với nhiều hình thức đa dạng như tham gia các khóa học ngắn hạn trong đó hà trường hỗ trợ giảng viên tham gia các khóa học ngắn hạn về chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, và các lĩnh vực liên quan đến nghiên cứu khoa học. Hỗ trợ tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức mới và giao lưu học hỏi với các chuyên gia trong lĩnh vực. Bên cạnh đó, nhà trường cũng khuyến khích giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Các đề tài nghiên cứu của giảng viên được nhà trường hỗ trợ về tài chính, cơ sở vật chất và tạo điều kiện để kết nối với các đối tác nghiên cứu trong và ngoài nước**[H6.06.01.10],[H6.06.01.12].**

Việc kết hợp giữa sự quản lý chặt chẽ và sự chủ động của giảng viên đã mang lại những kết quả đáng kể. Đội ngũ giảng viên của nhà trường ngày càng được nâng cao về số lượng, chất lượng và năng lực chuyên môn. Các giảng viên không chỉ có khả năng truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả mà còn có khả năng nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và tạo ra những thế hệ sinh viên tài năng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, nhà trường sẽ tập trung vào các định hướng sau:

Tăng cường hợp tác quốc tế: Mở rộng các chương trình hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các dự án nghiên cứu quốc tế và học hỏi kinh nghiệm.

Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ: Thu hút các ứng viên trẻ, có năng lực và nhiệt huyết, để đảm bảo sự kế thừa và phát triển bền vững của đội ngũ.

Đầu tư vào cơ sở vật chất và trang thiết bị: Cung cấp cho giảng viên và học viên một môi trường làm việc và học tập hiện đại, đáp ứng yêu cầu của công tác nghiên cứu khoa học.

Đổi mới phương pháp giảng dạy: Khuyến khích giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, như học tập dựa trên dự án, học trực tuyến, để nâng cao tính chủ động và sáng tạo của hoc viên.

Xây dựng một hệ thống đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học minh bạch và công bằng: Đánh giá không chỉ dựa trên số lượng công trình công bố mà còn dựa trên chất lượng, tính ứng dụng và tác động của nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Nhờ có chính sách thu hút đặc biệt, Nhà trường đã bổ sung cho Khoa 7 GV trong đó có 01 GV là PGS.TS, 05 GV có học vị tiến sĩ và 01 GV là ThS nâng tổng số giảng viên có trình độ tiến sĩ lên 25/33 chiếm 75,75% so với tổng số giảng viên. **[H6.06.01.02], [H6.06.01.05].**

Số lượng giảng viên có trình độ cao tăng đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, các chỉ số như số lượng bài báo khoa học được công bố, số lượng dự án nghiên cứu, số lượng hướng dẫn sinh viên cao học, tiến sĩ. Khoa đã đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên chưa có kế hoạch nâng cao trình độ do công việc giảng dạy lớn, cơ hội thăng tiến chưa rõ ràng, hoặc thiếu động lực phát triển nghề nghiệp dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và khả năng cạnh tranh của khoa. Bên cạnh đó còn thiếu hụt giảng viên ở một số chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Nhà trường cần xem xét tạo thêm những hỗ trợ, tạo động lực để các giảng viên tham gia đào tạo Ngành KTĐT trình độ Thạc sĩ có điều kiện tham gia chương trình thực tế trong ngành nghề, cũng như các khóa đào tạo lý thuyết, để đảm bảo và nâng cao năng lực của giảng viên tham gia vào ngành đào tạo này.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu, nhà trường đã không ngừng xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Đến năm 2024, Khoa ĐTVT đã có một đội ngũ giảng dạy chất lượng tốt. Cụ thể, khoa có 18 giảng viên cơ hữu trực tiếp giảng dạy chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Điện tử trình độ Thạc sĩ, trong đó có đến 4 Phó Giáo sư, Tiến sĩ và 11 Tiến sĩ, chiếm tỷ lệ lần lượt là 16,67% và 45,83% **[H6.06.02.01].** Bên cạnh đó, khoa còn mời 4 chuyên gia là GS,PGS, tiến sĩ làm giảng viên thỉnh giảng, góp phần đa dạng hóa kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy **[H6.06.02.02], [H6.06.01.06], [H6.06.01.05].**

Việc sở hữu đội ngũ giảng viên có trình độ cao, không chỉ về chuyên môn mà còn về kinh nghiệm thực tế, đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo điều kiện cho học viên tiếp cận những kiến thức và công nghệ tiên tiến nhất. Đồng thời, đội ngũ giảng viên cũng tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo ra nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, góp phần nâng cao uy tín của khoa và nhà trường **[H6.06.02.03].**

Với cấu trúc đội ngũ giảng viên như vậy, khoa ĐTVT đã đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của xã hội về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực điện tử. Đồng thời, nó cũng tạo điều kiện thuận lợi để khoa thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển ngành công nghiệp điện tử của nước nhà.

Bảng 6.1. Số lượng GV quy đổi trực tiếp giảng dạy giai đoạn 2019-2024

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Năm học 2018-2019								
1	Giáo sư	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	4	0	4	0	0	0	12
3	Tiến sĩ	2	14	7	3	0	4	0	21,6
	Tổng		***18***	***7***	***7***	***0***	***4***	0	***33,6***
II	Năm học 2019-2020								
1	Giáo sư	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	4	0	4	0	0	0	12
3	Tiến sĩ	2	15	8	3	0	4	0	23,6
	Tổng		***19***	***8***	***7***	***0***	***4***	0	***35,6***
III	Năm học 2020-2021								
1	Giáo sư	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	4	0	4	0	0	0	12
3	Tiến sĩ	2	17	7	3	1	6	0	23

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng		***21***	***7***	***7***	***1***	***6***	0	***35***
IV	Năm học 2021-2022								
1	Giáo sư	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	4	0	4	0	0	0	12
3	Tiến sĩ	2	16	6	3	1	6	0	21
	Tổng		***20***	***6***	***7***	***1***	***6***	0	***33***
V	Năm học 2022-2023								
1	Giáo sư	5	0	***0***	***0***	***0***	***0***	0	***0***
2	Phó Giáo sư	3	4	0	4	0	0	0	12
3	Tiến sĩ	2	16	6	3	1	6	0	21
	Tổng		***20***	***6***	***7***	***1***	***6***	0	***33***
VI	Năm học 2023-2024								
1	Giáo sư	5	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	0	***0***
2	Phó Giáo sư	3	***6***	***0***	***0***	***0***	***0***	0	

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Tiến sĩ	2	***19***	***10***	***0***	***2***	***7***	0	
	Tổng		***25***	***10***	***0***	***2***	***7***	0	

Nguồn: Tổ chức cán bộ

Theo quy định hiện hành (Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT 2022 Thông tư tiêu chuẩn chức danh viên chức giáo dục đại học), tỉ lệ học viên trên giảng viên của ngành trong giai đoạn 2019-2024 như sau:

Bảng 6.2. Tỉ lệ học viên trên giảng viên

Số TT	Năm học	Tổng số giảng viên		Tổng số HV	Tỷ lệ HV/GV
		GV toàn thời gian	GV thỉnh giảng		
1	2019-2020	10	2	4	0.33
2	2020-2021	10	2	11	0.92
3	2021-2022	10	2	0	0.00
4	2022-2023	10	2	14	1.17
5	2023-2024	10	2	03	0.25

Như vậy, tỷ lệ HV/GV ngành Kỹ thuật Điện tử trình độ thạc sĩ trong chu kỳ đánh giá luôn đảm bảo theo quy định hiện hành của nhà nước.

Để đảm bảo tính công bằng và chính xác trong việc đánh giá khối lượng công việc của giảng viên, nhà trường đã ban hành các quy định chi tiết về quy đổi khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học **[H6.06.02.04].** Theo đó, các hoạt động như giảng dạy, hướng dẫn thực hành, chấm thi, và nghiên cứu khoa học đều được quy đổi thành một hệ thống các chỉ tiêu đo lường chung. Các tiêu chí quy đổi đã được cụ thể hóa trong các quyết định của nhà trường, bao gồm cả hệ số quy đổi cho từng loại hình hoạt động và từng cấp độ **[H6.06.02.05], [H6.06.02.06].**

Việc quy đổi khối lượng công việc giúp nhà trường có một căn cứ khoa học để đánh giá đúng mức đóng góp của từng giảng viên. Nhờ đó, việc phân bổ công việc, khen thưởng và các chính sách hỗ trợ khác được thực hiện một cách công bằng và minh bạch **[H6.06.02.07].** Hàng năm, nhà trường tiến hành thống kê và đánh giá khối lượng công việc của từng giảng viên để làm cơ sở cho việc đánh giá thi đua, khen thưởng và các quyết định liên quan đến sự nghiệp của giảng viên. Việc áp dụng hệ thống quy đổi này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhân sự mà còn tạo động lực cho giảng viên nâng cao chất lượng công việc **[H6.06.02.08-1], [H6.06.02.08-2], [H6.06.02.08-3].** Nhờ có cơ chế đánh giá rõ ràng và công bằng, giảng viên có thể tập trung vào những hoạt động mang lại hiệu quả cao, đồng thời được ghi nhận xứng đáng những đóng góp của mình.

Để đảm bảo công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học được thực hiện hiệu quả, nhà trường đã xây dựng một hệ thống đánh giá và quản lý công việc giảng viên một cách chặt chẽ và minh bạch. Theo các quy định hiện hành, giảng viên khoa ĐTVTcó những định mức rõ ràng về số giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tùy thuộc vào chức danh và chuyên môn [H6.06.02.09].

Hàng năm, nhà trường tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên thông qua nhiều hình thức. Bên cạnh việc đánh giá số lượng giờ giảng dạy và công trình nghiên cứu, nhà trường còn đánh giá chất lượng giảng dạy thông qua các phiếu đánh giá của học viên [H6.06.02.10]. Ngoài ra, các hoạt động tham gia hội đồng khoa học, hướng dẫn học viên, và đóng góp vào các hoạt động của khoa cũng được ghi nhận và đánh giá. Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng làm cơ sở để tính lương, thưởng, xét thăng hạng và các hình thức khen thưởng khác **[H6.06.02.11].** Việc liên kết chặt chẽ giữa hiệu quả công việc và chế độ đãi ngộ nhằm tạo động lực cho giảng viên không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

Đảm bảo tính khách quan và công bằng trong quá trình đánh giá, nhà trường đã xây dựng một hệ thống các chỉ số đánh giá cụ thể, bao gồm cả các chỉ tiêu định lượng và

định tính. Hiện nay, định mức giảng dạy của giảng viên là 270 giờ chuẩn/năm, giảng viên chính là 280 giờ chuẩn/năm, định mức NCKH quy đổi theo giờ chuẩn là 586 giờ/năm đối với giảng viên, 670 giờ/năm đối với giảng viên chính **[H6.06.02.06-02].** Các chỉ số này được cập nhật thường xuyên để phù hợp với yêu cầu thực tế và sự phát triển của nhà trường.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo để nâng cao năng lực quản lý và đánh giá của các cấp quản lý **[H6.06.02.08].** Điều này giúp đảm bảo rằng quá trình đánh giá được thực hiện một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Việc xây dựng và áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Hệ thống này không chỉ giúp nhà trường đánh giá chính xác năng lực của từng giảng viên mà còn tạo ra một môi trường làm việc cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích giảng viên không ngừng phấn đấu để hoàn thiện bản thân **[H6.06.02.09].**

Tuy nhiên, để hệ thống đánh giá ngày càng hoàn thiện, nhà trường cần tiếp tục nghiên cứu và cải tiến. Việc đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường tính minh bạch và công khai trong quá trình đánh giá là những hướng đi cần được quan tâm trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, đồng thời khuyến khích các giảng viên có nhiều công bố các công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

3.Điểm tồn tại

Việc khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy trong phiếu khảo sát người học đã được xây dựng, tuy nhiên, các tiêu chí này chưa đầy đủ và định lượng, dẫn đến kết quả khảo sát chưa thực sự chính xác.

4.Kế hoạch hành động

Năm 2025, phòng KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với các phòng ban liên quan và các khoa chuyên môn rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện bộ tiêu chí khảo sát người học về chất lượng giảng viên theo tính định lượng.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1.Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống tiêu chí tuyển dụng giảng viên chặt chẽ, dựa trên cơ sở pháp lý và các nghiên cứu về quản lý nhân sự tại điều 24, trang 15, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHĐL, ban hành kèm theo quyết định số 555/QĐ-

ĐHĐL, ngày 27/4/2018 và được thay thế bằng điều 26, trang 17, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHĐL, ban hành kèm theo quyết định số 20/QĐ-ĐHĐL, ngày 01/10/2019) **[H6.06.03.01], [H6.06.03.02]**. Các tiêu chí này được thiết kế để đảm bảo tính minh bạch, khách quan và phù hợp với yêu cầu của từng vị trí việc làm. Bên cạnh đó, nhà trường không ngừng cải tiến và cập nhật hệ thống này để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành giáo dục

Để thu hút đội ngũ giảng viên chất lượng cao, nhà trường đa dạng hóa các nguồn tuyển dụng, như hợp tác với các chuyên gia đã nghỉ hưu, các trường đại học đối tác và các tổ chức nghiên cứu **[H6.06.01.06]** . Các ứng viên tiềm năng sẽ được đánh giá kỹ lưỡng qua nhiều vòng, bao gồm kiểm tra năng lực chuyên môn, phỏng vấn và tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực thông báo. Qua đó, riêng trong năm 2024 khoa ĐTVT đã tuyển chọn được 3 tiến sĩ có đủ phẩm chất để đảm nhận vai trò giảng dạy và nghiên cứu. hợp đồng tuyển dụng **[H6.06.01.05].**

Nhờ áp dụng hệ thống tiêu chí tuyển dụng hiệu quả, nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề và có khả năng thích ứng với sự thay đổi của xã hội. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và nâng cao uy tín của nhà trường và khoa ĐTVT.

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống tiêu chí bổ nhiệm giảng viên chặt chẽ, dựa trên cơ sở pháp luật và các quy định nội bộ. Hệ thống này đảm bảo tính minh bạch, công bằng và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia**. [H6.06.03.01], [H6.06.03.02].**

Đối với giảng viên tập sự, nhà trường có quy định rõ ràng về trình độ học vấn, năng lực giảng dạy, khả năng nghiên cứu và các yêu cầu khác. Sau thời gian tập sự, giảng viên sẽ được đánh giá toàn diện dựa trên các tiêu chí cụ thể như hiệu quả giảng dạy, số lượng bài báo khoa học công bố, khả năng tham gia các dự án nghiên cứu. **[H6.06.03.03], [H6.06.03.04].**

Đối với vị trí lãnh đạo, nhà trường đặt ra các tiêu chí cao hơn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và khả năng lãnh đạo. Ngoài ra, các ứng viên còn phải đáp ứng các tiêu chí về đạo đức, lối sống và sự cống hiến cho sự phát triển của xã hội. **[H6.06.03.05] . [H6.06.03.06].**

Để thu hút và giữ chân nhân tài, nhà trường đã xây dựng một chính sách đãi ngộ hấp dẫn, bao gồm mức lương cạnh tranh, các chế độ phúc lợi tốt và cơ hội phát triển nghề nghiệp **[H6.06.03.07], [H6.06.03.08] [H6.06.01.04].** Bên cạnh đó, nhà trường cũng tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo để khuyến khích giảng viên phát huy tối đa khả năng của mình.

Nhờ áp dụng hệ thống tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm chặt chẽ, nhà khoa ĐTVT

đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học **[H6.06.03.09]. [H6.06.01.02].** Điều này góp phần nâng cao uy tín của nhà trường và tạo ra một môi trường học tập tốt nhất cho sinh viên. Trong 5 năm qua, nhà trường đã tuyển dụng được 20 giảng viên tiến sĩ, nâng cao 15% tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trong tổng số giảng viên.

2.Điểm mạnh

Nhà trường đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng và áp dụng các tiêu chí tuyển dụng giảng viên. Việc bổ sung yêu cầu kinh nghiệm thực tiễn cho một số vị trí đã giúp nâng cao tính thực tiễn của đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, để đảm bảo tính toàn diện và khách quan, nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện quy trình tuyển dụng. Việc hoàn thiện hệ thống tiêu chí tuyển dụng giảng viên là một quá trình lâu dài và đòi hỏi sự nỗ lực của toàn thể nhà trường. Bằng việc áp dụng các giải pháp trên, nhà trường sẽ xây dựng được một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, điều này cũng góp phần nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục.

3.Điểm tồn tại

Một trong những hạn chế hiện nay là chưa có sự tham gia đầy đủ của giảng viên trong việc xây dựng tiêu chí. Chưa thực hiện tham khảo lấy ý kiến phản hồi của giảng viên của CTĐT về các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên phục vụ CTĐT.

4.Kế hoạch hành động

Năm 2025, Khoa ĐTVT và Phòng TCHC sẽ triển khai khảo sát ý kiến của giảng viên về các tiêu chí tuyển dụng, việc làm này nhằm mục tiêu: nâng cao tính phù hợp, tăng cường sự đồng thuận, đảm bảo tính khách quan. Cụ thể, kế hoạch khảo sát sẽ bao gồm: xác định đối tượng khảo sát, thiết kế bảng khảo sát, phân tích kết quả và xây dựng đề xuất, bên cạnh đó, nhà trường cũng sẽ, tăng cường công tác truyền thông, tổ chức các buổi tập huấn. Việc thực hiện các hoạt động trên nhằm mục tiêu xây dựng một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.4. Năng lực đội ngũ GV được xác định và đánh giá.

1.Mô tả hiện trạng

Hiện nay, Nhà trường đã có cơ sở pháp lý để đánh giá năng lực giảng viên thông qua các quy chế, quy định cụ thể. Tuy nhiên, việc thực hiện đánh giá còn gặp một số hạn chế. Hệ thống đánh giá hiện tại chủ yếu dựa trên các tiêu chí định lượng như số lượng bài báo, công trình nghiên cứu, chưa đánh giá đầy đủ các khía cạnh khác như

năng lực giảng dạy, khả năng đổi mới **[H6.06.02.06-1], [H6.06.02.06-2].** Bên cạnh đó, công cụ đánh giá chưa được chuẩn hóa, dẫn đến kết quả đánh giá chưa thực sự khách quan. Việc truyền thông về tầm quan trọng của đánh giá đến giảng viên và học viên cũng chưa được thực hiện hiệu quả. Để khắc phục những hạn chế trên, Nhà trường cần:

Xây dựng bộ công cụ đánh giá đa chiều: Bao gồm cả các tiêu chí định lượng và định tính, nhằm đánh giá toàn diện năng lực của giảng viên.

Nâng cao tính minh bạch của quá trình đánh giá: Công khai các tiêu chí, quy trình đánh giá để đảm bảo sự công bằng và khách quan.

Tăng cường truyền thông: Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo để nâng cao nhận thức của giảng viên và học viên về tầm quan trọng của đánh giá, đồng thời hướng dẫn cách thức tham gia đánh giá một cách hiệu quả.

Cải tiến phương pháp khảo sát: Thiết kế các câu hỏi khảo sát rõ ràng, cụ thể, tránh các câu hỏi mang tính chủ quan.

Việc hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực giảng viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng ngày càng cao của xã hội đối với nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhà trường đã xây dựng một quy trình đánh giá năng lực giảng viên chặt chẽ và minh bạch, với các tiêu chí đa dạng, bao gồm cả năng lực chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, khả năng nghiên cứu khoa học và đóng góp cho hoạt động của đơn vị. Quy trình này đảm bảo sự tham gia của nhiều bên, từ giảng viên tự đánh giá, đến đánh giá của khoa và nhà trường **[H6.06.02.10], [H6.06.02.06-2], [H6.06.02.11].** Kết quả đánh giá không chỉ được sử dụng để xếp loại thi đua mà còn là cơ sở để xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ giảng viên nâng cao năng lực **[H6.06.02.08].**

Việc đánh giá năng lực giảng viên hàng năm đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo động lực cho giảng viên không ngừng học hỏi và đổi mới. Kết quả đánh giá cũng giúp nhà trường phát hiện những giảng viên có tiềm năng, từ đó có những chính sách hỗ trợ phù hợp. Để hoàn thiện hơn nữa quy trình đánh giá, nhà trường có thể xem xét việc đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và thường xuyên đánh giá lại hiệu quả của quy trình **[H6.06.02.08], [H6.06.02.10], [H6.06.03.06], [H6.06.04.01-1], [H6.06.04.01-2], [H6.06.04.01-3] [H6.06.04.01-4].** Đồng thời, cần tăng cường truyền thông để tất cả các bên hiểu rõ về mục đích và ý nghĩa của việc đánh giá năng lực giảng viên. Kết quả đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên trong Khoa được thể hiện thông qua kết quả kết quả phân loại viên chức và kết quả thi đua khen thưởng hàng năm **[H6.06.04.02].** Các kết quả này được lưu trữ tại Trường và tại Khoa ĐTVT. Năm học 2023-2024 là năm học ghi nhận sự nỗ lực vượt bậc của tập thể CB, GV của Khoa được thể hiện qua thành tích của cá nhân và đơn vị cụ thể như sau: 07 GV đạt danh hiệu CSTĐCCS, 3 GV được nhận GK của Trường và Tập thể lao

động xuất sắc, Giấy khen tập thể khoa ĐTVT đã có thành tích xuất sắc trong công tác NCKH của sinh viên năm 2024 **[H6.06.04.03]. (Em xem lại ĐỢI BỔ SUNG MC).**

Hàng năm, căn cứ vào các kết quả đạt được học tập nâng cao trình độ và các kết quả NCKH, Nhà trường yêu cầu GV trong toàn trường cập nhật bản Lý lịch khoa học của mỗi cá nhân **[H6.06.04.04].**

2.Điểm mạnh

Quy trình đánh giá đã được xây dựng một cách tương đối bài bản, với các quy định và biểu mẫu cụ thể. Nhiều đối tượng tham gia vào quá trình đánh giá, đảm bảo tính khách quan. Hệ thống đã tạo ra một động lực nhất định để giảng viên nâng cao năng lực.

3. Điểm tồn tại

Còn hạn chế về tính đa dạng và tính cập nhật, chưa phản ánh đầy đủ các yêu cầu mới của công việc giảng dạy. Chủ yếu tập trung vào các hình thức định lượng, chưa khai thác hết tiềm năng của các hình thức định tính. Công cụ hỗ trợ đánh giá chưa được đầu tư đầy đủ, gây khó khăn trong việc thu thập và xử lý dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động

Để khắc phục những tồn tại và nâng cao hiệu quả của hệ thống đánh giá, nhà trường cần tập trung vào các giải pháp sau: hoàn thiện hệ thống tiêu chí, đa dạng hóa hình thức đánh giá, nâng cao chất lượng công cụ hỗ trợ, liên kết chặt chẽ với các hoạt động khác; tăng cường truyền thông.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1.Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có những chính sách rõ ràng về đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên. Hàng năm, các khoa đều được yêu cầu lập kế hoạch và đăng ký nhu cầu đào tạo cho giảng viên **[H6.06.05.01], [H6.06.05.02].** Tuy nhiên, việc xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, phù hợp với từng ngành đào tạo còn hạn chế. Để khắc phục tình trạng này, nhà trường cần:

Tăng cường sự phối hợp giữa các khoa và các phòng ban: Tổ chức các buổi làm việc thường xuyên để trao đổi thông tin, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của từng khoa.

Đa dạng hóa hình thức đào tạo: Ngoài các hình thức đào tạo truyền thống, có thể tổ chức các hội thảo, workshop, mời chuyên gia đến chia sẻ kinh nghiệm.

Tăng cường liên kết với các tổ chức bên ngoài: Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để tổ chức các chương trình đào tạo, trao đổi học thuật.

Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu khoa học: Khuyến khích giảng viên tham gia các dự án nghiên cứu để nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới.

Việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường. Bằng việc triển khai các giải pháp trên, nhà trường sẽ tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên không ngừng học hỏi và phát triển, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác giảng dạy.

Nhà trường đã xây dựng một quy trình đào tạo, bồi dưỡng bài bản, dựa trên nhu cầu thực tế của từng khoa. Hàng năm, các khoa đều được tham gia vào việc xây dựng kế hoạch đào tạo và được thông báo công khai về các cơ hội nâng cao năng lực **[H6.06.05.03].** Trong những năm gần đây, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động đào tạo đa dạng, từ các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn đến các lớp tập huấn kỹ năng mềm. Kết quả, 100% giảng viên đã được tham gia ít nhất một khóa đào tạo. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Nhà trường cử 03 giảng viên của Khoa đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn trình độ Tiến sĩ ngành Điện tử Viễn thông, 15 lượt giảng viên tham gia lớp nâng hạng giảng viên, 9 lượt giảng viên, nhân viên tham gia lớp Kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản, 9 lượt giảng viên tham dự lớp tập huấn Tự đánh giá chương trình đào tạo, 5 lượt giảng viên tham dự lớp tập huấn "Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng Cơ sở giáo dục đại học". Ngoài ra, còn nhiều lượt giảng viên của Khoa được nhà trường cử tham dự các Hội thảo chuyên ngành, các khóa tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn khác nhằm phát triển các kỹ năng cần thiết phục vụ việc xây dựng, phát triển CTDH, cải thiện các kỹ năng phục vụ giảng dạy **[H6.06.05.06].**

Để đảm bảo hiệu quả của các hoạt động đào tạo, nhà trường đã thực hiện việc giám sát và đánh giá thường xuyên. Các giảng viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo đều phải báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu. Nhờ đó, chất lượng giảng dạy và năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên đã được nâng cao đáng kể. Hàng năm, các GV được Nhà trường cử đi đào tạo trình độ TS đều phải thực hiện việc báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu 6 tháng một lần **[H6.06.05.04], [H6.06.05.05].** Trên cơ sở đó, Nhà trường tổng hợp, đánh giá để có kế hoạch đôn đốc, hỗ trợ giúp GV hoàn thành việc học tập theo đúng kế hoạch.

2.Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, dựa trên nhu cầu thực tế của các khoa.Các hoạt động đào tạo rất đa dạng, đáp ứng được nhiều nhu cầu khác nhau của giảng viên. Nhà trường đã có cơ chế để theo dõi và đánh giá kết quả của các hoạt động đào tạo.

3.Điểm tồn tại

Mặc dù nhà trường đã tạo điều kiện, nhưng tính chủ động của giảng viên trong việc tìm kiếm và tham gia các hoạt động đào tạo còn hạn chế. Các chương trình đào tạo chưa

được thiết kế một cách linh hoạt để phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng giảng viên.Việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động đào tạo chưa được thực hiện một cách đầy đủ và khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Tạo điều kiện cho giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, nhu cầu và đề xuất các chương trình đào tạo phù hợp. Tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên tự học, tự nghiên cứu thông qua việc cung cấp tài liệu, cơ sở vật chất. Thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo một cách chi tiết và cụ thể hơn đối với từng giảng viên. Kết hợp cả đánh giá định lượng và định tính để đánh giá hiệu quả của các hoạt động đào tạo. Đánh giá tác động của các hoạt động đào tạo đến chất lượng giảng dạy và năng lực nghiên cứu của giảng viên.Tổ chức các hoạt động thực tập, nghiên cứu để giúp giảng viên ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy. Tạo ra một môi trường để giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1.Mô tả

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nhà trường đã xây dựng một quy trình quản lý công việc khoa học và hiệu quả. Hàng năm, phòng Đào tạo sẽ chủ động lên kế hoạch chi tiết cho từng khoa, dựa trên nhu cầu thực tế và định hướng phát triển của nhà trường **[H6.06.06.01], [H6.06.05.01], [H6.06.05.03].** Kế hoạch này không chỉ bao gồm các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng mà còn xác định rõ các chỉ tiêu cần đạt được và các nguồn lực cần thiết.

Để tăng tính chủ động và sự tham gia của giảng viên, nhà trường khuyến khích các khoa tổ chức các buổi làm việc để cùng nhau xây dựng kế hoạch và phân công công việc Việc phân công này được thực hiện dựa trên cơ sở năng lực, sở trường và nguyện vọng của từng giảng viên. Nhờ đó, mỗi người đều có cơ hội được tham gia vào những hoạt động phù hợp và phát huy tối đa khả năng của mình **[H6.06.06.02]. [H6.06.06.03]. [H6.06.02.09]. [H6.06.02.03].**

Để hỗ trợ quá trình quản lý và theo dõi, nhà trường đã đầu tư vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại. Hệ thống này giúp giảng viên dễ dàng truy cập thông tin về kế hoạch đào tạo, đăng ký các khóa học và theo dõi tiến độ thực hiện. Ngoài ra, hệ thống còn cung cấp các công cụ hỗ trợ đánh giá, giúp nhà trường đánh giá một cách khách quan và chính xác hiệu quả của các hoạt động đào tạo **[H6.06.06.04], [H6.06.06.05].**

Để đảm bảo tính công bằng và minh bạch, nhà trường đã xây dựng một hệ thống đánh giá hiệu quả công việc dựa trên các tiêu chí cụ thể và rõ ràng **[H6.06.06.06].** Các tiêu chí này không chỉ bao gồm các chỉ tiêu về số lượng mà còn đánh giá chất lượng công việc, sự đóng góp của giảng viên vào các hoạt động của khoa và nhà trường. Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng làm cơ sở để phân bổ nguồn lực, khen thưởng và tạo động lực cho giảng viên **[H6.06.04.03], [H6.06.04.01].**

Song song với việc đánh giá định kỳ, nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các cuộc khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi của giảng viên về các hoạt động đào tạo **[H6.06.06.07].** Thông qua các cuộc khảo sát này, nhà trường có thể kịp thời điều chỉnh các chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của giảng viên và phù hợp với sự phát triển của ngành.

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống đánh giá hiệu quả công việc minh bạch và công bằng, liên kết chặt chẽ với cơ chế lương thưởng. Kết quả đánh giá không chỉ được sử dụng để tính lương, thưởng mà còn là cơ sở để phân bổ nguồn lực, khen thưởng và tạo động lực cho giảng viên **[H6.06.06.08].** Các tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên các quy định cụ thể, bao gồm cả các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng công việc. Đặc biệt, nhà trường khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học bằng cách đưa ra các chính sách ưu đãi đối với những giảng viên có công trình công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín. Để đảm bảo tính công khai, minh bạch, toàn bộ quá trình đánh giá được thực hiện theo một quy trình rõ ràng và được công khai đến toàn thể cán bộ, giảng viên Nhờ đó, mỗi cá nhân đều có cơ hội được đánh giá một cách công bằng và có cơ hội phát triển bản thân **[H6.06.06.9], [H6.06.06.10].**

Bên cạnh các tiêu chí định lượng như số lượng bài báo công bố, số giờ giảng, số lượng sinh viên hướng dẫn, nhà trường còn đặc biệt quan tâm đến các tiêu chí định tính như chất lượng giảng dạy, khả năng đổi mới sáng tạo, đóng góp vào các hoạt động xã hội của nhà trường. Điều này giúp đảm bảo rằng quá trình đánh giá không chỉ tập trung vào số lượng mà còn đánh giá đúng năng lực và sự cống hiến của từng cá nhân.

Để đảm bảo tính khách quan và chính xác của quá trình đánh giá, nhà trường đã thành lập các hội đồng đánh giá gồm đại diện từ các khoa, phòng ban và các chuyên gia bên ngoài. Hội đồng đánh giá sẽ căn cứ vào các tài liệu, bằng chứng và ý kiến đóng góp của các bên liên quan để đưa ra kết quả đánh giá cuối cùng. Ngoài ra, nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về quy trình đánh giá để nâng cao nhận thức và kỹ năng đánh giá cho các thành viên trong hội đồng. Điều này giúp đảm bảo tính thống nhất và khách quan trong quá trình đánh giá.

Để khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy giảng viên không ngừng nỗ lực, nhà trường đã xây dựng một hệ thống khen thưởng đa dạng, bao gồm cả phần thưởng

vật chất và tinh thần. Các hình thức khen thưởng có thể là tiền thưởng, bằng khen, giấy khen, cơ hội đào tạo nâng cao và các danh hiệu danh giá. Song song với việc đánh giá và khen thưởng, nhà trường cũng quan tâm đến việc tạo ra một môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới **[H6.06.06.10-1]..** Điều này bao gồm việc cung cấp các nguồn lực cần thiết cho công tác nghiên cứu, hỗ trợ giảng viên tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học và tạo điều kiện để giảng viên hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Qua đó, có thể thấy rằng hệ thống đánh giá và khen thưởng của nhà trường đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và tạo ra một môi trường làm việc năng động, sáng tạo. GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

Qua các cuộc khảo sát định kỳ, giảng viên ĐTVT đã thể hiện sự hài lòng cao đối với hệ thống đánh giá và khen thưởng của nhà trường. Cụ thể, trong hai cuộc khảo sát được thực hiện vào năm 2019-2024, 100% giảng viên tham gia đều đánh giá cao sự công bằng, minh bạch và kịp thời trong việc xét khen thưởng. Điều này cho thấy, hệ thống đánh giá hiện tại đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu và kỳ vọng của đội ngũ giảng viên **[H6.06.06.11].**

Việc được công nhận và khen thưởng xứng đáng với những đóng góp của mình đã tạo động lực rất lớn cho giảng viên. Nhiều giảng viên chia sẻ rằng, họ cảm thấy được tôn trọng và khuyến khích khi những nỗ lực của mình được ghi nhận. Điều này không chỉ giúp nâng cao tinh thần làm việc mà còn góp phần tạo ra một môi trường làm việc tích cực, nơi mà mỗi cá nhân đều có cơ hội để phát triển bản thân. Bên cạnh việc đánh giá cao sự công bằng và minh bạch, giảng viên cũng đánh giá cao tính đa dạng của các hình thức khen thưởng. Nhà trường đã triển khai nhiều hình thức khen thưởng khác nhau, từ khen thưởng bằng hiện vật, tiền mặt đến các hình thức khen thưởng tinh thần như giấy khen, bằng khen, cơ hội đào tạo nâng cao. Sự đa dạng này giúp đáp ứng được nhu cầu và mong muốn khác nhau của từng cá nhân. Việc xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá và khen thưởng hiệu quả đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Khoa Điện tử Viễn thông. Các giảng viên đã có nhiều sáng kiến, cải tiến phương pháp giảng dạy, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu và tạo ra nhiều sản phẩm khoa học có giá trị **[H6.06.06.11], [H6.06.02.13], [H6.06.02.14].**

Tuy nhiên, để hệ thống đánh giá ngày càng hoàn thiện, nhà trường cần tiếp tục lắng nghe ý kiến đóng góp của giảng viên và điều chỉnh các tiêu chí đánh giá sao cho phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, nhà trường cũng cần tăng cường công tác truyền thông để

tất cả giảng viên đều hiểu rõ về quy trình đánh giá và các tiêu chí đánh giá.

Với những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng hệ thống đánh giá và khen thưởng hiện tại đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả và tạo động lực cho đội ngũ giảng viên. Nhà trường sẽ tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống này để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của đội ngũ giảng viên và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

2.Điểm mạnh

Quy trình được xây dựng một cách chi tiết, từ việc lên kế hoạch đến đánh giá, khen thưởng. Các tiêu chí đánh giá được công khai, tạo điều kiện cho giảng viên hiểu rõ và có cơ hội đóng góp ý kiến. Kết quả đánh giá được sử dụng trực tiếp để tính toán lương thưởng, tạo động lực cho giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống có thể chưa đủ linh hoạt để thích ứng với những thay đổi trong môi trường giáo dục và nhu cầu của từng cá nhân.Các tiêu chí đánh giá có thể quá tập trung vào số lượng thành phẩm (bài báo, số giờ giảng) mà chưa đánh giá đủ về chất lượng và sự sáng tạo.Chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể cho các giảng viên có trình độ thạc sĩ để phát triển nghiên cứu khoa học.

4.Kế hoạch hành động

Cho phép giảng viên tự đề xuất các chỉ tiêu đánh giá bổ sung phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của mình. Điều chỉnh định kỳ các tiêu chí đánh giá để phù hợp với sự thay đổi của môi trường giáo dục và yêu cầu của nhà trường. Bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng công trình nghiên cứu, hiệu quả giảng dạy, đóng góp vào các hoạt động xã hội. Khuyến khích giảng viên tự đánh giá công việc của mình và đưa ra kế hoạch phát triển cá nhân.Không chỉ khen thưởng bằng vật chất mà còn có thể khen thưởng bằng các hình thức khác như cơ hội đào tạo, công bố kết quả nghiên cứu trên các diễn đàn khoa học, v.v.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Để khuyến khích và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), nhà trường đã xây dựng một hệ thống quản lý NCKH chặt chẽ và minh bạch, được tích hợp với công nghệ thông tin. Hệ thống này bao gồm các quy định cụ thể về số lượng và loại hình hoạt động NCKH mà giảng viên cần thực hiện, như số lượng bài báo quốc tế, đề tài cấp nhà nước, hoặc số giờ tham gia vào các dự án nghiên cứu. Các tiêu chí đánh giá được thiết lập rõ ràng, liên kết trực tiếp với cơ chế khen thưởng, bao gồm cả các chỉ tiêu định lượng như số lượng công bố và các chỉ tiêu định tính như chất lượng nghiên

cứu, tính ứng dụng của kết quả nghiên cứu **[H6.06.07.01], [H6.06.07.02].**

Để đảm bảo chất lượng các đề tài, nhà trường đã xây dựng một quy trình quản lý chặt chẽ, từ khâu đăng ký trực tuyến trên hệ thống quản lý nghiên cứu, xét duyệt bởi hội đồng chuyên môn đến nghiệm thu và đánh giá. Quy trình này được hỗ trợ bởi các công cụ quản lý dự án hiện đại, giúp theo dõi tiến độ thực hiện và đánh giá hiệu quả của từng đề tài **[H6.06.01.12], [H6.06.07.03], [H6.06.07.04].** Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về phương pháp nghiên cứu, kỹ năng viết bài báo khoa học và kết nối giảng viên với các chuyên gia trong và ngoài nước để nâng cao năng lực nghiên cứu **[H6.06.07.05].**

Kết quả cho thấy, hệ thống quản lý NCKH đã đạt được những thành tựu đáng kể. Số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu của giảng viên khoa ĐTVT đã tăng lên đáng kể. Nhiều đề tài nghiên cứu đã được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín, góp phần nâng cao uy tín của nhà trường **[H6.06.07.06].** Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục, như chưa có cơ chế hỗ trợ đầy đủ cho các giảng viên trẻ, đặc biệt là những người mới bắt đầu sự nghiệp nghiên cứu; hoặc việc liên kết giữa nghiên cứu và thực tiễn chưa được chặt chẽ.

Để hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý NCKH, nhà trường cần tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu. Cụ thể:

Tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất: Mua sắm trang thiết bị hiện đại, xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên dụng để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu.

Mở rộng hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để tạo điều kiện cho giảng viên tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế.

Xây dựng cộng đồng nghiên cứu: Tổ chức các diễn đàn, hội thảo để tạo điều kiện cho giảng viên trao đổi kinh nghiệm, hợp tác nghiên cứu.

Đánh giá thường xuyên và điều chỉnh: Thường xuyên đánh giá hiệu quả của hệ thống quản lý NCKH và điều chỉnh các quy định, tiêu chí cho phù hợp với thực tế.

Tăng cường liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo: Tích hợp kết quả nghiên cứu vào chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo.

Bằng việc không ngừng đổi mới và hoàn thiện, nhà trường sẽ xây dựng được một môi trường nghiên cứu sáng tạo, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên trong Khoa đa dạng về lĩnh vực, có sự gắn kết giữa các ngành khác nhau. Trong giai đoạn 2019-2024, cán bộ trong Khoa đã tham gia và hoàn thành 14 đề tài các cấp: 01 Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, 08 Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 05 Đề tài nghiên cứu cấp trường trong đó có nhiều đề tài có tính ứng dụng cao. Số lượng các công bố trên các tạp

chí uy tín trong nước và quốc tế không ngừng tăng lên. Trong giai đoạn này cán bộ trong khoa đã công bố 160 công trình nghiên cứu trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trong đó có 59 công trình công bố trên các tạp chí ngành có uy tín của quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE, Scopus; 39 bài báo đã công bố trên các tạp chí ngành trong nước; 26 bài báo đã công bố trên các tạp chí ĐHDL; 24 bài cáo hội thảo Scopus và quốc tế; 12 báo cáo hội thảo trong nước [H6.06.07.08]. Tuy nhiên, các kết quả NCKH được thống kê phục vụ kê khai khối lượng NCKH, chưa được đối sánh hướng tới nâng cao chất lượng các đề tài, công trình NCKH.

2.Điểm mạnh

Khoa đã thực hiện nhiều đề tài có tính ứng dụng cao trong đời sống và nhiều đề tài trực tiếp phục vụ công tác đào tạo sinh viên của Khoa, của Trường. Nhiều đề tài có tính liên ngành. GV trong Khoa có nhiều công bố quốc tế, trong đó có nhiều bài báo trong các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus.

3.Tồn tại

Việc giám sát và đối sánh hướng tới nâng cao chất lượng NCKH chưa được thực sự cụ thể.

4.Kế hoạch hành động

Trong năm 2025, thành lập các nhóm nghiên cứu với các chuyên gia để nâng cao chất lượng NCKH trong Khoa.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Khoa có đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên cao, có trách nhiệm trong công việc, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH do Nhà trường giao cho.

Để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao trong công việc, Khoa luôn chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu của đơn vị để tham mưu, đề xuất cho Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tuyển dụng cán bộ kịp thời, đúng đối tượng, theo đúng quy trình, tiêu chí và chỉ tiêu đã xây dựng.

Có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên cuãng được nhà trường thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường.

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ hỗ trợ, phục vụ là thành phần không thể thiếu và là một trong những yếu tố quan trọng giúp giảng viên hoàn thành tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng được yêu cầu đối với mỗi loại chức danh công việc, hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các kế hoạch sử dụng lao động, các công văn của Trường ĐHĐL, quyết định của Trường về phê duyệt kế hoạch bổ sung lao động cho các đơn vị trực thuộc trường, kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ các bộ phận (thư viện, trung tâm CNTT, Phòng QLĐT, Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thực hành Thí nghiệm, CTSV) **[H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]**. Điều này đã thể hiện rõ công tác phân tích/dự báo về nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường ĐHĐL nói chung, ngành Kỹ thuật điện tử nói riêng.

Tại Trường ĐHĐL, các quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ rõ ràng, các quy hiện hành về việc chấm dứt hợp đồng và cho cán bộ nghỉ hưu đối với cán bộ hỗ trợ được áp dụng theo các quy định của Nhà nước, Bộ Công Thương và Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường có chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt, đội ngũ cán bộ hỗ trợ có trình độ là tiến sỹ, Nhà trường có hệ số phụ cấp lương thu hút, nhằm thu hút được lực lượng lao động chất lượng cao trong quản lý **[H7.07.01.04].** Căn cứ vào nhu cầu nhân sự của các đơn vị, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nhân lực hàng năm trong đó xác định rõ yêu cầu và vị trí tuyển dụng **[H7.07.01.08], [H7.07.01.09], [H7.07.01.10], [H7.07.01.11]**. Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng, phòng Tổ chức - Hành chính Nhà trường triển khai công tác tuyển dụng theo đúng quy trình về công tác tuyển dụng **[H7.07.01.02], [H7.07.01.08]**. Thông tin về tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và một số phương tiện thông tin đại chúng; mọi thông tin liên quan đến chỉ tiêu, điều kiện dự tuyển, hồ sơ dự tuyển… đều được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong thông báo tuyển dụng **[H7.07.01.12]**. Cơ cấu, số lượng của từng vị trí việc làm đối với đội ngũ hỗ trợ, phục vụ cũng được Nhà trường phân tích và xác định rõ trong đề án vị trí việc làm **[H7.07.01.01], [H7.02.01.02]**.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý các bộ phận như thư viện, trung tâm công nghệ thông tin, Phòng QLĐT, KT&ĐBCL, CTSV được thực hiện nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt luôn đủ về số lượng, chất lượng, thực hiện nhiệm

vụ Nhà trường giao trong mọi giai đoạn công việc **[H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.13].** Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ cho CTĐT thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ theo từng đơn vị chuyên môn như trong quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm và Đề án vị trí việc làm. Cụ thể như sau:

Thư viện có 06 lao động trực thuộc, có chức năng xây dựng, quản lý và phát triển các dịch vụ thông tin – thư viện; tiếp nhận, bổ sung, lưu giữ, quản lý thông tin, tư liệu phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học: bao gồm quản lý và tổ chức sử dụng các tài liệu, ấn phẩm báo cáo khoa học, luận văn, luận án, chương trình đào tạo, giáo trình, tập bài giảng và các dạng tài liệu, ấn phẩm tài trợ, biếu tặng; tư vấn hỗ trợ học viên trong quá trình tra cứu, tìm kiếm, mượn, trả học liệu. Trung tâm luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin và lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và học viên trong trường nói chung và cho ngành Kỹ thuật điện tử nói riêng. Hàng ngày, thư viện mở cửa phục vụ học viên học tập, nghiên cứu từ 8h00 tới 21h00 (trong đó có thời gian hỗ trợ mượn tài liệu thư viện và thời gian tự học của học viên tại thư viện)**.**

Phòng QLĐT thực hiện quy trình đào tạo, hỗ trợ học viên đăng ký môn học và xếp thời khóa biểu, tư vấn lịch học phù hợp đối với các đối tượng học viên; hỗ trợ xét điều kiện tốt nghiệp, phát bằng tốt nghiệp. Thái độ của nhân viên hỗ trợ đào tạo luôn nhẹ nhàng, niềm nở và nhiệt tình đối với học viên.

Phòng KT&ĐBCL có 07 lao động trực thuộc, bao gồm các công việc hỗ trợ xây dựng quy trình, kế hoạch thi kết thúc học phần, thi cuối khóa, quản lý hệ thống ngân hàng đề thi cho từng môn học của ngành KTĐT; hỗ trợ quản lý bài thi và lưu trữ bài thi; hỗ trợ cập nhật và thống nhất điểm thi cho học viên ngành KTĐT.

Trung tâm CNTT có 04 lao động trực thuộc, thực hiện công việc hỗ trợ quản lý account, email; hỗ trợ đăng nhập sử dụng các phần mềm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và quản lý học viên. Bốn lao động đều có bằng cấp về CNTT, đảm bảo khả năng hỗ trợ giảng viên và học viên trong việc giảng dạy và học tập về các vấn đề liên quan hệ thống thông tin, mạng Internet.

Trung tâm Thực hành Thí nghiệm có 09 lao động, thực hiện quản lý hệ thống phòng thí nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác giảng dạy và học tập các môn thực hành, thực tập.

Bộ phận Trực giảng có 05 lao động trực thuộc, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ việc sử dụng có hiệu quả hệ thống giảng đường và thiết bị trên giảng đường, hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo của ngành Kỹ thuật điện tử.

Trung tâm truyền thông và hợp tác doanh nghiệp có 06 lao động, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ việc làm, hỗ trợ ứng dụng các hoạt động khoa học công nghệ, ý tưởng sáng tạo của học viên phục vụ sản xuất thực tế và cộng đồng… Kể từ khi được thành lập, trung tâm HTVL&KN đã có rất nhiều các hoạt động hỗ trợ cho học viên và phục vụ cộng đồng như: tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo, chế tạo các thiết bị phòng chống dịch bệnh covid-19, ý tưởng khởi nghiệp, robocon…Trung tâm cũng là địa chỉ để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất phản hồi những nhận xét, đánh giá, góp ý cho các hoạt động cải tiến chương trình đào tạo của các khoa chuyên môn.

Phòng QLKH&HTQT có 07 lao động trực thuộc, thực hiện công việc hỗ trợ tổng hợp kết quả sơ duyệt các sáng kiến, các đề tài nghiên cứu khoa học của học viên và giảng viên ngành Kỹ thuật điện tử để xét duyệt, xác nhận khối lượng nghiên cứu khoa học.

Bảng 14*: Thống kê trình độ cán bộ nhân viên các phòng ban*

STT	Cán bộ hỗ trợ CTĐT	2023				
		Đại học	**Thạc sĩ**	**Tiến sĩ**	**Tổng**	**Ghi chú**
	Cán bộ hỗ trợ thuộc các Phòng, Ban, Trung tâm, …. có tham gia CTĐT					
1	Thư viện	4	2	0	6	
2	Trung tâm CNTT	0	3	1	4	
3	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	1	8	0	9	
4	Phòng Công tác học viên	4	3	0	7	
5	Phòng QLĐT	1	2	1	4	
6	Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng		5	1	6	
7	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	1	4	2	7	
8	Phòng TCHC	0	5	1	6	
9	Phòng Hành chính quản trị	32	7	0	39	
10	Phòng Kế hoạch tài chính	5	6	0	11	
11	Phòng Thanh tra pháp chế	3	0	0	3	
12	Trung tâm truyền thông và quan hệ doanh nghiệp	3	2	0	5	

(*Nguồn: Số liệu từ phòng TC-HC*)

Tất cả đội ngũ hỗ trợ, phục vụ đều có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, (đa phần các trưởng phòng đều có trình độ Tiến sĩ, như: trung tâm CNTT, QLĐT, KT&ĐBCL, QLKH và HTQT để đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực để giải quyết các vấn đề cho giảng viên và người học ngành Kỹ thuật điện tử tính đến tháng 6 năm 2023 như Bảng 14.

Bên cạnh đó, các giảng viên ngành Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử của Khoa ĐTVT có trách nhiệm tư vấn cho học viên các vấn đề liên quan đến học tập; hướng dẫn học viên tiếp cận các nguồn học liệu; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong việc tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động, phong trào xã hội, hoạt động cộng đồng; phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng KT & ĐBCL để theo dõi, đánh giá toàn diện về học tập và rèn luyện của học viên; Việc tương tác giữa giảng viên và nhân viên hỗ trợ của các phòng ban tạo điều kiện cho học viên dễ dàng tiếp cận được các thông tin về học tập, nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động xã hội một cách nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ. Điều này đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, Khoa Điện tử Viễn thông có 1 Giáo vụ khoa thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, tổ chức sắp xếp và quản lý văn bản, hồ sơ, tài liệu của các ngành trong Khoa; trực văn phòng, cập nhật và gửi các văn bản, thông báo, quyết định, các thông tin của Nhà trường tới các giảng viên; đảm bảo yêu cầu thông tin liên lạc, tổ chức sắp xếp công việc hàng ngày nhằm hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của toàn Khoa.

Phiếu khảo sát học viên, giảng viên hàng năm về mức độ hài lòng đối với các phòng ban, Thư viện, Trung tâm CNTT, Trung tâm thực hành - thí nghiệm đã được thực hiện nhằm tìm hiểu về trạng thái thỏa mãn mức độ hài lòng của học viên về đội ngũ giảng viên và hỗ trợ **[H7.07.01.14].**

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ Đại học trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ học viên tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của học viên liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp học viên có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp học viên hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng TC-HC cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.

5. ***Tự đánh giá:*** Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực để đáp ứng được yêu cầu công việc được phân công, Nhà trường luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng. Nhà trường có văn bản thông báo tuyển dụng bao gồm tiêu chí tuyển dụng đối với cán bộ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm cụ thể **[H7.07.01.02], [H7.07.01.12], [H7.07.02.03].** Các tiêu chí được đưa ra cụ thể trong quá trình tuyển dụng, lựa chọn các nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT trong quá trình thực hiện của ngành đào tạo.

Tiêu chí chung áp dụng đối với các cán bộ nhân viên trong trường học:

1. Đủ sức khỏe, kỹ năng, khả năng, chuyên môn, trình độ phù hợp trong công việc được phân công để làm việc.

2. Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống phù hợp, ý thức kỷ luật tốt.

3. Có năng lực làm việc tốt, yêu nghề, giao tiếp và hỗ trợ tốt khoa chuyên môn và học viên trong thực hiện chương trình đào tạo.

Trên thực tế, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt và được rà soát, bổ sung hàng năm **[H7.07.01.05], [H7.07.01.11], [H7.07.02.03]** đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm theo quy định của Nhà nước và Bộ Công Thương **[H7.07.01.07]**. Việc tuyển dụng, điều chuyển dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu lao động và ý kiến đóng góp về vị trí việc làm [**H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.01].** Dựa vào các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên hỗ trợ đào tạo ngành **[H7.07.02.02]** Nhà trường xét cụ thể các tiêu chí tuyển dụng hàng năm nhằm tuyển dụng nhân lực phù hợp, nhằm đạt hiệu quả cao trong tuyển dụng, đồng thời tuyển dụng được nguồn nhân lực phù hợp cho nhiệm vụ hỗ trợ ngành đào tạo.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trong thông báo tuyển dụng của Nhà trường **[H7.07.01.12].**

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHĐL chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm để bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCL và Phòng TC-HC thực hiện phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHĐL. Chính vì vậy, công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được Trường ĐHĐL quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Trường ĐHĐL. Các quy định về các phương thức đánh giá năng lực của cán bộ công nhân viên được ghi rõ ràng trong một số văn bản **[H7.07.03.01] [H7.07.03.02]**.

Căn cứ dựa trên các tiêu chí của mỗi công việc theo đề án việc làm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi viên chức đều được Nhà trường đánh giá theo tháng dựa trên các tiêu chí về chấp hành các quy định của Nhà trường, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.03]**. Kết thúc năm, Nhà trường cũng triển khai đánh giá, phân loại viên chức, bình xét thi đua năm học nhằm làm rõ ưu, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.04]**. Cụ thể các viên chức trong nhóm đội ngũ công tác hỗ trợ khoa chuyên môn trong triển khai chương trình đào tạo, được xem xét và đánh giá khá chi tiết quá trình thực hiện công việc của cá nhân (Bảng 15) **[H7.07.03.01]**.

Bảng 15: Bảng đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên

STT	Cán bộ hỗ trợ CTĐT	Năm học 2022-2023				
		HTXSNV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG
1	Thư viện	1	5	0	0	0
2	Trung tâm CNTT	1	3	0	0	0
3	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	0	9	0	0	0
4	Phòng Công tác học viên	1	5	0	0	0
5	Phòng QLĐT	0	4	0	0	0
6	Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng	0	6	0	0	0
7	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	1	4	0	0	1
8	Phòng TCHC	1	4	0	0	1

STT	Cán bộ hỗ trợ CTĐT	Năm học 2022-2023				
		HTXSNV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không ĐG
9	Phòng Hành chính quản trị	1	33	0	0	2
10	Phòng Kế hoạch tài chính	0	8	0	0	1
11	Trung tâm truyền thông và quan hệ doanh nghiệp	0	5	0	1	1
12	Trung tâm Đào tạo thường xuyên	1	5	0	0	0

Việc xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đã được thực hiện hàng năm và đồng thời được lưu tại 02 bộ phận: phòng ban chức năng và Phòng TC-HC **[H7.07.03.02], [H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05], [H7.07.03.06], [H7.07.03.07], [H7.07.03.08], [H7.07.03.09].** Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá bởi sự hài lòng của các bên liên quan như giảng viên, học viên, cụ thể phiếu khảo sát sự hài lòng đã được thực hiện từ năm 2018 đến nay **[H7.07.01.13].**

Thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá thông qua các cuộc họp thường xuyên tại các bộ phận chức năng. Kết quả đánh giá đội ngũ hỗ trợ, phục vụ ngành đào tạo đều đạt mức hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhiều viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở cho thấy đội ngũ hỗ trợ, phục vụ của Nhà trường đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu của vị trí việc làm và được ghi nhận trong báo cáo, hồ sơ hàng năm của đội ngũ hỗ trợ **[H7.07.03.04], [H7.07.03.08]**. Tuy nhiên trong một số trường hợp, các cán bộ công nhân viên thực hiện công việc chưa tốt, hoặc không đạt tiêu chuẩn, Nhà trường thực hiện luân chuyển cán bộ phù hợp để thực hiện triển khai công việc hỗ trợ đào tạo hợp lý hơn **[H7.07.02.02], [H7.07.03.03]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ CNTT tốt; liên tục được đào tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng TC-HC và các đơn vị sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.

5. ***Tự đánh giá:*** Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác dịnh và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động nhằm duy trì và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên góp phần quyết định để Nhà trường phát triển trong môi trường cạnh tranh trong đào tạo như hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ được Nhà trường thực hiện một cách bài bản. Hàng năm, trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên thông qua nhu cầu đào tạo cá nhân, đồng thời nhu cầu của Nhà trường để xác định các nội dung đào tạo trong tương lai gần cho đội ngũ nhân viên **[H7.07.04.01]**.

Dựa trên đánh giá nhu cầu đào tạo cá nhân, tổ chức, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên và xây dựng chế độ, chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ **[H7.07.04.01]**.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Nhà trường cũng được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại mỗi năm học. Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường đã cử 212 người đi học lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; mở 01 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng cho 139 người và cử 52 lượt viên chức phòng chức năng tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ khác **[H7.07.04.02], [H7.07.04.03]**. Cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia các hoạt động này đều được Nhà trường hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thời gian tham gia, cụ thể: hỗ trợ tiền lương; đảm bảo các chế độ trong thời gian đi học…

Tất cả các chế độ chính sách đào tạo được công khai trong toàn trường thông qua quy chế chi tiêu nội bộ **[H7.07.04.04]**. Hàng năm, Trường ĐHĐL đã chi với số tiền hàng trăm triệu đồng cho đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng viên và cán bộ công nhân viên tại các bộ phận, phòng ban **[H7.07.04.05]**.

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng TC-HC và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 4/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được Nhà trường tổ chức đánh giá hàng tháng và đây là cơ sở để Nhà trường trả lương. Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch thông qua các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong các chính sách về nhân sự, về lương của Nhà trường theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên **[H7.07.03.03], [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]**. Thống kê kết quả hoàn thành công việc của nhân viên được mô tả như trên Hình 7.1.

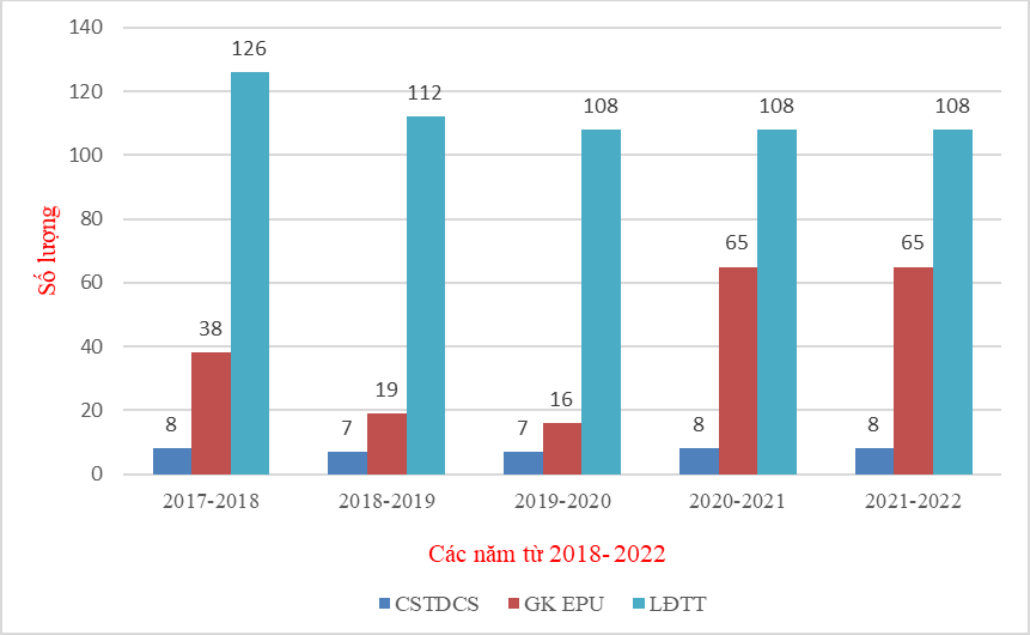

Hình 7.1: Thống kê kết quả hoàn thành công việc của nhân viên.

Hàng kỳ, Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét thi đua năm học. Những nhân viên hỗ trợ hoàn thành công việc được giao luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng **[H7.07.05.04]** theo đúng Quy định về thi đua khen thưởng của Nhà trường. Sự công nhận và khen thưởng hàng năm được triển khai là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ tích cực hơn trong việc thực hiện

các nhiệm vụ được giao. Năm 2021, 2022, sự đánh giá của người học về đội ngũ hỗ trợ đạt từ mức trung bình trở lên, tỷ lệ không hài lòng rất thấp **[H7.07.01.13].**

Các đội ngũ nhân viên đều có bản kế hoạch thực hiện công việc hàng tháng, hàng năm dựa trên bản kế hoạch công việc hàng tháng cụ thể tại mỗi phòng ban chức năng.

Ví dụ: Giáo vụ khoa thường xuyên hỗ trợ học viên, giải đáp các thắc mắc qua nhiều hình thức: gặp trực tiếp, điện thoại cá nhân, email. Phòng Đào tạo thực hiện hỗ trợ học viên đăng ký môn học, mọi thắc mắc đã được trả lời nhanh chóng. Trung tâm Học liệu đã cung cấp các giáo trình phù hợp cho môn học, thực hiện cập nhật thường xuyên các giáo trình theo yêu cầu của khoa chuyên môn. Tất cả các bộ phận hỗ trợ đã nâng cao hoạt động hiệu quả của các nhân viên hỗ trợ đào tạo, thống nhất hướng tới hiệu quả chung trong việc cung cấp một chất lượng dịch vụ hoàn hảo nhất cho các học viên tại Trường ĐHĐL **[H7.07.01.02]**.

Trong các văn bản dự thảo trước khi được ban hành chính thức, Trường ĐHĐL thường cho phép 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Đồng thời, các hội nghị công nhân viên chức hàng năm là thời điểm một văn bản được xem xét lần cuối cùng trước khi ban hành chính thức dựa trên số đông cán bộ công nhân viên đồng ý **[H7.07.05.02], [H7.07.05.05]**.

Do căn cứ xem xét về kết quả công việc khá rõ ràng, đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường ĐHĐL và các cấp có thẩm quyền không có đơn thư khiếu nại về các kết luận của hội đồng về thi đua khen thưởng tại Trường ĐHĐL **[H7.07.05.03], [H7.07.05.04]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHĐL có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc tại Nhà trường chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCL và Phòng TC-HC, đơn vị sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí và điểm là 5/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ của Trường ĐHĐL đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn, đủ về số lượng. Trường ĐHĐL đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng hàng năm trên cơ sở phân tích nhu cầu, khối lượng công việc của từng đơn vị. Nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định và tiêu chí tuyển dụng đã được Trường ĐHĐL công bố công khai trong các kỳ tuyển dụng.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên cũng được Trường ĐHĐL thực hiện bài bản theo đúng quy định, nhờ đó đội ngũ giảng viên đã đáp ứng được đúng, đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHĐL.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 5/5 tiêu chí đạt.

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trường ĐHĐL với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật góp phần phát triển ngành năng lượng và kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.

Khoa ĐTVT được thành lập năm 2006, trải qua quá trình xây dựng và phát triển, CTĐT Thạc sĩ ngành KTĐT được xây dựng với mục tiêu được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHĐL, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong Luật giáo dục đại học.

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học trong quá trình học tập tại KTĐT, Trường Đại học Điện Lực và Khoa Điện tử - Viễn thông đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực như thành lập Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp và Việc làm, thường xuyên tổ chức Giao lưu với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý học tập, hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp… Từ đó, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ người học khởi nghiệp, kết nối với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, tổ chức các hội thảo. Tạo cơ hội nâng cao kiến thức và kỹ năng của người học. Với hệ thống phần mềm giúp cho người học quản lý học vụ hiệu quả, tiện lợi, cung cấp thông tin học tập. Nhờ những hoạt động hỗ trợ thiết thực này, học viên Ngành KTĐT được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để phát huy tại các doanh nghiệp, cơ quan đang công tác.

Ngay từ khi mới nhập học, tất cả học viên đều được Nhà trường phổ biến, hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về chương trình giáo dục, tiến độ đào tạo, quy chế thi, kiểm tra đánh giá học phần, điều kiện để được thi kết thúc học phần, điều kiện để được tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và các quy định khác trong Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT ban hành để học viên hiểu rõ và tự giác phấn đấu học tập, rèn luyện đạt kết quả tốt, cũng như các hoạt động hỗ trợ học viên, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu

khoa học (NCKH), Câu lạc bộ kỹ năng cho học viên và đảm bảo an toàn trong trường học.

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, khẳng định uy tín của Ngành KTĐT, của khoa ĐTVT, của Nhà trường. Các học viên ngành KTĐT cũng đã và đang phát huy truyền thống của ngành, Khoa và Nhà trường, từ đó góp phần đưa Nhà trường trở thành một trường đại học có chất lượng.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Là đơn vị tự chủ, trực thuộc Bộ Công Thương đồng thời chịu sự quản lý của Bộ GD&ĐT về lĩnh vực đào tạo, Trường ĐHĐL luôn luôn thực hiện, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT. Đề án tuyển sinh các năm của Trường ĐHĐL xác định, thể hiện rõ về chính sách minh bạch, công bằng và quy trình tuyển sinh **[H8.08.01.01]**. Thực hiện đổi mới công tác tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ của BGD&ĐT Nhà trường đã sử dụng phương thức tuyển sinh theo hình thức xét tuyển để tạo cơ hội cho nhiều đối tượng thí sinh theo học.

Theo đúng tinh thần của đề án tuyển sinh các thông tin về tuyển sinh trường ĐHĐL được công khai đầy đủ, chi tiết gồm: kế hoạch và phương thức tuyển sinh, hình thức học tập và thời gian đào tạo, đối tượng và điều kiện dự thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có ngành Kỹ thuật Điện tử được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin tuyển sinh. Đề án tuyển sinh các năm của trường được công bố công khai trên cổng thông tin của Trường ĐHĐL (*epu.edu.vn, tuyensinh.epu.edu.vn*), tờ rơi, facebook của trường (*epu235*), của khoa (*fet.epu.edu.vn*) và trên website truyền thông (thongtintuyensinh.vn). Nhà trường và Khoa Điện tử Viễn thông tham gia hoạt động quảng bá tuyển sinh tại ngày hội tuyển sinh của Bộ GD ĐT tổ chức tại các địa điểm trường đại học, trường phổ thông trong cả nước.

Khi xét tuyển thì các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo chế độ chính sách được thụ hưởng , người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên tại Khoản 5.1 trong thông báo tuyển sinh sẽ được cộng 0.25 vào điểm xét duyệt. Tất cả các thông tin đều được công bố công khai trong đề án tuyển sinh (năm 2018 đến 2023) **[H8.08.01.01].**

Các số liệu thống kê về số người trúng tuyển và nhập học, phương thức tuyển sinh của ngành Kĩ thuật Điện tử đều được phòng đào tạo tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường, nhằm đánh giá công tác tuyển sinh thông qua các đề án tuyển sinh các năm được tổng hợp cụ thể trong *Bảng 8.1* và *Bảng 8.2* dưới đây. **[H8.08.02.01].**

Bảng 0.1. Thống kê tuyển sinh cao học trong những năm gần đây

Năm học	Kết quả tuyển sinh cao học ngành Kỹ thuật Điện tử	
	Chỉ tiêu	Trúng tuyển
2018		8
2019		3
2020		11
2021	19	
2022	45	14
2023	40	1

Bảng 0.2. Thống kê phương thức tuyển sinh theo từng năm trong giai đoạn 2018 -2023 (hệ chính quy)

Năm	**Hệ**	**Ngành/Chuyên ngành**	**Khối ngành**	**Phương thức tuyển sinh**
2018	Thạc sĩ	Kĩ thuật Điện tử	Kĩ thuật	- Hình thức tuyển sinh thi tuyển. - ***Đối tượng ưu tiên và mức độ ưu tiên áp dụng theo qui định trong Điều 9, Thông tư*** 15/2014/TT-BGDDT, ***ngày 15 tháng 05 năm 2014***.
2019	Thạc sĩ	Kĩ thuật Điện tử	Kĩ thuật	- Hình thức tuyển sinh thi tuyển. - ***Đối tượng ưu tiên và mức độ ưu tiên áp dụng theo qui định trong Điều 9, Thông tư*** 15/2014/TT-BGDDT, ***ngày 15 tháng 05 năm 2014***.
2020	Thạc sĩ	Kĩ thuật Điện tử	Kĩ thuật	- Hình thức tuyển sinh thi tuyển. - ***Đối tượng ưu tiên và mức độ ưu tiên áp dụng theo qui định trong Điều 9, Thông tư*** 15/2014/TT-BGDDT, ***ngày 15 tháng 05 năm 2014***.
2021	Thạc sĩ	Kĩ thuật Điện tử	Kĩ thuật	- Hình thức tuyển sinh thi tuyển. - ***Đối tượng ưu tiên và mức độ ưu tiên áp dụng theo qui định trong Điều 9, Thông tư*** 15/2014/TT-BGDDT, ***ngày 15 tháng 05 năm 2014***.
2022	Thạc sĩ	Kĩ thuật Điện tử	Kĩ thuật	- Hình thức tuyển sinh xét tuyển. - Quyết định số 666/QĐ-ĐHĐL ngày 31/5/2022 của Trường Đại học Điện Lực về việc ban hành Quy chế tuyển

Năm	Hệ	Ngành/Chuyên ngành	Khối ngành	Phương thức tuyển sinh
				sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ
2023	Thạc sĩ	Kĩ thuật Điện tử	Kĩ thuật	- Hình thức tuyển sinh xét tuyển. - Quyết định số 666/QĐ-ĐHĐL ngày 31/5/2022 của Trường Đại học Điện Lực về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, đánh giá số lượng tuyển sinh các ngành cũng như nhu cầu thị trường lao động. Hàng năm, Khoa Điện tử Viễn thông có thực hiện khảo sát ý kiến của người học về nội dung CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra và chính sách chung của Nhà trường. Kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy: khi thực hiện khảo sát cựu học viên ngành Kĩ thuật Điện tử có trên 89% cựu học viên đồng ý và rất đồng ý với CĐR và chương trình đào tạo của Khoa trong thời gian vừa qua [H8.08.01.02].

Chính sách tuyển sinh được liên tục cập nhật dựa trên phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm và dữ liệu lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.01]. Để đảm bảo số lượng và chất lượng học viên đầu vào, chính sách tuyển sinh của chương trình thạc sĩ KTĐT luôn có khảo sát của các BLQ. Trường ĐHĐL căn cứ vào các quy định hiện hành, có sự góp ý, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực của các BLQ để đề ra chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho ngành. Khoa đã họp và đánh giá số lượng giảng viên và dự báo số lượng nhân sự nghỉ theo chế độ, dự kiến định biên để xây dựng kế hoạch phát triển khoa từ đó xác định số lượng tuyển sinh đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội và phù hợp quy mô nhân sự và cơ sở vật chất của Khoa. Khoa lập kế hoạch phát triển khoa gửi Nhà trường để xây dựng chiến lược tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh chương trình thạc sĩ KTĐT được công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Công tác tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng một cách bài bản, khoa học, dựa trên sự phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội, chỉ tiêu của Nhà trường, xu hướng phát triển của ngành, được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến các bên liên quan chưa đầy đủ và kịp thời. Một số ý kiến còn mang tính cả nể đặc biệt là người học, cựu người học và doanh nghiệp là cựu người học.

4. Kế hoạch hành động

Từng bước hoàn chỉnh quy trình lấy ý kiến các bên liên quan một các kịp thời, đầy

đủ và trung thực hơn.

5. ***Tự đánh giá:*** Tiêu chí đạt mức điểm 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Trường ĐHĐL xác định rõ ràng. Các tiêu chí về văn bằng, ngoại ngữ, kinh nghiệm và công tác chuyên môn, đối tượng và chính sách ưu tiên được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. Hiện nay, hình thức xét tuyển được áp dụng với chương trình thạc sỹ KTĐT. Yêu cầu về văn bằng được quy định cụ thể là người học phải tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Nếu người học tốt nghiệp ngành gần thì phải học bổ sung kiến thức, học phần bổ sung theo quy định. Yêu cầu về ngoại ngữ cũng được quy định cụ thể là người học có lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đối tượng và chính sách ưu tiên cũng được áp dụng cho người học **[H8.08.01.01]**. Quy trình tuyển chọn như trên mang tính khách quan và thực hiện nghiêm túc từ cấp Trường đến cấp đơn vị, tạo cho người học cơ hội được tham gia chương trình một cách công bằng.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho chương trình thạc sĩ KTĐT được Khoa ĐTVT kết hợp với Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho phù hợp với nhu cầu đào tạo của trường và theo đúng quy định của Bộ GD& ĐT. Hàng năm, sau khi hoàn thành tuyển sinh, Trường ĐHĐL và Khoa ĐTVT tổ chức họp phân tích cơ cấu người học, đánh giá số liệu học viên đầu vào, cải thiện tiêu chí tuyển chọn người học bằng việc khảo sát về CTĐT, có báo cáo tổng kết quả khảo sát các bên liên quan **[H8.08.02.01].**

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học chương trình thạc sĩ của Nhà trường rõ ràng, theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành KTĐT.

3. Điểm tồn tại

Kết quả tuyển sinh hàng năm cần được phân tích và đánh giá để cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng ĐT phân tích kết quả tuyển sinh hàng năm để cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

5. Tự đánh giá :*Tiêu chí đạt mức điểm 5/7.*

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện,

kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống giám sát về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện thông qua quy chế đào tạo **[H8.08.03.01].** Để triển khai giám sát về sự tiến bộ của NH, Trường có các bộ phận/NV chuyên trách (GV, CVHT, trợ lý đào tạo, đội ngũ NV các phòng/ban/trung tâm) được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH một cách kịp thời. Ở cấp trường ĐHĐL, Khoa sau đại học có trách nhiệm tổ chức quản lý và tham mưu cho ban giám hiệu về vấn đề học tập của NH. Ở cấp Trường Bách Khoa, Trợ lý sau đại học và Phó hiệu trưởng đóng vai trò liên kết và chỉ đạo trung gian đến đơn vị giám sát và tổ chức học tập cho NH. Ở cấp đơn vị, Khoa KTĐT cũng cử một phó trưởng khoa quản lý sau đại học nhằm hỗ trợ trưởng Khoa thực hiện đào tạo thạc sĩ. Ngoài ra, Khoa cũng phân công cho các giảng viên để hướng dẫn nghiên cứu, thực hiện luận văn và theo dõi tiến bộ học tập của người học ngay từ học kỳ 2 trong chương trình đào tạo. Nhân viên các phòng ban chức năng và nhà trường cũng đã hỗ trợ theo dõi và giám sát NH khi cần.

Trường có quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Các văn bản quy định về CTĐT cũng quy định rõ khối lượng học tập của NH **[H8.08.03.02].** Mỗi năm NH đều được hướng dẫn sinh hoạt đầu khóa, đặc biệt là NH mới vào năm thứ nhất, Trường và Khoa kết hợp tổ chức sinh hoạt đầu khóa để cung cấp, hỗ trợ cho NH có những thông tin cần thiết, giới thiệu cán bộ phụ trách sau đại học để hướng dẫn NH về kế hoạch học tập và các sinh hoạt khác. CTĐT thạc sĩ KTĐT được thiết kế theo định hướng ứng dụng và khung CTĐT theo hình thức tín chỉ của Bộ GDĐT và NH cần tuân thủ theo hệ thống quản [H8.08.03.01]. NH được CVHT hướng dẫn lập KHHT hoàn chỉnh cho toàn bộ khóa học theo KHHT do Khoa ĐTVT đề xuất. Căn cứ vào KHHT, NH sẽ được học các HP trong chương trình chính xác và đầy đủ, đồng thời các HP sẽ được phân bổ một cách hợp lý cho mỗi HK.

Dữ liệu về kết quả học tập của NH hằng năm được cán bộ phụ trách sau đại học và cán bộ hướng dẫn luận văn báo cáo cho lãnh đạo đơn vị. Cán bộ hướng dẫn luận văn được phân công nên có thể nắm bắt tình hình học tập của NH thuận lợi và dễ dàng. Các trường hợp chậm tiến độ sẽ có biện pháp hỗ trợ để người học theo kịp tiến độ học tập. Các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập cũng được theo dõi, đặc biệt là NH thôi học, chậm tiến độ.

2. Điểm mạnh

Sự tiến bộ của NH được giám sát đồng bộ bởi cán bộ quản lý sau đại học của đơn vị, GV, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của NH**.**

3. Điểm tồn tại

Hệ thống quản lý của trường chưa có đầy đủ chức năng theo dõi kết quả học tập cũng như tiến độ học tập của NH sau đại học (Với NH đại học, hệ thống quản lý của Trường có đầy đủ chức năng để theo dõi kết quả học tập, tiến độ học tập của SV hơn)

4. Kế hoạch hoạt hành động

Từ năm 2025, Phòng QLĐT và Khoa ĐTVT sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng học tập của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn có những bộ phận chịu trách nhiệm, cũng như có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Hệ thống đội ngũ NV của tất cả các đơn vị, bộ phận chức năng trong Trường ĐHĐL đều có vai trò hỗ trợ NH **[H8.08.04.01].**

Trường ĐHĐL có Trung tâm Hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp (HTVL&KN) chịu trách nhiệm hỗ trợ việc làm cho người học. Các công tác hỗ trợ việc làm luôn được đẩy mạnh thông qua việc phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tuyển dụng để giới thiệu việc làm cho NH. Đồng thời cung cấp các thông tin thường xuyên cho NH về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp giúp NH có những bước chuẩn bị cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động khi ra trường. Qua đó, Trung tâm HTVL&KN phối hợp với Khoa tổ chức cho NH tiếp cận với các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tăng cường kiến thức thực tiễn cho NH và tối ưu hóa việc vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế **[H8.08.04.05]** .

Hỗ trợ về NCKH và hợp tác quốc tế: Trường ĐHĐL khuyến khích phong trào NCKH trong NH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và khả năng nghề nghiệp của NH. Ngoài ra, từ khi nào trường NH có thể tìm hiểu và chọn giáo viên hướng dẫn theo sở thích. Vì vậy, NH có thể tiếp cận các kiến thức mới cũng như những cơ hội học tập tiến sĩ ở các trường nước ngoài **[H8.08.04.07]** .

2. Điểm mạnh

Trường có một hệ thống đồng bộ hỗ trợ cho NH về tất cả các mặt hoạt động (học tập, NCKH, và các hoạt động ngoại khóa) giúp NH phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Liên kết doanh nghiệp có thực hiện nhưng chưa thật sự mạnh. Doanh nghiệp đến báo cáo chuyên đề cho NH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường liên kết doanh nghiệp và mời doanh nghiệp đến báo cáo các chuyên đề có liên quan.

5. ***Tự đánh giá:*** Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Mặc dù khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường còn hạn chế, cụ thể trường có diện tích 1,98 ha ở cơ sở 1 tại Hoàng Quốc Việt- Từ Liêm Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 26.375m^2, và 7.9302 ha ở cơ sở 2 tại Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội với tổng diện tích xây dựng 37.736m^2, nhưng Nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với GV, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay khuôn viên của trường được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, NCKH, các khối hành chính, văn phòng với các phòng học được trang bị điều hòa, máy chiếu, camera. Một khu vực dành cho thực hành, thí nghiệm, giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng được đầu tư, bài bản, hiện đại, tầm cỡ của quốc gia với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, hội trường. Tại các khu vực này đều có những bảng, biểu hướng dẫn sử dụng cũng như quy tắc ứng xử của CBGV, SV trong Nhà trường **[H8.08.05.01], [H8.08.05.03]**.

Nhà trường có đội ngũ giữ gìn an ninh trật tự, hệ thống camera theo dõi thường xuyên, Nhà trường đã phối hợp Công an các phường, xã trên địa bàn để kiểm tra, nắm rõ tình hình NH. Do đó NH luôn được đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe cũng như tài sản cá nhân.

Trường duy trì tổ chức bếp ăn tập thể, căng tin để phục vụ ăn uống và các nhu cầu thiết yếu hàng ngày của NH; định kỳ đã được cơ quan Y tế Hà Nội kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm **[H8.08.05.04].**

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV **[H8.08.05.05].**

Môi trường giáo dục lành mạnh là điều kiện tiên quyết để đào tạo thế hệ trẻ trở thành những công dân tốt, có tài đức vẹn toàn. Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường Đại học là một hoạt động giáo dục hệ giá trị, các chuẩn mực văn hóa giúp cho các thành viên trong Nhà trường có nhận thức đúng, suy nghĩ, tình cảm, hành vi tốt đẹp, thực hiện văn hóa ứng xử lành mạnh, xây dựng cơ sở để đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường. Quy tắc ứng xử, nhiệm vụ và quyền sinh viên được quy định rõ trong Quy chế

công tác NH Trường đại học Điện Lực số 1019/QĐ-ĐHDL ngày 24/7/2018 trong đó quy định rõ NH được tôn trọng và đối xử bình đẳng, cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện theo quy định của Nhà trường, được phổ biến đầy đủ nội quy, quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo của khóa học, rèn luyện và các chế độ học bổng, tham gia nghiên cứu khoa học…Môi trường và cảnh quan của Nhà trường được người học đánh giá tốt bởi đã tạo được hứng thú cho họ để phát huy khả năng học tập. Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ NH đã có tác dụng tích cực, giúp NH đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện, số lượng sinh viên được khen thưởng ngày càng tăng**.** NH được khảo sát đánh giá hài lòng về môi trường, cảnh quan phục vụ học tập.

Để tạo dựng không khí học tập, sinh hoạt phong trào chung, Nhà trường và Khoa đã tổ chức nhiều chương trình hay, bổ ích. Để sinh viên tiếp cận gần hơn với doanh nghiệp thông qua các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho NH, đổi mới sáng tạo đề xuất các dự án trong sân chơi khởi nghiệp, đẩy mạnh, mở rộng các diễn đàn trao đổi thông tin, kinh nghiệm khởi nghiệp. Đồng thời tăng cường liên kết các hoạt động tổ chức Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Thành đoàn Hà Nội, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hiệp hội doanh nhân trẻ, cựu sinh viên để thúc đẩy và lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên. Người học thường xuyên được tham gia các cuộc thi sáng tạo, được kết nối với doanh nghiệp chủ động qua các hội thảo, vòng phỏng vấn trực tiếp và trực tuyến, tham gia ngày hội khởi nghiệp trên phạm vi rộng, nhiều doanh nghiệp, nhiều lĩnh vực tham gia **[H8.08.05.09]**.

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên tổ chức hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào tình nguyện… qua đó giúp rèn luyện NH về thể chất, tinh thần, có tác dụng giáo dục tốt, góp phần nâng cao chất lượng học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Tiến độ xây dựng còn chưa đáp ứng nhu cầu (mặc dù đã có quy hoạch, KH).

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng HCQT cùng các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của HV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và mức điểm là 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trường ĐHĐL luôn tạo môi trường học tập và rèn luyện tốt cho NH. Chính sách tuyển sinh và quy trình thu nhận NH rõ ràng giúp Trường tuyển sinh được NH có chất lượng. Công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập của NH được thực hiện một cách đồng

bộ, kịp thời và minh bạch. Quá trình học tập, rèn luyện của NH còn được theo dõi chặt chẽ nhờ các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH của cán bộ phụ trách sau đại học, GV, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Trường. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, tiện ích tốt của Trường cũng đã góp phần nâng cao CLĐT.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa ĐTVT đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đều đạt. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện:

- Phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo cụ thể về nhu cầu nhân lực theo từng năm, gây ảnh hưởng đến việc hoạch định chiến lược tuyển sinh.

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Mở đầu

Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện và cơ sở vật chất (CSVC) của Trường Đại học Điện lực luôn được ưu tiên đầu tư, cải tạo và nâng cấp. Những nỗ lực này không chỉ góp phần làm phong phú thêm cơ sở vật chất mà còn hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà trường. Đồng thời, việc tăng cường quản lý và khai thác tối đa CSVC hiện có luôn được chú trọng nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất.

Ngoài ra, Nhà trường đặc biệt quan tâm xây dựng một môi trường học tập với cảnh quan xanh, sạch, đẹp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sinh viên học tập và nghiên cứu. Từ thư viện, phòng học lý thuyết, đến xưởng thực hành và phòng thí nghiệm, tất cả đều được quản lý nghiêm ngặt, hoạt động đồng bộ để đáp ứng tối đa nhu cầu của người học. Nhà trường sẽ tiếp tục dành nguồn lực để đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. *Mô tả hiện trạng*

Để tạo điều kiện làm việc, Nhà trường bố trí nơi làm việc riêng cho nhóm giảng viên chất lượng cao như: 01 phòng cho phó giáo sư, 01 phòng sinh hoạt chuyên môn cho NCS, học viên cao học. Tuy nhiên, khi bố trí phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu Nhà trường mới chỉ dựa vào số biên chế, tính chất công việc và cách tổ chức sắp xếp nhân sự của từng đơn vị để quyết định số lượng phòng và diện tích phòng làm việc mà chưa có quy định hay thống nhất chung về vấn đề này. Tuy nhiên theo thông tư 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GD&ĐT thì cơ sở vật chất của trường tối thiểu đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Bảng 9.1 thống kê danh

mục cơ sở vật chất của Nhà trường:

Bảng 9. 1 Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Nhà trường

Danh mục	Số lượng/đơn vị	Minh chứng
Số phòng học	129 phòng (đầy đủ thiết bị giảng dạy bao gồm máy chiếu/ màn hình ti vi; loa, mic, bảng)	[**H9.09.01.01**]
Diện tích sử dụng giảng dạy	3.782 m^2	[**H9.09.01.01**]
Trang thiết bị	6 máy chủ, 29 laptop cho các vị trí quản lý	[**H9.09.01.01**]
	74 bộ camera giám sát	[**H9.09.01.01**]
	98 máy chiếu đa năng	[**H9.09.01.01**]
	31 bộ âm thanh lớp học	[**H9.09.01.01**]
	59 máy trợ giảng	**[H9.09.01.01]**

Trang thiết bị vật chất trong phòng làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu như: bàn, ghế ngồi làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy phô tô đèn, quạt, điều hòa nhiệt độ, bộ phát wifi, máy tính được nối mạng đảm bảo đủ tốc độ làm việc.... Đồng thời, Nhà trường áp dụng triển khai ứng dụng CNTT mạnh mẽ trong hầu hết các nội dung quản lý với nhiều phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm tổ chức thi kết thúc học phần, phần mềm thi trắc nghiệm, phần mềm thống kê lấy ý kiến người học, phần mềm chấm thi trắc nghiệm tuyển sinh, phần mềm quản lý đề thi tự luận, phần mềm thư viện điện tử, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực (http://epu.edu.vn), phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Hệ thống phòng học, giảng đường được trang bị với nhiều trang thiết bị hiện đại nhìn chung đã đáp ứng đủ phòng học phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Các phòng học của Nhà trường đã được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện dạy và học gồm: bàn, ghế, bảng, bục, đèn chiếu sáng, quạt, điều hòa nhiệt độ, và phần lớn đã được phủ sóng wifi... [H9.09.01.01]

Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả các phòng học năm 2017 Nhà trường đã quyết định thành lập tổ trực giảng và quản lý cơ sở vật chất với nhiệm vụ trực giảng, quản lý và tổ chức sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi bị hỏng hóc. Các trang thiết bị, phương tiện dạy và học đã được tổ trực giảng định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời. Mặt khác ngay sau khi được đầu tư Nhà trường đã bàn giao cho các đơn

vị quản lý đưa vào sử dụng theo lịch học của Trường nên đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu về phòng học, đã hỗ trợ kịp thời và hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường [H9.09.01.01]

Qua kết quả lấy ý kiến của người học về tình trạng của phòng học, cơ sở vật chất với hơn 86,11% người được khảo sát không có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng học, giảng đường, và các trang thiết bị phục vụ học tập cho thấy rằng hiện tại Nhà trường đã đảm bảo tương đối số phòng học, giảng đường lớn phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo [H9.09.01.02]

Hàng năm Nhà trường vẫn tiếp tục cải tạo, sửa chữa và đầu tư thêm một số phòng làm việc, phòng học. Trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục triển khai lên kế hoạch đầu tư tiếp theo nhằm phục vụ tốt hơn nữa khả năng đáp ứng yêu cầu của người học [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Khoa ĐTVT đã được Nhà trường bố trí đầy đủ, kịp thời phòng làm việc và trang thiết bị cần thiết cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường cũng đã bố trí vị trí làm việc riêng cho lãnh đạo từng khoa. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Khoa ĐTVT được thống kê ở Bảng 9.2:

Bảng 9. 2 Bảng thống kê danh mục cơ sở vật chất của Khoa ĐTVT

Danh mục CSVC	**Khả năng/số lượng**
1 bàn họp lớn	15-20 người họp
Máy in/máy foto	2
Máy tính để bàn	3
Máy chiếu	1 máy treo cố định
Giá sách	1
Bảng viết	1
Quạt trần	4
Điều hòa	2
Thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, khu vực tiếp khách	với đầy đủ bàn ghế, tủ lạnh phục vụ đối tác, phụ huynh và người học

Văn phòng Khoa ĐTVT đặt tại M305 được bố trí và sắp xếp theo các khu vực làm việc: Khu vực 1 là khu vực làm việc riêng của Trưởng Khoa, khu vực 2 phục vụ cho họp và seminar sinh hoạt chuyên môn, khoa học, khu vực 3 khu vực làm việc của giảng viên, khu vực 4 tiếp khách và giáo vụ. Khu vực làm việc của Trưởng đơn vị được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy in, tủ đựng tài liệu phục vụ nhu cầu quản lý. Khu vực 2 với bàn họp lớn có khả năng phục vụ 20 người họp [H9.09.01.05]. Mặc dù tại văn phòng khoa

các khu vực làm việc bố trí cạnh nhau nhưng mọi hoạt động sinh hoạt chuyên môn của chuyên ngành đào tạo vẫn được đảm bảo và phục vụ tốt các hoạt động đào tạo, nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành [H9.09.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Các phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng QTDV và các đơn vị liên quan bố trí phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và điểm là 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện Trường ĐHĐL tại Cơ sở 1 do Trung tâm Học liệu quản lý và vận hành, hỗ trợ trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV và NH của Nhà trường.

Thư viện Trường ĐHĐL là thành viên của Liên Chi hội Thư viện Đại học khu vực phía Bắc. Trong thời gian qua, Thư viện đã từng bước được Nhà trường đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện về CSVC và các nguồn học liệu đã đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và học tập của bạn đọc trong trường.

Bảng 9.2. Thống kê tại Thư viện, Trường ĐHĐL

Danh mục	**Khả năng phục vụ**	**Minh chứng**
Thư viện Cơ sở 1 (Nhà D)		
Diện tích sàn	1.176m2	
Số phòng đọc	3 phòng	
Số chỗ ngồi	200 chỗ	
Hệ thống máy tính	3 máy tính	

Số lượng sách, giáo trình điện tử	5.625 đầu sách	
Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	84 TVĐT	[**H9.09.02.02**]

Các trang thiết bị chuyên dụng, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điều hòa, bàn ghế, giá, tủ, hệ thống wifi với đường truyền Internet tốc độ cao đã phù hợp và đảm bảo phục vụ ổn định các hoạt động thông tin - thư viện hàng ngày của bạn đọc. Các phòng đọc được quy hoạch phù hợp với từng đối tượng độc giả: phòng đọc tài liệu chuyên ngành, phòng đọc tại chỗ, tự học, mượn trả, với trên 200 chỗ ngồi đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của bạn đọc [**H9.09.02.01**] [**H9.09.02.02**].

Thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 8.0. Phần mềm này bao gồm các phân hệ, mỗi phân hệ có các chức năng phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ: tra cứu, biên mục, bổ sung, lưu thông, báo cáo thống kê, v.v.. Toàn bộ hoạt động của thư viện được quản lý và được truy cập thông qua mạng máy tính. Thư viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu cho các loại hình tài liệu hiện có, thông tin được mã hóa sử dụng hệ thống chip từ, mã vạch. Tại cổng thông tin điện tử của Trung tâm Học liệu (đường dẫn: https://arc.epu.edu.vn/) cũng sẵn có các nội dung hướng dẫn sử dụng hệ thống tìm kiếm, tra cứu thông tin trong thư viện. Đồng thời, khi có yêu cầu, cán bộ thư viện sẽ trực tiếp hướng dẫn bạn đọc tại các quầy thủ thư [**H9.09.02.04**] [**H9.09.02.05**].

Vốn tài liệu của thư viện rất phong phú và đa dạng bao gồm sách, giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường [**H9.09.02.06**]. Học liệu liên quan đến CTĐT của ngành KTĐT cung cấp rất đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu, bao gồm các giáo trình chính và tài liệu tham khảo của các môn học với khoảng 309 đầu sách tương đương 1.434 cuốn sách. Nhiều môn học được trang bị tài liệu tham khảo bao gồm cả đầu sách tiếng Việt và tiếng nước ngoài (tiếng Anh) [**H9.09.02.14**] [**H1.01.02.03**]. NH ngành KTĐTcó thể sử dụng các nguồn tài nguyên số phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học như các tài liệu, tiêu chuẩn, bài báo của IEC và IEEE về ngành điện, điện tử. Ngoài ra, NH cũng có thể tiếp cận với các nguồn học liệu số phong phú trên trang web liên kết thư viện số các trường đại học, cao đẳng [**H9.09.02.07**] [**H9.09.02.08**].

Nguồn sách và tài liệu được bổ sung theo kế hoạch để đáp ứng yêu cầu cập nhật, phát triển nội dung các CTĐT của Nhà trường. Ngoài công tác đầu tư, mua sắm bổ sung sách và tài liệu, Trung tâm Học liệu cũng cập nhật thêm các nguồn học liệu khác thông qua nguồn sách tặng từ các dự án, tổ chức, cá nhân [**H9.09.02.09**] [**H9.09.02.10**] [**H9.09.01.12**].

Hằng năm, Trung tâm Học liệu đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc đến thư

viện học tập và nghiên cứu cũng như truy cập các nguồn tài liệu của thư viện. Năm 2019, theo kết quả khảo sát bạn đọc của Trung tâm Học liệu, 86,4% NH hài lòng về CSVC, 86,8% NH hài lòng về tài liệu trong thư viện và 93,3% NH hài lòng về hoạt động quản lý và phục vụ tại thư viện. Năm 2020, các kết quả tương ứng là 93,8% NH hài lòng về CSVC, 90,1% NH hài lòng về tài liệu trong thư viện và 98,7% NH hài lòng về hoạt động quản lý, phục vụ tại thư viện [**H9.09.02.12**] [**H9.09.02.13**].

2. Điểm mạnh

Thư viện Nhà trường do Trung tâm Học liệu chuyên trách quản lý, có chức và năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, CSVC khang trang giúp cho việc học tập và nghiên cứu đạt hiệu quả tốt.

Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, báo cáo khoa học, các tạp chí, tài liệu chuyên ngành, v.v... Hệ thống máy tính, phần mềm, mạng Internet tốc độ cao, giúp bạn đọc dễ dàng truy cập và khai thác các nguồn học liệu, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Tỷ lệ tài liệu số chưa cao. Nguồn tài liệu nội sinh, ngoại sinh còn chưa phong phú, cần được bổ sung để phát triển số lượng và đa dạng hóa hơn các tài liệu, học liệu chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, THƯ VIỆN tăng tỷ lệ số hoá các tài liệu học tập.

5. Đánh giá mức đạt của Tiêu chí: Đạt 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành KTĐT của Khoa ĐTVT đang khai thác, sử dụng 07 phòng thí nghiệm, thực hành. Các phòng gồm: 01 phòng thí nghiệm điện tử, 02 phòng thực hành điện tử, 02 phòng thực hành viễn thông, 01 phòng thực hành điện tử y sinh, 01 phòng thực hành vi xử lý **[H9.09.03.09]**. Các học phần thí nghiệm, thực hành trong CTĐT ngành KTĐT do Khoa ĐTVT phối hợp với Trung tâm thí nghiệm thực hành thực hiện. Khoa ĐTVT chịu trách nhiệm về nội dung và GV giảng dạy. Trung tâm Thí nghiệm, thực hành phụ trách về CSVC, chuẩn bị trang thiết bị thí nghiệm thực hành theo yêu cầu của từng môn học **[H9.09.03.04] [H9.09.03.05]**. Nhà trường đã ban hành nội quy, quy định, lập sổ nhật ký sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành. Dựa trên nhật ký phòng học (đánh giá tần suất sử dụng, số lượng thiết trang thiết bị học, số lượng vật tư tiêu hao) và tiến độ đào tạo của năm học tiếp theo, Khoa ĐTVT và Trung tâm thực hành thí nghiệm

tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và lập kế hoạch bổ sung trang thiết bị hàng năm theo yêu cầu sử dụng **[H9.09.03.06] [H9.09.03.07] [H9.09.03.08]**. Hệ thống phòng máy phục vụ cho thực hành trên máy và hình thức thi trắc nghiệm được Trung Tâm Thí nghiệm thực hành quản lý từ năm 2021 và thực hiện thống kê về số lượng phòng máy, số máy phục vụ trong phòng như trong Bảng 9.4.

Bảng 9. 3 Thống kê về trang thiết bị sử dụng phòng máy của Trường ĐHĐL

Phòng	**AB101**	**A102**	**A104**	**A105**	**A107**	**A108**
Máy tính	30	41	31	50	30	40
Máy chủ	-	-	-	-	2	-
Tủ tài liệu	-	-	-	1	-	1
Máy chiếu	1	1	1	1	1	1
Bàn máy tính	22	12	7	9	12	10
Ghế gấp	49	45	45	56	48	51
Giá sắt	1	1	1	1	1	1
Quạt	4	6	6	6	6	6
Điều hòa	2	2	2	2	2	2

Để nâng cao chất lượng, hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu ngày một tốt hơn Khoa ĐTVT đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến đối với NH đã tốt nghiệp về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị, kết quả khảo sát cho thấy có 92,78% người học hài lòng về số lượng và chất lượng trang thiết bị giảng dạy **[H9.09.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ CTĐT do Trung tâm thí nghiệm, thực hành phụ trách quản lý đã tạo sự liên thông trong việc sử dụng, khai thác tối đa trang thiết bị cho nhiều ngành đào tạo.

Nhà trường và Khoa đã ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn quy trình khai thác, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số thiết bị thí nghiệm, thực hành cũ, chưa được thay thế kịp thời. Cần đầu tư thêm hệ thống máy tính và phần mềm mô phỏng chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Khoa sẽ phối hợp với Trung tâm thí nghiệm-thực hành rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thí nghiệm, thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà

trường thay thế các thiết bị đã cũ.

5. Đánh giá mức đạt của tiêu chí: Đạt 5/7.

Tiêu Chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Về trang thiết bị và cơ sở vật chất: Hệ thống CNTT được Nhà trường đầu tư đầy đủ, phù hợp và định kỳ được cập nhật đã hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý của Nhà trường. Thiết bị tin học để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học cho từng chuyên ngành gồm: 293 máy tính để bàn, 16 máy tính xách tay, 4 máy chủ và 43 phần mềm phục vụ cho giảng viên và học viên giảng dạy, học tập như Edusoft, QMCE.Test, phần mềm đào tạo Elearning, phần mềm Eview giải bài toán Dự báo; Vận hành tối ưu hệ thống điện ... **[H9.09.04.01]**.

Thiết bị tin học để hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành gồm: 6 máy chủ, 179 máy tính để bàn, 29 máy tính xách tay cho các bộ phận: Ban Giám hiệu, cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm và chuyên viên đảm bảo 1 máy tính/người. Mỗi văn phòng khoa được trang bị ít nhất 01 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay **[H9.09.04.02].**

Học viên, CBCNV được sử dụng máy tính, cơ cở hạ tầng thông tin của Trường cho các hoạt động tìm kiếm, trao đổi tài liệu phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường đã xây dựng website, đầu tư hệ thống wifi cho phần lớn các khu vực trong trường như KTX, Thư viện, lớp học và kết nối mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet cho tất cả các máy tính trong toàn trường. Nhà trường đang sử dụng 7 đường truyền FTTH của các nhà cung cấp: Viettel, FPT, VNPT. Với tổng số băng thông là 335MB đảm bảo cho 670 kết nối đồng thời với tốc độ 512 kbps [**H9.09.04.03**], [**H9.09.04.04**], [**H9.09.04.05**].

Về phần mềm hỗ trợ quản lý thông tin: Nhà trường sử dụng 14 phần mềm quản lý chuyên dụng như: phần mềm quản lý đào tạo Edusoft, Cổng thông tin tuyển sinh, phần mềm quản lý tiền đặt cọc, cổng thông tin Trường Đại học Điện lực *(http://epu.edu.vn),* phần mềm quản lý công văn, phần mềm quản lý nhân sự. Mỗi cán bộ quản lý, GV, nhân viên đều có email công vụ và tài khoản truy cập internet miễn phí. Mỗi CB làm việc tại văn phòng được trang bị một máy tính để bàn [**H9.09.04.02**].

Về quản lý hệ thống công nghệ thông tin: Để tăng cường công tác quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin của Trường, Nhà trường đã quyết định thành lập Trung tâm CNTT gồm các thành viên có trình độ chuyên môn cao và giao nhiệm vụ quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ công tác quản

lý, giảng dạy của Nhà trường [**H9.09.04.08**]. Các công việc duy trì hệ thống do Trung tâm CNTT thực hiện. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tại trung tâm đạt tiêu chuẩn, trong đó có một cán bộ trình độ tiến sĩ, 2 cán bộ đang thực hiện đề tài tiến sĩ, còn lại là các cán bộ đạt trình độ thạc sĩ

Hiện nay, Nhà trường chưa bố trí hệ thống công nghệ thông tin phục vụ riêng cho học tập, nghiên cứu CTĐT Điện tử Viễn thông. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho CTĐT này thuộc hệ thống thông tin phòng máy chung của Trường do Trung tâm CNTT phụ trách. Nhà trường cũng trang bị các thiết bị tối ưu trong Hội trường M, B1 bao gồm màn hình LED, tivi các dãy ngồi, hệ thống loa âm thanh, wifi phục vụ hội thảo, nghiên cứu, hoạt động ngoại khóa của GV, học viên Nhà trường.

Định kỳ, Nhà trường kiểm tra thực trạng của cổng thông tin, hệ thống Email, các phần mềm và khảo sát đối với cán bộ, giảng viên và người học về các thiết bị tin học, kết quả khảo sát cho thấy có 86% cán bộ giảng viên và người học hài lòng về các thiết bị tin học phục vụ giảng dạy phục vụ hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý [**H9.09.04.12**].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định và chưa khai thác hết chức năng sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng QTDV và TT CNTT hoàn thiện hệ thống CNTT trong Nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt và điểm là 5/*7.*

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Điện lực có 02 cơ sở cách xa nhau; khuôn viên khá rộng; cơ sở 2 có 3 mặt tiếp giáp với khu dân cư, cơ sở 1 có 2 mặt tiếp giáp với đường giao thông, bên ngoài khuôn viên có nhiều hộ kinh doanh tự phát nên rất khó khăn cho công tác bảo vệ. Trường có những quy định về môi trường học tập, sức khoẻ và an toàn trong học tập lý

thuyết, thực hành, ..**[H9.09.05.01]**.

Nhằm tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, thiết bị cơ sở vật chất trong Trường, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất và và có các biện pháp cụ thể như sau:

Đầu tư xây tường rào bao quanh trường và bổ sung thêm dây thép gai phía trên tường, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại một số khu vực và cổng ra vào. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có phương án, tiêu lệnh, hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy ở tất cả các khu vực giảng đường, các phòng học thực hành thí nghiệm, ký túc xá .....

Nhà trường đã trang bị bảo hộ lao động cho CBGV và NH khi tham gia thí nghiệm, thực hành và ban hành hệ thống các nội quy, quy định như: nội quy phòng làm việc, nội quy phòng học, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành, nội quy KTX, nội qui ra vào cơ quan... và được treo, dán tại các khu vực phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng ở và được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trong Nhà trường để thực hiện **[H9.09.05.01].**

Nhà trường đã thành lập ban chỉ huy, đội phòng cháy chữa cháy, ban chỉ huy phòng chống lụt bão. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy có trách nhiệm lập kế hoạch, lập phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi có sự cố xảy ra. Hàng năm Nhà trường tổ chức tập huấn về công tác PCCC **[H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].**

Ngoài ra, để tăng cường công tác an ninh trật tự, Nhà trường thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị công an tại khu vực Sóc Sơn và Bắc Từ Liêm để tăng cường tuyên truyền giáo dục về pháp luật, về phòng chống các tệ nạn xã hội, ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương; nắm bắt tình hình và bàn biện pháp quản lý số sinh viên nội, ngoại trú và để giải quyết kịp thời khi có sự việc bất thường xảy ra. Phối hợp với Huyện đội Bắc Từ Liêm và Sóc Sơn để thành lập đội dân quân tự vệ, định kỳ lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện và được phân công trực tăng cường trong các ngày lễ, tết và các sự kiện quan trọng khác. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Công an Thành phố Hà Nội về tình hình bảo vệ chính trị nội bộ của Trường Đại học Điện lực **[H9.09.05.05].**

Nhà trường đã thành lập tổ y tế trực thuộc phòng HCQT để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, khám sức khỏe, sơ cứu, cấp cứu, điều trị, cấp phát thuốc các bệnh thông thường tại chỗ cho CB CNV và sinh viên. Sinh viên sau khi nhập trường đều được khám sức khỏe đầu vào và mua bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước, mua bảo hiểm thân thể tự nguyện cho sinh viên **[H9.09.05.06]**.

Nhà trường đã đầu tư đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao và sân bãi, tại

2 cơ sở của trường với số lượng sân bãi gồm: 01 sân thể thao đa năng, 01 sân bóng đá, 01 sân tennis, 03 sân bóng chuyền, 03 sân cầu lông và 01 sân tập xà đơn, xà kép, nhảy cao, nhảy xa. Tổng diện tích sân bãi cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của Nhà trường là 113.765m^2, trong đó diện tích sân bãi tại hai cơ sở của Trường là 11.985m^2, diện tích sân bãi liên kết sử dụng với các đơn vị là 101.780m^2 với lưu lượng sinh viên như hiện tại khoảng hơn 9000 sinh viên thì đã đáp ứng đủ diện tích sân bãi theo quy định **[H9.09.05.07].**

Ký túc xá cho người học được bố trí ở cả 2 cơ sở đào tạo của trường với 253 phòng, sức chứa 2.104 chỗ ở và tổng diện tích các phòng ở là 6.789 m^2. Các tòa nhà KTX được trang bị cầu thang máy, bình đun nước uống miễn phí cho NH, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các tiện nghi tối thiểu khác cho người ở. Trong mỗi phòng ở được trang bị đủ giường 02 tầng, tủ đựng quần áo, đèn chiếu sáng, quạt trần, giá phơi quần áo và hàng tháng mỗi NH được Nhà trường bao cấp 8kwh điện và 4m^3 nước. Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định, nội quy ký túc xá và được công bố công khai [**H9.09.05.07**].

Trong khu vực KTX đều có nhà ăn phục vụ sinh viên được thiết kế đúng tiêu chuẩn và trang bị đầy đủ trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Sử dụng nguồn nước sạch và thực phẩm an toàn trong quá trình chế biến. Thức ăn hàng ngày được lưu mẫu theo quy định. Nhân viên phục vụ tại nhà ăn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thực phẩm. Định kỳ các cơ quan chức năng của quận, thành phố Hà Nội đến trường kiểm tra vệ sinh học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả sau khi kiểm tra đều được đánh giá tốt và đã được Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm **[H9.09.05.08].**

2. Điểm mạnh

Môi trường, an toàn, sức khỏe luôn triển khai đáp ứng được yêu cầu và tạo ra môi trường học tập, an toàn cho NH.

Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên.

Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng HCQT khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá

Tiêu chí đạt và điểm là 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trong suốt thời gian hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Điện lực luôn chú trọng đến công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; đặc biệt trong 02 năm qua Nhà trường đã đầu tư thêm kinh phí và đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đầy đủ các điều kiện phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho CB, GV, nhân viên cơ hữu và NH trong toàn trường. Mức đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH của năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

Vì vậy, trong tổng số 5 tiêu chí của Tiêu chuẩn 9 thì có 5 tiêu chí đạt yêu cầu. Tuy nhiên ở mỗi tiêu chí còn một số tồn tại cần phải khắc phục.

Để khắc phục những tồn tại, trong thời gian tới Nhà trường sẽ tăng cường và đổi mới công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất đồng thời Nhà trường có kế hoạch đầu tư để bổ sung và nâng cấp cả hai cơ sở để đáp ứng nhu cầu của một trường đại học hiện đại.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa ĐTVT đánh giá tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đều đạt yêu cầu. Tuy nhiên ở mỗi tiêu chí còn một số tồn tài cần phải khắc phục.

TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là nhân tố cốt lõi quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở đào tạo. Trường ĐHĐL nói chung, Khoa ĐTVT nói riêng rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2011, Khoa ĐTVT, trường ĐHĐL có 2 khóa học viên chuyên ngành KTĐT tốt nghiệp **[H10.10.01.01]**. Nhận thấy nhu cầu đó, Khoa đã xây dựng Đề án xin mở ngành KTĐT trình độ thạc sĩ và được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo theo quyết định số

547/QĐ -BGDĐT ngày 13/02/2012 **[H10.10.01.02]**.

Để phát triển CTDH, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, học viên, nhà sử dụng lao động là hết sức cần thiết. Điều này đã được chính thức hoá trong quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT năm 2019 của Trường ĐHĐL **[H10.10.01.03].** Trong đợt rà soát, cập nhật CTĐT năm 2019-2020, khoa ĐTVT tiến hành khảo sát các bên liên quan bao gồm 17 giảng viên và chuyên gia lĩnh vực điện tử viễn thông, 39 nhà tuyển dụng lao động, 23 cựu học viên để tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan và sử dụng để cập nhật trong CTĐT **[H10.10.01.04].** Qua đó thu thập được thông tin từ các bên liên quan về nhu cầu lao động trong lĩnh vực điện tử viễn thông và các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng mà người học cần đạt được khi tốt nghiệp nhằm đáp ứng công việc tại các đơn vị. Các giảng viên của Khoa cũng tiến hành hội thảo đưa ra các góp ý phát triển CTĐT thạc sĩ ngành KTĐT **[H10.10.01.05]**. Việc này đã giúp nâng cao chất lượng đào tạo, phương pháp đào tạo góp phần đảm bảo học viên của ngành KTĐT sau tốt nghiệp có cơ hội việc làm cao và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Với CTĐT hiệu chỉnh năm 2023-2024, Khoa ĐTVT muốn hướng tới cung cấp cho người học ngành KTĐT những chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng phù hợp với xu hướng hội nhập thế giới và công nghệ 4.0**.** Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Trường ĐHĐL và Bộ GD&ĐT. Khoa ĐTVT cùng Phòng ĐTSĐH đều thực hiện quy trình điều chỉnh đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHĐL và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan để sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo nhu cầu xã hội. Trong đợt này, Khoa nhận được ý kiến phản hồi của 32 chuyên gia và giảng viên. Tiêu biểu có một số ý kiến như bổ sung một số nội dung liên quan đến lĩnh vực chế tạo linh kiện bán dẫn, thiết kế hệ thống nhúng, công nghệ trí tuệ nhân tạo, tăng cường kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ công việc như các phần mềm chuyên dụng, sử dụng Big Data phục vụ công việc; Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, xử lý công việc theo tình huống **[H10.10.01.06].** Với các nhà tuyển dụng, Khoa nhận được đánh giá rất tốt về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT **[H10.10.01.07].** Với phản hồi của 43 cựu học viên, khoa thu nhận được rất nhiều thông tin thiết thực như về kiến thức: phân loại ra thành từng mảng kiến thức giúp học viên thuận tiện hơn. Về kỹ năng chuyên môn: Cần trang bị cho học viên kiến thức để hiểu rõ, phân tích rõ vấn đề trước khi ra quyết định, đưa ra thêm những chuyên môn cần thiết trong quá trình làm việc, thêm thời lượng để nâng cao kỹ năng thực hành tính toán, phân tích, phản biện; Về phương pháp dạy học: Cần có mô hình thực tiễn để hiểu sâu hơn, Tăng cường tương tác giữa người dạy và người học, tăng thêm giờ cho thảo luận, Đổi mới phương pháp dạy và học giúp học viên chủ động hơn trong

việc tìm hiểu kiến thức liên quan đến môn học từ chính thực tế công việc hiện tại hơn là chủ yếu về các kiến thức từ sách mà chưa áp dụng được vào thực tế để xử lý tình huống**.** Với 14 phản hồi từ các học viên đang theo học thạc sĩ KTĐT có ý kiến về kiến thức: Cần bổ sung kiến thức chuyên sâu hơn trong lĩnh vực chế tạo linh kiện điện tử, hệ thống nhúng, kết hợp với các công cụ công nghệ để định hướng, sáng tạo các phương pháp mới phù hợp với công nghệ mới; Bổ sung kiến thức về công nghệ tiết kiệm năng lượng, các nội dung liên quan đến nghiên cứu chuyên sâu mới nhất; **[H10.10.01.08].** Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH trong đợt rà soát, cập nhật CTĐT này (như tăng cường thời lượng một số môn là cốt lõi của ngành như: Độ tin cậy của hệ thống số, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Thiết kế các phần tử siêu cao tần, Mạng truyền thông nâng cao, Thông tin vô tuyến nâng cao, Kỹ thuật vi xử lý nâng cao, Lý thuyết nhận dạng và ứng dụng trong các hệ thống điều khiển, Hệ thống không dây và cảm biến, Lọc và ứng dụng trong Điện tử - Viễn thông..) **[H10.10.01.09].**

Bên cạnh đó, giảng viên Khoa ĐTVT cũng tham khảo những CTĐT từ các trường Đại học đào tạo thạc sĩ KTĐT trong nước như Đại học Công nghiệp Thái Nguyên, Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, Đại học Giao thông vận tải, Đại học CÔNG NGHỆ NANYANG (SINGAPORE), Đại học MANCHESTER (UK), Đại học CARNEGIE MELLON University (USA) **[H10.10.01.10]**, cũng như tham gia các buổi hội thảo, chương trình đào tạo chuyên gia tư vấn ĐTVT **.**

Với ý kiến của các bên liên quan, các CTĐT tham khảo, khoa ĐTVT đã tiến hành rà soát, hiệu chỉnh các CĐR và các học phần theo hướng ứng dụng, tăng cường cường các học phần thực hành, thực tập sao cho đáp ứng nhu cầu của người học và các nhà tuyển dụng và được đưa ra trong Báo cáo kế hoạch cải tiến CTĐT ngành KTĐT **[H10.10.01.11]**.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng, rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật CTĐT luôn được Trường ĐHĐL và khoa ĐTVT dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên, người học đã tốt nghiệp, người học) nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp cho phát triển CTDH.

Các kênh tiếp nhận thông tin phản hồi đa dạng gồm: Bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện khảo sát học viên sau khi kết thúc học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, phòng KT&ĐBCL bổ sung thực hiện khảo sát học viên sau khi kết thúc học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH thạc sĩ ngành KTĐT được định kỳ hiệu chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan và theo hướng dẫn đã được Bộ GD&ĐT ban hành **[H10.10.02.01].** Nhà trường đã chuẩn hoá quy trình phát triển CTDH trong năm 2019. Quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT được ban hành kèm theo kế hoạch số 432/KH-ĐHĐL ngày 08/4/2019 gồm 6 bước: 1. Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; 2. Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT; 3. Đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; 4. Dự thảo những nội dung cần cập nhật, lấy ý kiến HĐKH&ĐT Khoa; 5. Thông qua HĐKH&ĐT Trường; 6. Ký ban hành CTĐT (phiên bản sau cập nhật, đánh giá). Các bước đều được mô tả chi tiết thông qua các nội dung cần thực hiện, quy định rõ đơn vị thực hiện và các biểu mẫu cụ thể. Trong quá trình thực hiện, các khoa phối hợp với phòng ĐTSĐH để tiến hành đầy đủ các bước trong quy trình**.** Để cập nhật các quy định mới nhất của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ **[H10.10.02.02].**

Trong các đợt rà soát, hiệu chỉnh, phát triển CTDH năm 2019-2020 và 2023-2024, Khoa ĐTVT tổ chức hội thảo, khảo sát lấy ý kiến từ cựu học viên; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực điện tử viễn thông. Theo hướng dẫn của Trường ĐHĐL, Ban Lãnh đạo Khoa và đại diện nhóm hiệu chỉnh chương trình đã thảo luận về sự cần thiết hiệu chỉnh, sự thay đổi giữa CTDH cũ và mới, thống nhất mục tiêu, chuẩn đầu ra và kết cấu CTDH hiệu chỉnh. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên trong khoa, chuyên gia ngành ĐTVT từ các trường đại học, nhà sử dụng lao động, học viên đã tốt nghiệp để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi đưa ra Hội đồng Khoa **[H10.10.02.03].** Sau khi họp, thảo luận, hội đồng rà soát, cải tiến CTĐT tiếp thu ý kiến góp ý và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Hội đồng KHĐT Nhà trường chính thức ban hành khung CTDH ngành ĐTVT sau điều chỉnh năm 2020 và 2023 **[H10.10.02.04].**

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ thạc sĩ ngành KTĐT **[H10.10.02.05]**, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CĐR trong việc

biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới. Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, giảng viên thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của họp hội đồng rà soát cập nhật CTĐT **[H10.10.02.06]**, Hội thảo của Khoa, các tọa đàm trao đổi thông tin học thuật nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia **[H10.10.02.07].** Những thay đổi, cập nhật này được chuyển hoá thành nội dung phát triển trong CTDH, giúp Khoa và Bộ môn đánh giá, cải tiến CTDH đáp ứng CĐR của CTĐT.

Bên cạnh đó, Hội đồng khoa và Ban lãnh đạo khoa cũng thực hiện đánh giá, rà soát sự phù hợp của quy trình thiết kế và phát triển CTDH với thực tế và quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, các trường đại học khác, các chương trình đánh giá tiên tiến. Từ đó, làm cơ sở bổ sung biểu mẫu và những đề xuất để quy trình thiết kế và phát triển CTDH được hoàn thiện. Để thực hiện bước 2 trong quy trình cập nhật, đánh giá CTĐT để thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, đánh giá CTĐT, Khoa đã xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên thu thập thông tin của các bên liên quan (DN, người học, Giảng viên) và tổng hợp ý kiến theo biểu mẫu quy định chung của Nhà trường **[H10.10.02.08]**.

CTDH thạc sĩ ngành KTĐT được định kỳ hiệu chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan và theo hướng dẫn đã được Bộ GD&ĐT ban hành **[H10.10.02.09].** Nhà trường còn ban hành thành lập Ban chỉ đạo công tác rà soát, cập nhật CTĐT trình độ ThS và TS để triển khai thực hiện rà soát, cập nhật các CTĐT thạc sĩ và tiến sĩ **[H10.10.02.10].** Trong quá trình rà soát, đánh giá, cập nhật các CTĐT, Ban chỉ đạo thường xuyên tổ chức các cuộc họp để thống nhất danh mục học phần dùng chung, tổng số tín chỉ của khối kiến thức**.**

Trong quá trình thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT, Phòng ĐTSĐT rất sát sao, hướng dẫn thực hiện các bước và các biểu mẫu theo QĐ 2046/QĐ-ĐHĐL, ngày 14/11/2022 Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ **[H10.10.02.11].** Ngoài ra, Nhà trường còn chỉ đạo các khoa cần tổ chức hội thảo Chuyên đề trong công tác rà soát, đánh giá cập nhật CTĐT có sự tham gia của đại diện các DN, giảng viên, chuyên gia và học viên **[H10.10.02.12].** Với các ý kiến được ghi nhận tại hội thảo và kết quả khảo sát các bên liên qua, Hội đồng rà soát, cập nhật CTĐT đã thực hiện các biểu mẫu theo quy định và hoàn thiện hồ sơ để đưa ra Hội đồng thẩm định CTĐT ngành KTĐT **[H10.10.02.13].** Sau đó, Tổ rà soát, cập nhật CTĐT tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định và thông qua Hội đồng khoa học của Khoa ĐTVT và Hội đồng khoa học Nhà trường trước khi ban hành CTĐT ngành KTĐT**.**

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT. Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTDH luôn được thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của trường Đại học Điện lực, bám sát chuẩn đầu ra. CTDH được định kỳ hiệu chỉnh, cải tiến thông qua đánh giá của các bên liên quan giúp CTDH luôn đáp ứng được nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện khảo sát học viên tại thời điểm tốt nghiệp

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng KT&ĐBCL bổ sung khảo sát học viên tại thời điểm tốt nghiệp theo từng ngành để có cơ sở đưa ra giải pháp hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để bảo đảm chất lượng, các phòng ban của Nhà trường, Khoa kết hợp với các phòng ban tham gia vào quá trình giám sát và đánh giá như sau:

Ở cấp Trường, Phòng KT&ĐBCL có chức năng khảo sát kết quả học tập của học viên, đảm bảo quá trình thi cử được công bằng, đúng qui chế, thực hiện nghiêm túc các qui trình tác nghiệp như giao nhận đề thi, bài thi, báo điểm, phúc tra...., là đơn vị chủ trì bảo đảm chất lượng bên trong và công tác kiểm định chất lượng phục vụ đánh giá ngoài **[H10.10.03.01].**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức, theo quy định tổ chức đánh giá kết quả học tập tại trường ĐHĐL **[H10.10.03.02]**. Căn cứ tiến độ đào tạo, Phòng KT&ĐBCL yêu cầu Khoa gửi đề thi và đáp án lên phòng sau 3 tuần học; Phòng KT&ĐBCL tổ chức thi và tiến hành tổ chức chấm thi tập trung. Quy định tổ chức thi và công nhận kết quả được Nhà trường xây dựng giúp việc đánh giá kết quả học tập và quá trình giảng dạy là độc lập với nhau. Kết quả học tập qua đó trở thành thước đo quan trọng đánh giá năng lực học tập của người học và khả năng giảng dạy của giảng viên.

Tổ Trực giảng thuộc Phòng HCQT kiểm tra các hoạt động dạy/học thường xuyên, mức độ nghiêm túc của các hoạt động giảng dạy như thời gian lên lớp, lịch trình giảng dạy, quy chế thi cử. Khi có bất cứ vi phạm nào Tổ trực giảng sẽ tổng hợp vào cuối tháng

và Nhà trường thông báo trên hệ thống EGOV để nhắc nhở các Khoa và giảng viên và là cơ sở đánh giá thi đua cuối năm của giảng viên **[H10.10.03.03]**.

Hoạt động giảng dạy là một điều kiện cơ bản để xét thi đua, khen thưởng các cấp dịp cuối năm. Trong buổi tổng kết năm học, Ban lãnh đạo Khoa tổng kết, đánh giá các mặt tích cực, những kết quả đạt được của các bộ môn và những tồn tại hạn chế. Ngoài ra Khoa cũng sẽ tập hợp ý kiến các giảng viên để gửi lên các cấp trên trong cuộc họp tổng kết năm học và hội nghị cán bộ công chức, viên chức toàn trường. Hàng tháng, trong các cuộc họp giao ban của các đơn vị trong Nhà trường cũng luôn có nội dung trao đổi, kiểm tra, rút kinh nghiệm về công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường. Ngoài ra, trường đã cho lắp camera ở hầu hết các phòng học khu giảng đường tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra.

Về phía Khoa, các hoạt động tham gia hội thảo khoa học, cách tiếp cận phương pháp giảng dạy mới luôn được chú trọng **[H10.10.03.04].** Đặc biệt đối với GV mới tuyển dụng hoặc môn học mới, môn học cập nhật thay đổi. Kết quả dự giờ giảng qua các buổi hội thảo sẽ được tổng hợp, góp ý cho giảng viên ngay sau khi kết thúc tiết giảng. Việc làm này sẽ giúp cho giảng viên có những nắm bắt và điều chỉnh kịp thời về nội dung kiến thức cách thức truyền đạt và phân phối thời gian giảng dạy hợp lý hơn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy**.**

Hằng năm, sau khi có thống kê tỷ lệ điểm thi kết thúc học phần của mỗi lớp từ phòng KT&ĐBCL, Khoa tiến hành rà soát và đánh giá kết quả một số học phần có tỷ lệ học viên điểm thi thấp để phân tích, tìm nguyên nhân (VD: Độ tối ưu của hệ thống số), đưa ra giải pháp về nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá để học viên đạt được chuẩn đầu ra của học phần **[H10.10.03.05]**. Điều chỉnh hình thức thi một số học phần mới đưa vào giảng dạy để phù hợp hơn với tính chất môn học.

2. Điểm mạnh

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập học phần trong CTDH còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT và Phòng KT&ĐBCL thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập của nhiều học phần trong CTDH và phân tích chi tiết hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Khoa ĐTVT là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu mạnh của Trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, các đề tài các cấp của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây **[H10.10.04.01].** Các đề tài của Khoa có xu hướng ứng dụng rất cao và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy học. Rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của học viên kỹ thuật điện tử.

Trường ĐHĐL và Khoa ĐTVT cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho người học. Hàng năm, Nhà trường thông báo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học người học để khuyến khích người học có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký **[H10.10.04.02].** Nội dung các đề tài NCKH của người học ngành KTĐT đăng ký đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo để giúp người học hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học**.**

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính. NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy và với sự phát triển nhanh của khoa học, người GV phải thường xuyên cập nhật thêm nhiều những kiến thức mới, ko thể giảng những kiến thức cũ đã hết giá trị. Nhiệm vụ NCKH của giảng viên được Nhà trường quy định rất cụ thể bằng các quy định như: Quy chế NCKH **[H10.10.04.03]**, Quy chế thi đua khen thưởng **[H10.10.04.04].** Trung bình khối lượng NCKH của các giảng viên trong Khoa ĐTVT về cơ bản luôn hoàn thành vượt định mức theo qui định (Bảng 10. 5).

Bảng 10. 1 Thống kê công trình NCKH của giảng viên khoa ĐTVT giai đoạn 2022-2023

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	GV tham gia, thực hiện	Học phần/ Chuyên đề
I	Sách, Giáo trình			
1	Độ tin cậy của hệ thống số	2022	Nguyễn Nam Quân, Nguyễn Lê Cường	Độ tin cậy của hệ thống số
2	Software Defined Radio - Các vấn đề cơ bản và ứng dụng GNURadio.	2018	TS. Nguyễn Lê Cường (chủ biên), ThS. Phạm Xuân Thắng	Thông tin vô tuyến nâng cao
II	Đề tài NCKH cấp Bộ công			

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	GV tham gia, thực hiện	Học phần/ Chuyên đề
	thương			
1				
III	Bài báo			
1	Coupling Reduction of Extremely Closely Spaced Circularly Polarized MIMO Patch Antenna by Phase Shift Method	2023	Huy Hung Tran, Tung The Tam Nguyen, Hoai Nam Ta, Duy Phong Pham	DOI: 10.1109/ACCESS.2023.3289840
2	A Metasurface-Based MIMO Antenna With Compact, Wideband, and High Isolation Characteristics for Sub-6 GHz 5G Applications	2023	Huy Hung Tran, Tung The Tam Nguyen, Hoai Nam Ta, Duy Phong Pham	DOI: 10.1109/ACCESS.2023.3292303
3	High-performance nonenzymatic electrochemical glucose biosensor based on AgNP-decorated MoS2 microflowers.	2022	Tuan Dinh Van, Ngan Dang Thi Thuy, Thao Dao Vu Phuong, Nguyet Nguyen Thi, Thuy Nguyen Thi, Thuy Nguyen Phuong, Thu Vu Van, Hung Vuong Pham, Tam Phuong Dinh	https://doi.org/10.1016/j.cap.2022.09.001
4	Analysis of secrecy outage performance for full duplex NOMA relay systems with appearance of multiple eavesdroppers	2022	Nguyen Le Cuong, Tran Manh Hoang, Nguyen Thu Phuong, Pham Thanh Hiep	DOI: https://doi.org/10.1007/s11276-022-03024-7
5	A compact metasurface-based circularly polarized antenna with high gain and high front-to-back ratio for RFID readers	2023	Huy Hung Tran, Huy Hoang Nguyen, Thao Hoang Thi Phuong	
6	Spatio-Temporal Analysis of Drought in the North-Eastern Coastal Region of Vietnam Using the Standardized Precipitation Index (SPI)	2023	Nguyen Van Tuan, Nguyen Van Hieu, Nguyen Khac Bang, Pham Hoang Hai, Nguyen Khanh Van, Le Vinh Ha, Tran Thi Hoa, Lê Trọng Hiếu	10.4236/acs.2023.132011
7	High-performance nonenzymatic electrochemical glucose biosensor based on AgNP-decorated MoS2	2022	Tuan Dinh Van, Ngan Dang Thi Thuy, Thao Dao Vu Phuong, Nguyet Nguyen Thi, Thuy Nguyen Thi, Thuy Nguyen Phuong	https://doi.org/10.1016/j.cap.2022.09.001

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	GV tham gia, thực hiện	Học phần/ Chuyên đề
	microflowers.		Thu, Vu Van Hung, Vuong Pham Tam Phuong Dinh	
8	Facile preparation of copper nanoparticles in environmentally friendly solvent for DNA sensor application	2022	Dao Vu Phuong Thao, Dang Thi Thuy Ngan, Dinh Van Tuan, Hoang Lan, Nguyen Thi Nguyet, Vu Van Thu, Vuong Pham Hung, Phuong Dinh Tam	10.1016/j.mtcomm.2022.104161
9	Electrosynthesized nanostructured molecularly imprinted polymer for detecting diclofenac molecule	2022	Dinh HaiNgan Nguyen, Quang Hai Le, Tuan Linh Nguyen, Van Tuan Dinh, Hoai Nam Nguyen, Hong Nam Pham, Tien Anh Nguyen, Luong Lam Nguyen, Thi Mai Thanh Dinh, Van Quynh Nguyen	10.1016/j.jelechem.2022.116709
10	Dependence of specific absorption rate on concentration of Fe3O4 nanoparticles: from the prediction of Monte Carlo simulations to experimental results	2022	Quang Hai Le, Thu Uyen Tran, Van Tuan Dinh, Hoai Nam Nguyen, Hong Nam Pham, Xuan Truong Nguyen, Luong Lam Nguyen, Thi Mai Thanh Dinh, and Van Quynh Nguyen	10.1007/s11051-022-05596-z
11	Fabrication of an inverse opal structure of a hybrid metal-conducting polymer for plasmon-induced hyperthermia applications	2023	Quang Hai Le, Thu Uyen Tran, Van Tuan Dinh, Hoai Nam Nguyen, Hong Nam Pham, Xuan Truong Nguyen, Luong Lam Nguyen, Thi Mai Thanh Dinh and Van Quynh Nguyen	10.1039/d3ra00342f
12	Accurate Estimation without Calibration of the Complex Relative Permittivity of Multilayer Dielectric Material based on the Finite Integration Technique	2023	Manh Cuong Ho, Trong Hieu Le	https://doi.org/10.48084/etasr.5665
13	Accurate Estimation without Calibration of the Complex Relative Permittivity of Multilayer Dielectric	2023	Manh Cuong Ho, Trong Hieu Le	https://doi.org/10.48084/etasr.5665

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	GV tham gia, thực hiện	Học phần/ Chuyên đề
	Material based on the Finite Integration Technique			
14	Silver nanoparticles decorated a hybrid of PANI/MoS2 and PANI/WO3 as potential catalysts for direct photoelectrochemical oxidation of glucose	2022	Nguyen Minh Thu, Dinh Van Tuan, Dang Thi Thuy Ngan, Pham Hong Nam, Nguyen Van Quynh	10.1002/vjch.202100184
15				
16	A Novel Method for Estimating Propagation Pathloss in Millimeter-wave Communication Systems	2023	Vu Thanh Quang, Hoang Thi Phuong Thao, Do Huu Duc, Vu Van Yem	Bulletin of Electrical Engineering and Informatics ISSN: 2302-9285
17	Enhancement of fundamental frequency extraction capabilities for detecting diver carrying SCUBA open-circuit in shallow water	2023	Nhat Hoang Bach, Van Duc Nguyen, Le Ha Vu, Duy Phong Pham	DOI: 10.1109/IMCOM56909.2023.10035587
18	A 1.9 μW 127 nV/√Hz Bio Chopper Amplifier Using a Noise-Efficient Common Mode Cancelation Loop	2022	Xuan Thanh Pham, Xuan Phuong Tran, Khac Vu Nguyen, Van Thai Le, Duy Phong Pham, Manh Kha Hoang	DOI: 10.1109/ATC55345.2022.9942987
19	Evaluation of the Optimal Timing of Diagnosis/Prognosis of Myocardial Infarction Using the MLP Artificial Neural Network	2022	Huynh Luong Nghia, Dinh Van Quang, Bui Xuan Quan,Nguyen Thi Thuy	The 9th International conference in Vietnam on the Development of Biomedical Engineering
20	Design of Compact and High Selective RF Front-end Module for Low-band 5G and IoT Applications	2023	Trong Hieu Le, Manh Cuong Ho, Le Cuong Nguyen	The 44th Photonics & Electromagnetics Research Symposium (PIERS), 3 - 6 July, 2023, Prague, Czech Republic, pp. 1-7

STT	Tên công trình	Năm thực hiện	GV tham gia, thực hiện	Học phần/ Chuyên đề
21	Design of Compact and High Selective RF Front-end Module for Low-band 5G and IoT Applications	2023	Trong Hieu Le, Manh Cuong Ho, Le Cuong Nguyen	The 44th Photonics & Electromagnetic Research Symposium (PIERS), 3 - 6 July, 2023, Prague, Czech Republic, pp. 1-7
22	Evaluation of the Optimal Timing of Diagnosis/Prognosis of Myocardial Infarction Using the MLP Artificial Neural Network	2022	Huỳnh Lương Nghĩa, Đinh Văn Quang, Bùi Văn Tấn, Nguyễn Thị Thủy	The 9th International conference in Vietnam on the Development of Biomedical Enginneering

2. Điểm mạnh

Các quy chế về NCKH của Nhà trường là đầy đủ, có khả năng khuyến khích giảng viên, học viên thực hiện nhiệm vụ NCKH cũng như thực hiện các đề tài NCKH có tính ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng học viên ngành kỹ thuật điện tử tham gia NCKH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT đưa ra các giải pháp thúc đẩy học viên tích cực tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có những quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dưới dạng kế hoạch khảo sát hàng năm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích **[H10.10.05.01]**.

Để thực hiện cải tiến, đánh giá chất lượng dịch vụ và tiện ích, Nhà trường xây dựng Quy định vận hành mạng lưới đảm bảo chất lượng **[H10.10.05.02]**. Thông tin về kết quả

cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm **[H10.10.05.03]**.

Trung tâm học liệu có phiếu khảo sát riêng hàng năm để đánh giá chất lượng phục vụ thư viện của Nhà trường, GV đối với việc phục vụ của thư viện. Thông qua quá trình khảo sát lấy ý kiến khảo sát hàng năm về hoạt động và mức độ hài lòng về thư viện của bạn đọc **[H10.10.05.04]**. Hàng năm trung tâm học liệu đều có phương án nâng cấp bổ sung sách, trang thiết bị cho phù hợp **[H10.10.05.05]**.

Trong năm 2024, Khoa ĐTVT thực hiện khảo sát cho thấy trên 75% học viên ngành KTĐT tham gia trả lời khảo sát đánh giá hài lòng về: thái độ phục vụ học viên của cán bộ, nhân viên văn phòng; thư viện có đủ tư liệu tham khảo cho các môn học; và trang thiết bị đầy đủ phục vụ giảng dậy, học tập. Số lượng học viên chưa hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chỉ chiếm chưa đến 5%. Khoa ĐTVT còn có ý kiến đóng góp về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường trong các cuộc họp tổng kết năm học **[H10.10.05.06]**.

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở phân tích đánh giá tiện ích phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã kịp thời có những sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học.

3. Điểm tồn tại

Một số dịch vụ học viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường); Số đầu sách còn ít, chưa cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT, TTCNTT và TTHL tăng cường phổ biến để học viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường). Nhà trường xây dựng kế hoạch bổ sung đầu sách đáp ứng yêu cầu của các CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Phòng KT&ĐBCL trực thuộc Trường Đại học Điện lực có chức năng tham mưu trong công tác xây dựng, tổ chức thực hiện, vận hành và giám sát thực hiện các quy trình đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, công tác khảo thí trong phạm vi toàn Trường; phát triển hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện các chức năng

khác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường, quy định chức năng nhiệm vụ Phòng KT&ĐBCL theo Quyết định số 1230/QĐ-ĐHĐL ngày 10/8/2022 **[H10.10.06.01].** Trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ chuyên trách Phòng KT&ĐBCL trong Bảng 10.6.

Bảng 10. 2 Danh sách cán bộ chuyên trách Phòng KT&ĐBCL

SSTT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ
11	Doãn Thanh Bình	Phụ trách phòng	Tiến sỹ	1. "Nâng cao năng lực quản trị đại học đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo" ngày 06-08/12/2018 do Trung tâm kiểm định chất lượng GD - Đại học QG Hà Nội tổ chức. 2. "Phát triển kỹ năng tự đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT các trình độ GDĐH ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT " do TT Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường ĐH, CĐ VN tổ chức từ ngày 07-11/6/2019. 3. " Đánh giá ngoài CTĐT thạc sĩ theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT" do Trung tâm kiểm định chất lượng GD - Đại học QG Hà Nội tổ chức ngày 17/10/2019. 4. " Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 28,29 tháng 7 năm 2022. 5. " Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng CSGD đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 7,8 tháng 1 năm 2023. 6. " Đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm" do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức từ ngày 13/8/2023 đến ngày 9/9/2023.
22	Nguyễn Đăng Bộ	Phó Trưởng phòng	Thạc sĩ	1. "Nâng cao năng lực đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học" do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức từ 22-23-12/2022 2. " Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng CSGD đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 7,8 tháng 1 năm 2023.
33	Lương Tuấn Anh	Chuyên viên	Thạc sĩ	1. " Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 28,29 tháng 7 năm 2022. 2. " Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng CSGD đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của

SSTT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ
				Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 7,8 tháng 1 năm 2023.
44	Dư Quang Trung	Chuyên viên	Thạc sĩ	1. " Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 28,29 tháng 7 năm 2022. 2. " Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng CSGD đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 7,8 tháng 1 năm 2023.
55	Trần Nam Dương	Giảng viên	Thạc sĩ	1."Phát triển kỹ năng tự đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT các trình độ GDĐH ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT " do TT Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường ĐH, CĐ VN tổ chức từ ngày 07-11/6/2019. 2. "Developing QA Systems for AUN-IQA Accreditation" ngày 29 tháng 9 năm 2017.
66	Nguyễn Vân Anh	Chuyên viên	Thạc sĩ	1. "Nâng cao năng lực đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học" do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức từ 22-23-12/2022 2. " Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 28,29 tháng 7 năm 2022. 3. " Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng CSGD đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 7,8 tháng 1 năm 2023.
77	Cù Thị Sáng	Giảng viên	Thạc sĩ	1. " Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng CSGD đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT" do Trường ĐH Điện lực tổ chức vào 7,8 tháng 1 năm 2023.

Trong công tác khảo sát các bên liên quan để cải tiến chất lượng, ngoài Phòng KT&ĐBCL còn có sự tham gia của Trung tâm học liệu và các khoa chuyên ngành. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, theo quy trình, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên, có kế hoạch, có phương thức tiến hành và được quản lý trực tiếp của P. KT&ĐBCLGD tại Trường. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTĐT ngành KTĐT, P. KT&ĐBCLGD đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT định kỳ. Phòng ĐTSĐH cung cấp CSDL hỗ trợ kênh liên lạc với học viên; Trung tâm học liệu khảo sát GV và người học về cơ sở vật chất và nguồn học liệu phục vụ đào tạo. Trong các đợt cập nhật, hiệu chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT, Khoa ĐTVT lập kế hoạch, phân công các thành viên trong nhóm khảo sát gửi online (email, đường link) và thu thập phiếu khảo sát các bên liên quan, phân tích thông tin thu được từ phiếu khảo sát. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra… Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất**.**

Định kỳ, hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCL phối hợp với Khoa ĐTVT thực hiện theo đúng hướng dẫn của Trường ĐHĐL. Hiện nay, theo quy định và hướng dẫn của Trường ĐHĐL, vào cuối năm, tất cả các giảng viên cơ hữu phải thực hiện hoạt động tự đánh giá nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.02].** Khoa ĐTVT phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học **[H10.10.06.03].** Ngoài ra hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về mức độ cần đạt được của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp**.** Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành KTĐT **[H10.10.06.04].**

Để liên tục hoàn thiện cơ chế phản hồi, các đóng góp trong các đợt lấy ý kiến các bên liên quan (học viên, doanh nghiệp, giảng viên, ...) được thực hiện trong các cuộc họp về khảo sát ý kiến (Bảng 10. 7). Mục tiêu là cải tiến theo hướng tinh gọn, phù hợp trong thực hiện khảo sát (câu hỏi, thời gian, công cụ thực hiện).

Bảng 10. 3 Bảng tổng hợp các cuộc khảo sát

STT	Tên cuộc khảo sát	Hình thức khảo sát	Thời gian thực hiện	Kế hoạch triển khai	Đơn vị thực hiện
1	Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Phiếu điều tra, điều tra online	2025		Khoa ĐTVT
2	Ý kiến người học về hoạt động quản lý và phục vụ đào tạo	Phát phiếu điều tra, điều tra online	2025	Kế hoạch khảo sát ý kiến người học về hoạt động quản lý và phục vụ đào tạo	Khoa ĐTVT
3	Ý kiến CBGV về CSVC, trang thiết bị của Trường	Phiếu online	2025	Kế hoạch khảo sát ý kiến CBGV về CSVC, trang thiết bị của Trường	Khoa ĐTVT

Trong đó, quy trình của mỗi cuộc khảo sát thường có có nội dung như sau:

Quy trình của mỗi cuộc khảo sát thường có có nội dung như sau:

- Mục đích điều tra: Điều tra khảo sát chuyên gia, nhà khoa học/ GV/nhà tuyển dụng/học viên với mục tiêu nâng cao CLĐT/ CTDH

- Đối tượng điều tra: Tham gia khảo sát là chuyên gia, các nhà khoa học/GV/nhà tuyển dụng/học viên.

- Phạm vi điều tra: Chuyên gia trong lĩnh vực ĐTVT, các doanh nghiệp tuyển dụng và sử dụng lao động, .../học viên hệ chính qui.

- Phương thức điều tra: Phiếu khảo sát đưa ra các câu hỏi dạng thang đo, các câu hỏi ngắn, các câu hỏi nhiều lựa chọn, ... theo hướng dẫn từ Nhà trường và được thiết kế thành mẫu Phiếu khảo sát. Từ Phiếu khảo sát được thiết kế bằng bản Word, thực hiện lập mẫu phiếu qua Google Form, các câu hỏi và phần thông tin được chuyển thể thành các câu hỏi trên Google Docs. Sau khi đã có đường link Phiếu khảo sát, Khoa thông báo cho tất cả các cán bộ trong Khoa tham gia khảo sát hoặc gửi đến các chuyên gia, các nhà tuyển dụng và chuyển cho học viên theo địa chỉ email, hoặc qua các nhóm trên các phương tiện truyền thông xã hội như Zalo, Facebook, ... nhằm thu được kết quả nhanh chóng từ các đối tượng khảo sát.

- Công cụ xử lý dữ liệu điều tra: Google Form, Excel.

- Thời gian điều tra: Tuỳ từng đợt khảo sát, thông thường từ 0,5 đến 1 tháng

- Kết quả sơ bộ: Tổng hợp kết quả phát ra bao nhiêu phiếu (phiếu giấy hoặc link

khảo sát online), thu về bao nhiêu, tỷ lệ đối tượng khảo sát trả lời, kết quả file tổng hợp thống kê được trình bày trong báo cáo

Các kết quả sơ bộ khảo sát về ngành KTĐT cho thấy:

+ Khảo sát và Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của học viên về hoạt động giảng dạy cho kết quả số lượng học viên trả lời trên 95%.

+ Khảo sát và Báo cáo kết quả thu thập thông tin phản hồi của học viên về quản lý và phục vụ nhu cầu đào tạo, kết quả học viên trả lời trên 95%.

+ Khảo sát và Báo cáo khảo sát kết quả thu thập thông tin phản hồi của người sử dụng lao động, kết quả trả lời khoảng 70% - 75%.

Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa ĐTVT sẽ lập bảng đối chiếu, so sánh giữa các bảng hỏi của các đối tượng khảo sát để phân tích kết quả và lập kế hoạch nâng cấp chất lượng sau khảo sát **[H10.10.06.05].** Sau khi lập kế hoạch nâng cấp chất lượng đào tạo của ngành, Khoa và Nhà trường thường tiến hành cải tiến theo hai nội dung:

(1) Đánh giá các cuộc khảo sát được thực hiện hiệu quả hơn:

Khoa ĐTVT đã nghiêm túc thực hiện các cuộc khảo sát theo hướng dẫn, huy động các giáo viên tham gia thiết kế Phiếu khảo sát dưới dạng giấy hoặc các biểu mẫu trực tuyến qua Google Form để gửi tới các đối tượng khảo sát. Dữ liệu các cuộc khảo sát trưng cầu ý kiến được thu thập bằng phiếu khảo sát giấy trong những năm trước 2019 và hiện nay đã cải tiến bằng các công cụ trực tuyến như Google Form, Google Sheet và qua Email, qua mạng xã hội giúp việc khảo sát ngày càng thuận tiện và thu được kết quả nhanh chóng trong thực hiện các Khảo sát.

Kết thúc các đợt Khảo sát, Khoa tiến hành tổng kết và báo cáo kết quả đúng thời hạn qui định. Kết quả của các cuộc khảo sát là cơ sở quan trọng để Khoa và Nhà trường xem xét, đánh giá và đưa ra định hướng phát triển phù hợp, điều này thể hiện rõ trong phương hướng và mục tiêu hành động trong các năm học của Khoa **[H10.10.06.06].**

(2) CTĐT của ngành KTĐT đã được điều chỉnh phù hợp hơn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Kết quả của các cuộc khảo sát đều được Khoa ĐTVT sử dụng làm căn cứ trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của ngành KTĐT.

Thứ nhất về thiết kế/ điều chỉnh nội dung CTĐT: Dựa trên kết quả các đợt khảo sát của NSD lao động, học viên đang học, cựu học viên, giảng viên và chuyên gia. Hội đồng Khoa học Khoa đã tiến hành rà soát, cải tiến, điều chỉnh nội dung CTĐT cho phù hợp với CĐR và đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau các đợt khảo sát, Hội đồng Khoa học Khoa đều họp để tiến hành các đợt rà soát cập nhật năm 2018, 2020, 2023 CTĐT đã được sửa đổi theo hướng tăng khối lượng kiến thức thực tế, tăng thời lượng thực hành.

Thứ hai, về hoạt động dạy và học, cụ thể là phương pháp giảng dạy, đánh giá học phần: Dựa trên kết quả các cuộc khảo sát của cựu người học và khảo sát lấy ý kiến

của học viên về hoạt động của giảng viên. Hội đồng Khoa học Khoa đã tiến hành họp, điều chỉnh và cải tiến các phương pháp giảng dạy, đánh giá người học cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo sự hài hòa và khoa học. Trong các đợt giãn cách do dịch Covid, Nhà trường chuyển hình thức dạy online nên các bài giảng của các học phần đều được cập nhật thêm các nội dung mới, phương thức đánh giá tuân thủ theo quy chế khảo thí của Nhà trường nhưng có sự linh hoạt trong các phương tiện đánh giá như sử dụng Google Classroom, MSTeams, Google Form để làm các bài kiểm tra ngắn**.** Bên cạnh đó, các GV cũng thường xuyên cập nhật các công nghệ mới liên quan đến từng học phần nhằm làm tăng sự hấp dẫn cũng như hiệu quả bài học. Tháng 5 năm 2022, Khoa ĐTVT thành lập mạng lưới chuyên gia (trong đó có nhiều chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực điện, điện tử và công nghệ thông tin) nhằm hỗ trợ tốt hơn cho CTĐT có sự liên hệ với thực tiễn cao, các nội dung học phần đáp ứng và tương thích với CĐR. Điều này cũng giúp Khoa có nhiều cải tiến nội dung và chất lượng CTDH **[H10.10.06.07].**

Thứ ba, về các hoạt động hỗ trợ người học: Dựa trên kết quả các cuộc khảo sát lấy ý kiến của học viên về hoạt động của giảng viên, lấy ý kiến người sử dụng lao động. Hội đồng Khoa tiến hành họp để điều chỉnh và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học nhằm đáp ứng cơ chế phản hồi hoạt động hiệu quả, mang lại nhiều lợi ích và tính thực tiễn cho người học. Hiện tại Khoa ĐTVT có một nhóm gồm các thầy/cô phụ trách về truyền thông và một nhóm các thầy cô thường xuyên phụ trách liên hệ thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp sử dụng lao động hoặc hỗ trợ hợp tác đào tạo. Cả hai nhóm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác khảo sát, tiếp nhận các phản hồi từ học viên, doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng nhân lực giúp Khoa nâng cao hiệu quả trong cơ chế phản hồi các bên liên quan đến cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo

Khoa ĐTVT cũng đã tổ chức buổi tọa đàm "Định hướng nghề nghiệp" với các hoạt động giúp cho học viên có cơ hội tiếp xúc với nhà tuyển dụng, tăng tính thực tiễn **[H10.10.06.08].** Trong buổi tọa đàm, các chuyên gia, đại diện các doanh nghiệp, nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với GV và lãnh đạo Khoa, học viên về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ và phù hợp chuẩn đầu ra ngành ĐTVT.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được xây dựng chặt chẽ giữa Phòng KT&ĐBCL với Khoa ĐTVT, giữa Khoa ĐTVT với các doanh nghiệp giúp tiếp nhận thống tin để cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa phân tích chi tiết và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên trong việc cải tiến CTĐT ngành KTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Phòng KT&ĐBCL và Khoa ĐTVT xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT ngành KTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Khoa ĐTVT đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế và cải tiến CTĐT được tuân thủ theo đúng quy định. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH của người học được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm công nghệ thông tin, Khoa ĐTVT ...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

TIÊU CHUẨN 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Tiêu chuẩn này sẽ trình bày về sự đáp ứng của chương trình ngành KTĐT với các tiêu chí của tiêu chuẩn 11 (kết quả đầu ra), đồng thời cũng trình bày điểm mạnh và điểm hạn chế đối với từng tiêu chí cùng với kế hoạch hành động để khắc phục điểm hạn chế được nêu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở các quy định quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học Bộ GD&ĐT [**H11.11.01.01**] và hướng dẫn thực hiện của Nhà trường trong Quy định tạm thời đào tạo Ths hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường ĐHĐL [**H11.11.01.02**], Nhà trường đã giao trách nhiệm cho phòng Đào tạo sau đại học theo dõi sát sao kết quả học tập, tỷ lệ HV thi không đạt môn, còn nợ môn, HV tốt nghiệp hàng năm, phòng Kế hoạch tài chính theo dõi tình hình đóng học phí của HV và phòng ĐT SĐH phối hợp hợp với Khoa ĐTVT theo dõi và cập nhập thường xuyên danh sách các HV thôi học.

Bảng 11.1. Thống kê tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học toàn khóa của ngành KTĐT giai đoạn 2020-2024

Năm	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian		Tỷ lệ % người thôi học trong thời gian	
		2 năm	2,5 năm	Năm 1	Năm 2
2020	01	100%	0,00%	0,00%	0,00%
2021	05	100%	0,00%	0,00%	0,00%
2022	17	100%	0,00%	0,00%	0,00%
2023	0				
2024	0				

(Nguồn phòng QLĐT, trường ĐHĐL)

Bảng 11.2a Thống kê tỷ lệ HV thôi học của ngành KTĐT

TT	Khóa /Năm	Số HV nhập học	Số HV thôi học toàn khóa		Năm 1		Năm 2	
			S L	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
1	2020 (CH9)	11	0	0	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0	0	0	0
3	2022 (CH10)	14	0	0	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0	0	0	0
5	2024 (CH12)	14	0	0	0	0	0	0

Bảng 11.2b Đối sánh tỉ lệ HV thôi học với ngành khác trong trường giai đoạn nhập học 2020-2022

Ngành	Năm nhập học				
	2018 (CH7)	2019 (CH8)	2020 (CH9)	2021 (CH10)	2022 (CH11)
CNKT ĐTVT	100 %	100 %	100 %	-	
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	100 %	100 %	100 %	-	100 %
Công nghệ thông tin	100 %	100 %	100 %	-	100 %

Việc thống kê các tỉ lệ HV thôi học và tỷ lệ HV tốt nghiệp được thực hiện hàng năm. Theo thống kê của phòng ĐTSĐH, việc HV đạt tỉ lệ theo học rất cao và tỉ lệ thôi học thấp là do các học viên hầu hết đã ổn định công việc, chương trình đào tạo được sắp xếp vào cuối tuần và ngoài giờ hành chính cũng giúp HV theo học tốt hơn và không ảnh hưởng tới công việc. Theo thống kê của Khoa ĐTVT với các khóa ra trường từ 2018 tới 2022, số lượng HV ngành KTĐT tốt nghiệp lần đầu có tỷ lệ cao, thể hiện trong Bản thống kê tỷ lệ tốt nghiệp có xếp loại và biểu đồ kèm theo.

Bảng 11.3. Thống kê số HV nhập học, tốt nghiệp lần đầu của Khoa ĐTVT và tỷ lệ tốt nghiệp lần đầu của ba Khoa ĐTVT, CNTT, Đ-ĐT

Năm tốt nghiệp	Số HV nhập học (ĐTVT)	Số HV tốt nghiệp lần đầu (ĐTVT)	Tỷ lệ ĐTVT (%)	Tỷ lệ CNKT ĐK&TĐH (%)	Tỷ lệ CNKT Điện-Điện tử (%)
2020	1	1	100%	100%	100%
2021	5	5	100%	100%	100%
2022	17	17	100%	100%	100%
2023	0	0	-	-	-
2024	0	0	-	-	-

Căn cứ vào các quyết định trúng tuyển và tốt nghiệp qua các năm vừa qua [**H11.11.01.03**] [**H11.11.01.04**], giữa 3 ngành trong Trường ĐHĐL, chúng ta có thể thấy tỷ lệ HV tốt nghiệp ở các ngành là rất cao.Trên cơ sở kết quả điều tra phản hồi từ HV tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về việc làm, về điểm mạnh, điểm yếu của HV tốt nghiệp, nhận xét của các cán bộ GV trong Khoa, Khoa ĐTVT thấy có một số đặc điểm như sau: 1) HV có định hướng nghề nghiệp cao nên có động lực khi học tập, rèn luyện tốt. 2)

Chương trình đào tạo và các môn học phù hợp, thời lượng tự học là phù hợp. Dựa vào các phân tích, Khoa ĐTVT đã có những điều chỉnh phù hợp khi rà soát điều chỉnh CĐR, CTĐT, lập kế hoạch năm học như điều chỉnh thứ tự môn học, điều chỉnh tên môn học, tăng cường các môn học thực hành và đồ án, tăng cường học phần thực tập… Bên cạnh đó Khoa ĐTVT thường xuyên tổ chức các buổi seminar nghiên cứu khoa học để trao đổi kinh nghiệm giữa các học viên. Việc đối sánh mới thực hiện ở các ngành tại Trường ĐHĐL, chưa có số liệu đối sánh với các ngành tương ứng ở các trường khác.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ HV tốt nghiệp và HV thôi học được Khoa và Nhà trường theo dõi sát sao, được công bố công khai đến các bên liên quan (BGH Nhà trường, Phòng ban chức năng, Khoa chuyên môn, GV,HV…).

Tỉ lệ thôi học duy trì ở mức rất thấp.

3. Tồn tại

Hiện nay, Khoa ĐTVT và phòng ĐTSĐH chưa phân tích chi tiết những lý do HV ĐTVT thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT cùng phòng QLĐT tăng cường tiếp cận HV để tiếp tục thay đổi, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hướng thiết thực, phù hợp với học viên nhằm tạo động lực để các HV duy trì học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo SĐH hằng năm theo dõi và thống kê số lượng HV tốt nghiệp và thời gian trung bình mà các HV trong khóa học tốt nghiệp đối với từng ngành học, được thể hiện qua Quyết định phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường **[H7.07.05.01].** Phòng Đào tạo SĐH tổng hợp số liệu từ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Kế hoạch tài chính để thực hiện công tác thống kê này.

Việc thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình được thể hiện trong Bản thống kê HV tốt nghiệp và tỷ lệ tốt nghiệp kèm theo quyết định tốt nghiệp [**H11.11.01.04**].

Bảng 11.4. Tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KTĐT

TT	Năm nhập học	Tổng số HV nhập học	Tổng số HV thôi học	Tổng số HV TN		Số HV tốt nghiệp đúng hạn		HV tốt nghiệp 2 năm		HV tốt nghiệp >2 năm		Thời gian TN trung bình (năm)
				SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
1	2020	1	0	1	100	1	100	1	100	0	0	2
2	2021	5	0	5	100	5	100	5	100	0	0	2
3	2022	17	0	17	100	17	100	17	100	0	0	2
4	2023	0	0		-	-	-	-	-	-	-	-
5	2024	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Bảng 11.5. Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành KTĐT,5 năm từ 2020-2024 và đối sánh

Các tiêu chí	**Năm 2020**	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KTĐT, ĐH Điện lực (năm)	2	2	2	2	2
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CN KTĐK & TĐH - ĐHĐL (năm)	2	2	2	2	2
Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành CN TT - ĐHĐL (năm)	2	2	2	*2*	*2*

Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng ĐTSĐH làm đầu mối phối hợp với các Khoa ĐTVT tìm hiểu và phân tích nguyên nhân người học còn chưa hoàn thành số tín chỉ dẫn đến chưa được công nhận tốt nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp hỗ trợ người học. Qua tìm hiểu và phân tích, có hai yếu tố quan trọng nhất để có tình trạng tốt nghiệp đúng hạn: 1) người học đi đã có việc làm và có định hướng công việc sau khi tốt nghiệp nên quyết tâm học tập rèn luyện cao. 2) người học đôi khi thấy phù hợp với chương trình đào tạo nên kết quả học tập cao.

Hàng năm trong hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ của Khoa, Nhà trường đều có những buổi lễ tốt nghiệp rất hoành tráng và chuyên nghiệp, đây cũng là điểm nhấn để tạo động lực cho HV phấn đấu học tập đúng hạn.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ đối với thời gian tốt nghiệp của HV, Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo Sau đại học thống kê và Khoa ĐTVT, Phòng CTSV phối hợp với GV hỗ trợ kịp thời cho HV, tạo điều kiện cho HV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có hướng dẫn cũng như cơ chế để HV có thể hoàn thành sớm hơn chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, phòng QLĐT thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của HV và phối hợp với phòng Khoa đưa ra các đề xuất phù hợp giúp HV tiếp tục thực hiện đúng thời gian tốt nghiệp hoặc sớm hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tại Trường ĐHĐL, phòng KT&ĐBCL được giao làm đầu mối (Quyết định Quy định chức năng nhiệm vụ của phòng KT&ĐBCL [**H10.10.6.01**]) lập kế hoạch và phối hợp với các khoa (trong đó có Khoa ĐTVT) hằng năm thống kê số lượng HV có việc làm, vị trí việc làm và mức thu nhập bình quân của HV tốt nghiệp có việc làm. Các khoa tiến hành khảo sát người học đã tốt nghiệp (khảo sát nhiều thông tin, trong đó có tình hình việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác) và gửi lại kết quả tới phòng KT&ĐBCL để lưu trữ và tổng hợp kết quả.

Bảng câu hỏi khảo sát mà phòng KT&ĐBCL xây dựng có các câu hỏi về khoảng thời gian có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp. Số liệu thu được được phân tích trong nhiều năm và có độ tin cậy khá cao và ổn định, thể hiện trong Bảng thống kê việc làm của HV sau tốt nghiệp các năm 2018 đến 2022

Bảng 11.5a. Bảng thống kê việc làm của HV sau tốt nghiệp từ 2020 đến 2024

Năm tốt nghiệp/Khảo sát	Số HV tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm	Thu nhập bình quân
2020	1	100%	10 Triệu/1 tháng
2021	5	100%	10 Triệu/1 tháng
2022	17	100%	10,2 Triệu/1 tháng
2023	0		
2024	0		

Bảng 11.5b. Thống kê tỷ lệ việc làm của HV tốt nghiệp ngành KTĐT

Khóa học	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng (%)						Tiếp tục học tập
	Tỷ lệ sinh viên có việc làm (1)	Tỷ lệ việc làm liên quan đến CTĐT	Nhà nước	Liên Doanh	Tư nhân	Tự tạo việc làm	
CH7(2018-2020)	100%	100	50%	25%	25%	0	0
CH8 (2019 - 2021)	100%	100	50%	25%	20%	0	0
CH9 (2020-2022)	100%	100	54,5%	27,27%	18,18%	0	0

Bảng 11.6. Bảng khảo sát số HV Khoa ĐTVT tốt nghiệp và tỉ lệ có việc làm

Đơn vị	Năm khảo sát	Số HV tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm (%)
ĐTVT - EPU	2020 (CH7)	1	100%
ĐTVT - EPU	2021 (CH8)	5	100%
ĐTVT - EPU	20222 (CH9)	17	100%
ĐTVT - EPU	2023 (CH10)	0	--
ĐTVT - EPU	2024	0	
QLNL - EPU	2020(CH7)	53	100%
QLNL - EPU	2021 (CH8)	08	100%
QLNL - EPU	2022 (CH9)	32	100%
QLNL - EPU	2023 (CH10)	-	-
QLNL - EPU	2024 (CH11)	-	-
KTĐ - EPU	2020 (CH7)	16	100%
KTĐ - EPU	2021 (CH8)	14	100%
KTĐ - EPU	2022 (CH9)	14	100%
KTĐ - EPU	2023 (CH10)	-	-
KTĐ - EPU	2024 (CH11)		

Từ những dữ liệu khảo sát về tình hình việc làm của HV sau tốt nghiệp ngành KTĐT, Khoa ĐTVT có phân tích và so sánh với ngành QLNL và KTĐ trong trường (Bản thống kê việc làm của HV sau một năm tốt nghiệp từ năm 2018 đến 2023.Từ số liệu thống kê có thể thấy tỷ lệ HV tốt nghiệp có việc làm là rất cao.

Từ kết quả điều tra về việc làm của người học sau khi tốt nghiệp 01 năm, Khoa ĐTVT thực hiện việc trao đổi, thảo luận và thấy một số yêu cầu về: a) tăng cường kỹ năng (lập trình), b) tăng cường ngoại ngữ chuẩn quốc tế (tiếng Anh), c) tăng cường các môn học chuyên môn phù hợp với xu thế công nghệ và thị trường lao động. Về lượng người học sau tốt nghiệp không có việc làm thay đổi theo từng năm nhưng đều khoảng 4% (Bản thống kê việc làm của HV tại thời điểm tốt nghiệp. Nguyên nhân của tình hình có việc làm rất cao sau tốt nghiệp không có câu trả lời trực tiếp từ việc khảo sát, nhưng qua sự phân tích và trao đổi, nhiều khả năng cũng là những yêu cầu về kỹ năng và kiến thức vừa nêu ra cùng với sự thiếu tiếp xúc và quan hệ với doanh nghiệp khi sắp tốt nghiệp. Giải pháp đã được thực hiện là bổ sung học Khoa cũng đã yêu cầu các GV đưa tài liệu tham khảo tiếng Anh vào trong các môn học và yêu cầu SV đọc một số phần

bằng tài liệu tiếng Anh và sẽ đề xuất với Trường về đào tạo bổ sung tiếng Anh cho người học. Đồng thời, năm 2018 Nhà trường đã thành lập Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp, Trung tâm có chức năng định hướng HV tới doanh nghiệp và hỗ trợ HV tìm việc làm sau tốt nghiệp cũng như triển khai các dự án khởi nghiệp của HV, thể hiện trong Quyết định thành lập TT HTVL và Khởi nghiệp, Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của TT HTVL và Khởi nghiệp [**H11.11.03.01**].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho HV, giúp HV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng khác. Tỷ lệ có việc làm sau 01 năm rất cao với hơn 100% HV tốt nghiệp đã có việc làm.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, thảo luận hỗ trợ việc làm của HV cần được làm sát sao, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho HV ngành CNKT điện tử viễn thông.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Điện lực giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn 2030 có đề cập về NCKH của người học "*Tạo không khí, hào hứng, say mê NCKH, tạo áp lực phù hợp để GV và HV tích cực tham gia NCKH; Thông qua NCKH để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tham gia NCKH*". **[H1.01.01.05].** Đồng thời ban hành danh mục các hoạt động KHCN trong Quy chế sửa đổi Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ [H10.10.04.03] và Quyết định về kế hoạch NCKH của người học [**H11.11.04.03].** Toàn bộ hoạt động khoa học công nghệ của người học đều được được đảm bảo theo Luật sở hữu trí tuệ 2005 [**H11.11.04.08**] và quyết định ban hành quy chế hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHĐL và tất cả các hoạt động NCKH được theo dõi và quản lý bởi phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế và phòng giao cho 1 chuyên viên thực hiện nhiệm vụ giám sát, quản lý các đề tài cấp trường cho HV và GV (Quyết định phê duyệt chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường [**H11.11.04.12]**. Ngoài ra người học khi tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề tài được hưởng kinh phí theo đúng quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường (HV và GV trong NCKH có chế độ xét duyệt giống nhau, có hỗ trợ kinh phí giống nhau, việc theo dõi tiến độ, báo cáo, đánh giá kết quả cũng giống nhau), thể hiện trong Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHĐL [**H6.06.01**], trên cơ sở đó, hàng năm Nhà trường tổng kết đánh giá tình

hình NCKH toàn trường, thể hiện trong Bản tổng kết NCKH hàng năm [**H11.11.04.09**], [**H11.11.04.03**]. Trường ĐHĐL đã xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành KTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT **[Quyết định ban hành quy định chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo cao học 2020]**, cập nhật năm học 2023 - 2024 **[QĐ 1050 Ban hành CĐR CTĐT ngành KTĐT trình độ thạc sĩ 2024]** trong đó khuyến khích HV tham gia NCKH -HC Hoạt động NCKH của HV khoa ĐTVT được xác lập chủ yếu thông qua hình thức tham gia thực hiện đề tài NCKH cùng với GV trong các đề tài NCKH cấp trường. HV còn có thể thực hiện NCKH thông qua luận văn, viết bài báo và tham gia hội thảo khoa học.

Các đề tài HV NCKH có sự bàn bạc thống nhất với GV hướng dẫn, đề tài được hội đồng khoa học Khoa ĐTVT xét duyệt, sau đó được hội đồng NCKH Nhà trường xét duyệt và ra quyết định Quyết định nghiệm thu đề tài và biên bản nghiệm thu đề tài của người học hàng năm [**H11.11.04.04**].Bên cạnh đó theo Quyết định số 34/QĐ-ĐHĐL về việc định mức tạm thời chi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học dành cho người học Trường ĐHĐL, kinh phí các đề tài sau khi hoàn thành được Hội đồng nghiệm thu "đạt" sẽ được thanh toán 3 triệu đồng/1 đề tài [**H11.11.04.01**].. Tuy nhiên thực hiện NCKH của HV là khá thấp được mô tả trong bảng 11.6[H11.11.04.02].

Bảng 0.6. Bảng thống kê số bài báo khoa học HV cao học giai đoạn 2020- 2024.

T	Nội dung	**Số lượng HV tham gia** NCKH					
		Năm 2019	**Năm 2020**	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**
	Loại hình hoạt động NCKH và số lượng HV tham gia						
	1.1. Đề tài NCKH của HV	0	0	0	0	1	0
	1.2. Viết bài báo	1	1	0	3	2	1
	1.3 Khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số HV tham gia các loại hình (1)	4	3	3	5	6	4
	Tỷ lệ HV tham gia NCKH/Tổng số HV	-	-	-	-	-	-

Hình 11.1 so sánh về số lượng đề tài NCKH được thực hiện bởi HV của Khoa ĐTVT so với khoa QLNL thì số lượng công trình NCKH do HV thực hiện tại cả hai khoa là khá thấp, tuy nhiên Khoa ĐTVT có các NCKH ổn định qua các năm [H11.11.04.04]

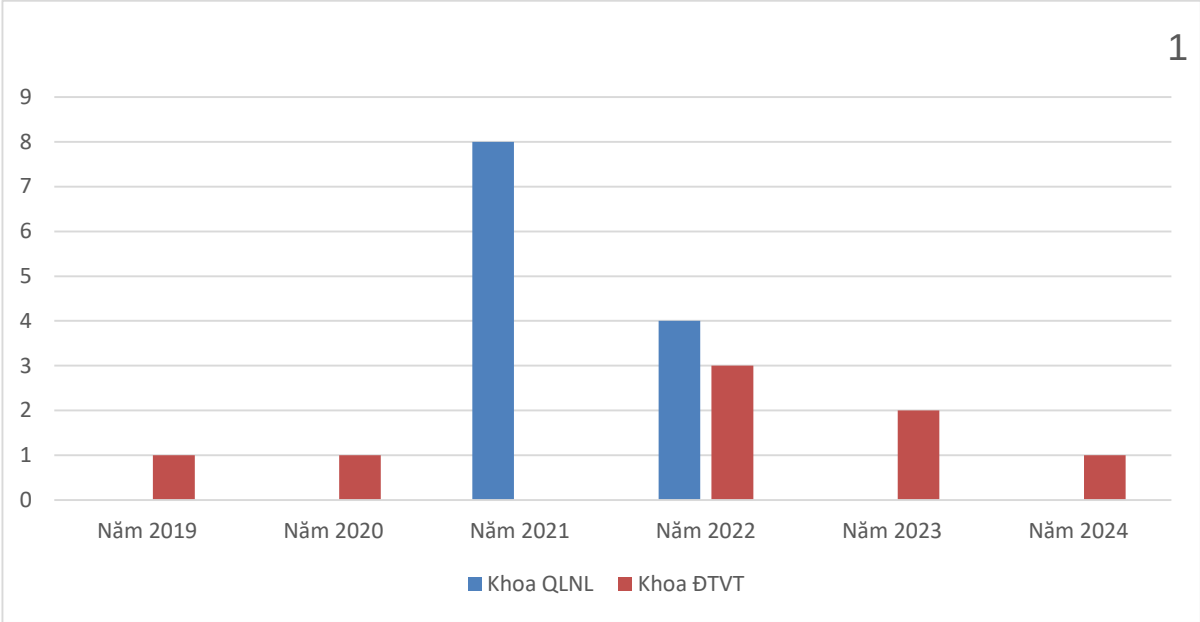

Hình 11.1 So sánh bài báo khoa học của khoa QLNL và khoa ĐTVT giai đoạn 2019-2024

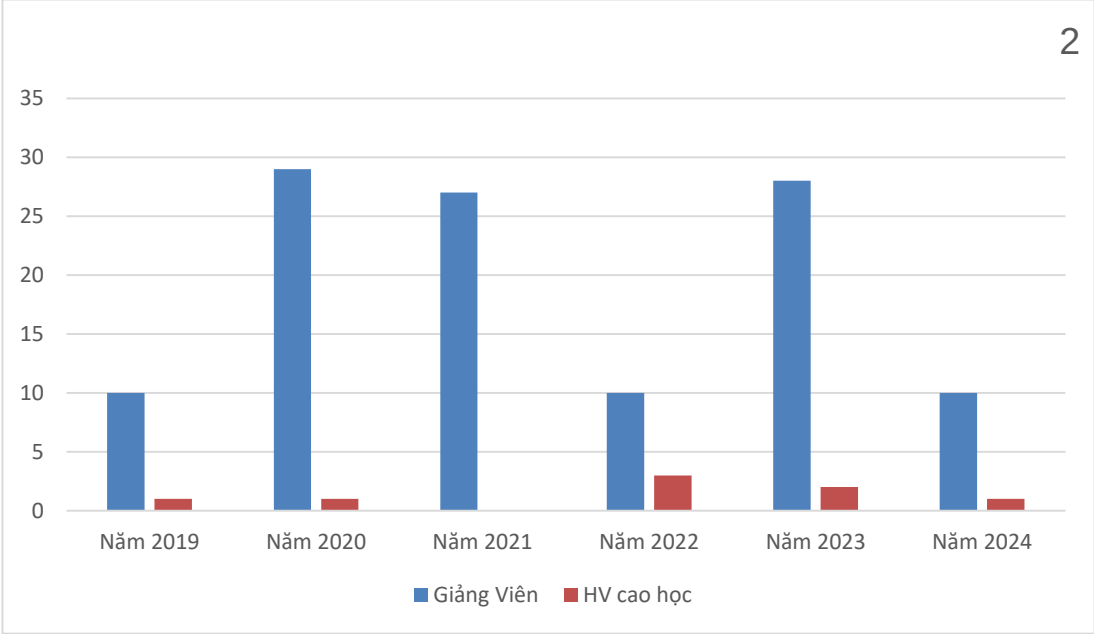

Hình 11.2 So sánh bài báo khoa học của giảng viên và HV cao học ĐTVT giai đoạn 2019-2024

Hình 11.2 So sánh NCKH của giảng viên và HV cao học cho thấy số lượng đề tài NCKH của HV còn khiêm tốn và có sự khác nhau rất lớn vì vậy các GV cần đề xuất cho HV tham gia nhiều NCKH phù hợp với hù hợp với khả năng của người học [H11.11.04.05]

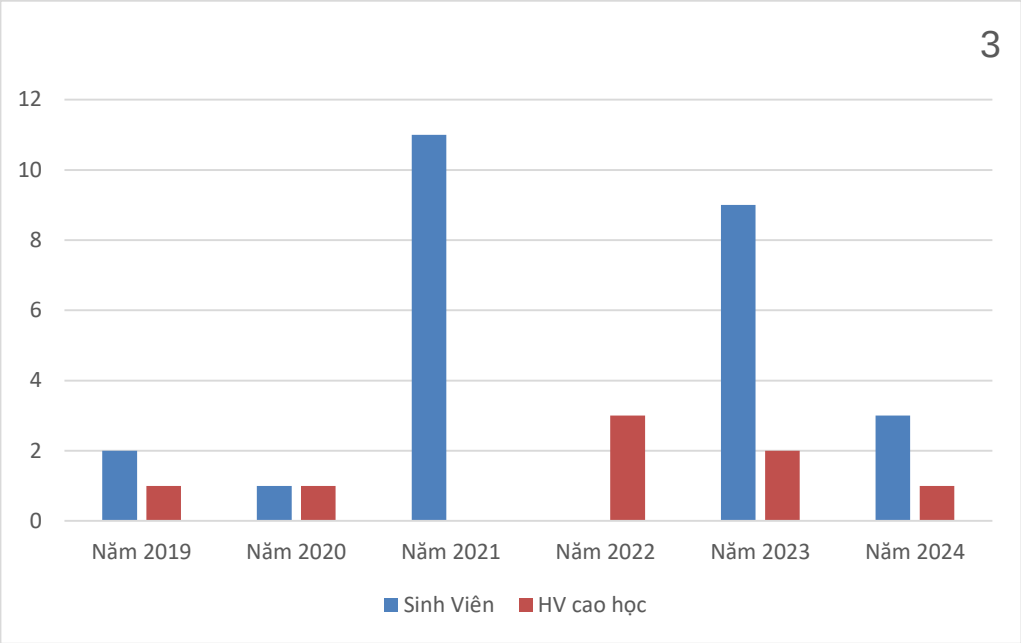

Hình 11.3 So sánh NCKH của sinh viên và HV cao học ĐTVT giai đoạn 2019-2024

Hình 11.3 So sánh NCKH của sinh viên và HV cao học cho thấy số lượng đề tài NCKH của cả 2 có sự khác nhau rõ dàng từ năm 2021 khi không có NCKH của HV cao học , tuy nhiên năm 2022 không có NCKH của sinh viên và số lượng đề tài của cả 2 trường giảm xuống năm 2024, qua số liệu thống kê cho thấy HV cao học có tham gia NCKH khá ổn định qua các năm [H11.11.04.06]

Như vậy, Nhìn chung, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập và giám sát cụ thể, rõ ràng và so sánh đối chiếu. Hoạt động của các loại hình NCKH được giám sát có hệ thống thông qua Phòng Quản lý Khoa học, các bộ phận quản lý khoa học cấp Khoa.

1. Điểm mạnh

HV tham gia tích cực trong NCKH, ý tưởng sáng tạo phù hợp với xu thế. Khoa chủ động trong công tác NCKH. Từ hướng dẫn của các GV trong Khoa, các viết được một số bài báo khoa học và xất bản phẩm của NH khá cao. Loại hình và số lượng đề tài NCKH của HV được xác lập, giám sát, so sánh đối chiếu cùng với chính sách hỗ trợ, tư vấn từ phía lãnh đạo khoa ĐTVT tạo điều kiện thuận lợi cho HV trong việc xúc tiến hoạt động NCKH.

2. Tồn tại

Công tác NCKH của NH bậc thạc sĩ chưa được quan tâm nhiều. Số lượng NCKH của HV cao học Khoa ĐTVT còn ít.

3. Kế hoạch hành động

2. Từ năm 2025, Trường ĐHĐL và phòng QLKH&HTQT tăng cường hỗ trợ, khuyến khích tạo điều kiện cho người học tham gia hoạt động và có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của HV.

4. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường giao cho phòng KT&ĐBCL làm đầu mối, phối hợp với các Khoa và các phòng ban khác tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan [**H10.10.06.02**]. Phòng KT&ĐBCL sẽ tổ chức lấy ý kiến của người học khi kết thúc các học phần và khi người học chuẩn bị kết thúc quá trình học. Các Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến người học sau khi ra trường, các chuyên gia, GV, nghiên cứu viên và nhà sử dụng lao động. Trung tâm học liệu sẽ lấy ý kiến của học viên và GV về chất lượng phục vụ của hệ thống học liệu. Các ý kiến phản hồi sẽ được tập trung và lưu trữ và xử lý tại hòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Các hình thức lấy ý kiến có thể sử dụng tùy từng trường hợp là phiếu trực tiếp, phiếu online, phỏng vấn trực tiếp, trao đổi, điện thoại, hội thảo.

Hiện nay, đơn vị nào thu thập phần thông tin phản hồi nào thì thực hiện cơ chế tự giám sát. Khi Khoa ĐTVT mời các bên liên quan tới dự hội thảo thì có mời các thành viên của các phòng ban khác trong trường như Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; khi nhận phản hồi từ người học đã tốt nghiệp thì cần cung cấp email/chữ ký của người học hoặc của chính người thực hiện khảo sát. Phòng KT&ĐBCL lấy ý kiến đóng góp của người học online trên phần mềm đối với môn học và GV về chất lượng đào tạo, trách nhiệm được qui định bởi Quyết định lấy ý kiến người học online và bản kết quả lấy ý kiến người học online các năm [**H11.11.05.01**].

Các công cụ chủ yếu trong tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan về mức độ hài lòng **[H11.11.05.02]** gồm**:**

1. PKS online từ HV đối với GV để chất lượng đào tạo
2. PKS cho HV trước khi tốt nghiệp được phát phiếu trực tiếp
3. PKS gửi HV sau khi tốt nghiệp một năm qua mail, online.
4. Tổ chức hội thảo để tiếp nhận ý kiến phản hồi
5. PKS gửi doanh nghiệp, giảng viên đánh giá sự hài lòng.

Thông qua thu thập kết quả từ các phiếu khảo sát, mức độ hài lòng của các bên liên quan được định lượng, tính toán, tổng hợp và so sánh giữa các năm thực hiện khảo sát nhằm phân tích thực trạng, xu hướng và tìm ra những nguyên nhân nhằm củng cố, nâng cao mức độ hài lòng.

Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV

Hoạt động này được thực hiện trực tuyến rất hiệu quả ngay sau cuối học kỳ để HV góp ý, phản hồi về hoạt động giảng dạy các học phần. Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng và rất hài lòng về hoạt động giảng dạy của Khoa ĐTVT là cao, tuy nhiên cũng có một tỉ lệ nhỏ không hài lòng. Ngoài ra, khoa ĐTVT cũng định kỳ họp (ít nhất là cuối năm) về phản hồi HV để rút kinh nghiệm cũng như cải tiến chất lượng của học phần [H11.11.05.03]

Khảo sát người học năm cuối về CTĐT

Hoạt động này được thực hiện vào thời điểm HV làm thủ tục chuẩn bị tốt nghiệp, nội dung khảo sát xoay quanh các vấn đề về kiến thức, kỹ năng, môn học, trang thiết bị phục vụ. Kết quả khảo sát năm 2019-2024 cho thấy đa số HV hài lòng với CTĐT ngành ĐTVT [H11.11.05.04]. NH đã tốt nghiệp đều có năng lực làm việc tại các cơ quan, công ty tuyển dụng, có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, thích nghi tốt với các điều kiện làm việc thực tế và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Công tác khảo sát này được thực hiện thường xuyên hằng năm do TT-QLCL thực hiện.

Khảo sát NH tốt nghiệp về tình hình việc làm

Việc khảo sát được thực hiện đều đặn cho bậc đào tạo cao học theo văn bản triển khai của của trường ĐHĐL [H11.11.05.05]. Riêng đối với bậc thạc sĩ, người học đã có việc làm nên Trường ĐHĐL không thực hiện hoạt động này. Tuy nhiên hư đã trình bày ở tiêu chí 11.3, Khoa ĐTVT quan tâm việc làm của những trường hợp vừa học xong đại học tiếp tục học lên chương trình thạc sĩ. Kết quả bảng 11. X cho biết HV trình độ thạc sĩ có việc làm 100% sau khi tốt nghiệp.

Khảo sát NSDLĐ về người học tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp

Hoạt động này được thực hiện thông qua các buổi hội thảo kết nối doanh nghiệp, thông qua các mối quan hệ của GV với doanh nghiệp. Kết quả khảo sát người sử dụng lao động cho thấy 100% tại các cơ quan, công ty tuyển dụng hài lòng với năng lực chuyên môn của HV tốt nghiệp khoa ĐTVT [H11.11.05.06].

Khảo sát NH về các hoạt động hỗ trợ

Hàng năm Nhà trường đều lên phương án để nâng cấp, cải tiến với các phòng học, thực hành, thí nghiệm… Bên cạnh đó, Nhà trường thông qua bộ phận trực giảng để quản lý, vận hành, bảo dưỡng định kỳ cũng như tiếp nhận các ý kiến phản hồi của GV, SV để kịp thời sửa chữa ngay các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: máy chiếu, quạt…, thể hiện trong Các minh chứng liên quan đến việc quản lý trang thiết bị của bộ phận trực giảng [**H9.09.01.09**]. Các thiết bị này được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay thế theo đúng quy định. Hàng năm, Nhà trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường đề kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới, thể hiện trong Các QĐ

liên quan đến thành lập tổ kiểm kê, thanh lý thiết bị [**H10.10.05.02**]. Hiện nay, thư viện của trường có đầy đủ giáo trình của các bậc đào tạo trung học và cao đẳng. Thư viện được quản lý bằng hệ thống Libol với các phân hệ phân hệ, mỗi phân hệ có các chức năng phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ: biên mục, bổ sung, mượn trả, báo cáo thống kê. Toàn bộ hoạt động của thư viện được quản lý và được truy cập thông qua mạng máy tính. Thư viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu cho các loại hình tài liệu hiện có, thông tin được mã hóa bằng hệ mã vạch, thể hiện bởi Hệ thống Libol [**H9.09.02.03**]. Căn cứ vào ý kiến khảo sát của bạn đọc, hàng năm TT Học liệu có phương án nâng cấp bổ sung trang thiết bị cho phù hợp. Từ việc khai thác, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan, Trường và Khoa ĐTVT đã có các hành động cụ thể để cải tiến chất lượng của CTDH và NCKH, từ đó SV tốt nghiệp sẽ hội nhập nhanh hơn với thị trường lao động, làm việc hiệu quả hơn, và từ đó phục vụ cộng đồng tốt hơn. Trên cơ sở phân tích những ý kiến phản hồi của các bên liên quan (tuân theo Các qui định về qui trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan [**H11.11.05.07**]).

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan nhận ý kiến đóng góp trực tiếp từ GV, nhà tuyển dụng và HV thông qua các cuộc họp được tổ chức định kỳ. đã được Nhà trường, Khoa và ngành ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến. Sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng KT&ĐBCL với Khoa ĐTVT trong nhận thông tin phản hồi sự hài lòng từ các bên liên quan.

3. Tồn tại

Nhà trường khai thác chưa hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng. Trong các hoạt động khảo sát đã thực hiện thì số liệu khống kê còn khiêm tốn do các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa ĐTVT và Trường ĐHĐL tăng cường việc lấy ý kiến các bên liên quan nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến để khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia lấy ý kiến, nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4.5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, không có HV thôi học của ngành ĐTVT. HV tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học HV, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học. GV của Khoa ĐTVT luôn là tấm gương trong NCKH, luôn quan tâm hỗ trợ và là động lực thúc đẩy hoạt động NCKH trong HV. Chương trình đào tạo chuyên ngành ĐTVT luôn được quan tâm điều chỉnh cho phù hợp thời đại. HV học

chương trình ngành ĐTVT sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế trong lĩnh vực Điện tử viễn thông và được phản hồi tích cực từ nhà tuyển dụng. Nhiều HV đã được tuyển dụng bởi các công ty nước ngoài. Nhà Trường có hệ thống phần mềm quản lý và hỗ trợ người học, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ TN, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi. Công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, CB-GV, HV sau tốt nghiệp, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nó nhằm mục đích cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT Trường ĐHĐL tăng cường quảng bá việc lấy ý kiến các bên liên quan, nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến để khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia lấy ý kiến.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa ĐTVT đánh giá tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đều đạt với mức điểm trung bình là 4,5/7 điểm.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Trường ĐH Điện lực đã tiến hành công tác tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của trường.

Thông qua việc tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử, Khoa ĐTVT và Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Trường đã tuyên bố với xã hội.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng TĐG Trường ĐHĐL lực trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để Nhà trường được công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT.

1. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT

Tiêu chuẩn 1: Về mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu đào tạo chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử của Khoa ĐTVT được xây dựng dựa vào kết quả khảo sát nhiều mặt và phản hồi của các bên liên quan, được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, gắn với mục tiêu giáo dục trong Luật giáo dục và Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, đáp ứng được xu thế phát triển công nghệ trong lĩnh vực ĐTVT và CMCN 4.0.

Khoa ĐTVT đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành

KTĐT rõ ràng, toàn diện và nhất quán với mục tiêu đào tạo. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của HV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho HV giao lưu, hợp tác trong học tập, gắn kết lý thuyết và thực hành, HV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức nghề nghiệp.

CĐR của rình độ Thạc sĩ ngành KTĐTđược xây dựng dựa trên có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng lao động, HV tốt nghiệp, các chuyên gia). CĐR được xem xét định kỳ, việc thực hiện được duy trì thường xuyên với nhóm các đối tác doanh nghiệp, cựu HV thông qua các hoạt động kết nối. CĐR đáp ứng được xu thế phát triển của lĩnh vực ĐTVT trong cuộc CMCN 4.0 thông qua việc bổ sung trong các học phần mới khi rà soát, điều chỉnh CTĐT vào năm 2023-2024.

Tiêu chuẩn 2: Về Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT của trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã cập nhật theo quy định, cung cấp đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết để HV và các bên quan tâm có thể nắm bắt, tiếp cận dễ dàng với CTĐT. Bản mô tả CTĐT được cập nhật định kỳ và những vấn đề phát sinh trong CTĐT được bổ sung kịp thời theo sự đóng góp của các bên liên quan.

Đề cương các học phần của ngành được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của ngành học. Việc giao quản lý môn học và thực hiện nhóm giảng dạy theo môn học cùng với việc trao đổi thường xuyên giúp cho đề cương môn học có được những cập nhật mới nhất.

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Tiêu chuẩn 3: Về cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được thiết kế phù hợp với CĐR của ngành. Cấu trúc các học phần trong CTDH đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Các đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liền mạch giúp CTDH trở thành một khối thống nhất.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học, đánh giá nhằm đạt được mục tiêu của CĐR của CTĐT.

CTDH của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT có cấu trúc hợp lý, logic giữa các

khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, các học phần trong cấu trúc CTDH đảm bảo tính linh hoạt, cập nhật và tích hợp.

Tiêu chuẩn 4: Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được truyền tải trong các mục tiêu đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT và được lan toả mục tiêu giáo dục tới các GV, HV và các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và nhận được sự đồng thuận lớn.

Khoa ĐTVT, ngành KTĐT cùng với Nhà trường đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nên HV ngành KTĐT của Nhà trường được đánh giá là năng động, sáng tạo, ham học hỏi, tính thực tiễn và thực hành nghề nghiệp tốt.

Cấu trúc các học phần trong CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần giúp HV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin đồng thời phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích HV ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các đề cương chi tiết hướng tới hoạt động tự nghiên cứu, tự học thông qua hệ thống tài liệu tham khảo, bài tập cá nhân, bài tập lớn.

Tiêu chuẩn 5: Về đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có kế hoạch đánh giá KQHT của người học trong suốt quá trình học tập, hình thức kiểm tra, đánh giá đã bao quát được hết các CĐR. Việc thực hiện đánh giá được công bố và có những đánh giá, phản hồi giữa Phòng KT&ĐBCL và Khoa được thực hiện kịp thời cho học viên..

Các quy định về đánh giá KQHT của người học là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học..

Việc thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc thù ngành KTĐT giúp kiểm tra chính xác CĐR, đánh giá trong thực hành thực tế giúp học viên có được kết quả công bằng, khách quan và chính xác.

Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học. Khoa ĐTVT có những quan tâm, kết hợp tốt với Phòng KT&ĐBCL trong việc đánh giá phản hồi của người học.

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập đảm bảo công bằng cho học viên.

Tiêu chuẩn 6: Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Nhà trường đã xây dựng được một số chính sách phù hợp, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng vào thực tiễn của Nhà trường; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng và phát triển đội ngũ GV hiệu quả; các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhờ đó,

Khoa đã tuyển được đội ngũ cán bộ, GV có trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu đào tạo trong ngành KTĐT, công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ GV/HV của khối ngành đào tạo KT đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT. Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng ngay từ đầu năm học; được giám sát chặt chẽ và đánh giá định kỳ (theo phân công quản lý môn học và tiến độ đào tạo). Nhà trường đã ban hành những quy định trong đó có tiêu chí cụ thể và đầy đủ để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ GV theo các chức danh khác nhau.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định hiện hành. Tuyển được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và các điều kiện về tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Nhà trường đã có những chế độ ưu đãi để thu hút tuyển dụng tiến sĩ.

Năng lực GV của Khoa ĐTVT được xác định rõ ràng và được đánh giá thường xuyên, theo đúng quy định. Kết quả đánh giá năng lực giảng dạy của các GV được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm. Các GV ngành KTĐT được lên kế hoạch học tập, nâng cao trình độ, phát triển khả năng nghề nghiệp của cá nhân GV (tăng cường kiến thức, nghề nghiệp).

Nhà trường đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về khối lượng công việc của mỗi GV, có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua và cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho GV trong giảng dạy, NCKH mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của GV.

Nhà trường đã có những quy định cụ thể về các loại hình KHCN và khối lượng NCKH đối với từng chức danh GV. Các hoạt động NCKH được giám sát chặt chẽ và được đánh giá hằng năm khi kết thúc năm học. GV Khoa ĐTVT tích cực tham gia NCKH, trao đổi các vấn đề chuyên sâu.

Tiêu chuẩn 7: Về đội ngũ nhân viên

Đội ngũ cán bộ thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Đội ngũ cán bộ đã hỗ trợ HV tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của HV liên quan đến vấn đề học tập và rèn luyện giúp HV có thành tích học tập tốt đồng thời, giúp HV hoàn thiện các kỹ năng mềm, tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn.

Các tiêu chí, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm được công khai, minh bạch; đảm bảo đúng quy định. Việc lựa chọn, bổ nhiệm theo quy hoạch, rà soát hàng năm. Nhân

viên hỗ trợ, phục vụ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm để hỗ trợ tốt cho ngành đào tạo.

Đội ngũ hỗ trợ phục vụ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Nhà trường, có trình độ chuyên môn vững vàng, trình độ công nghệ thông tin tốt; liên tục được đào tạo, nâng cao trình độ đảm bảo thích ứng kịp thời với công việc; hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ phát triển nghề nghiệp của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ hỗ trợ, phục vụ luôn được xác định rõ ràng và có kế hoạch thực hiện cụ thể hằng năm.

Nhà trường có những quy chế đánh giá kết quả, bình xét thi đua rõ ràng và công khai; có cơ chế chính sách lương không những giúp tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ mà còn giúp nâng cao hiệu quả của công tác quản trị theo kết quả công việc của GV.

Tiêu chuẩn 8: Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường có đa dạng phương thức trong công tác công khai chính sách tuyển sinh về đối tượng, phương thức tuyển sinh.

Phương thức tuyển sinh được rà soát và điều chỉnh bắt kịp sự phát triển nhu cầu nguồn nhân lực, để tuyển chọn được nguồn thí sinh phù hợp cho ngành KTĐT.

Phần mềm QLĐT đã quản lý được toàn bộ quá trình học tập, kết quả học tập, rèn luyện của người học. Đồng thời, có thể trích xuất các báo cáo thống kê kịp thời để QLĐT hỗ trợ người học.

Trường có Trung tâm hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp hoạt động tích cực trong việc hỗ trợ kỹ năng trước và sau tốt nghiệp và kết nối việc làm cho HV các khóa.

100% giảng đường, trung tâm thực hành thí nghiệm có điều hòa, máy chiếu, ca-mê-ra an ninh giám sát.

Nhà trường, LCĐ Khoa ĐTVT tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, TDTT, CLB tạo không khí lành mạnh, giải trí, học tập vui vẻ cho HV.

Tiêu chuẩn 9: Về CSVC và trang thiết bị

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, GV và nhân viên cơ hữu theo quy định và đều được trang bị đầy đủ điều kiện, trang thiết bị để làm việc. Nhà trường có đủ số phòng học với các trang bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có quy định về chế độ quản lý, sử dụng máy móc thiết bị.

Thư viện được Nhà trường phân công cho Trung tâm Học liệu chuyên trách quản lý, có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, được xây dựng ở vị trí độc lập với khu giảng đường, không gian rộng, thoáng, yên tĩnh, CSVC khang trang giúp cho việc học tập và nghiên

cứu đạt hiệu quả tốt. Hệ thống mạng được trang bị rộng rãi với tốc độ cao, giúp bạn đọc dễ dàng truy cập và sử dụng đáp ứng việc học tập và nghiên cứu. Thư viện có nguồn học liệu phong phú trên nhiều lĩnh vực và chủng loại: sách, tài liệu, từ điển, ngoại ngữ, luận văn, luận án, báo cáo khoa học và các tạp chí, tài liệu chuyên ngành. Năm 2019, Thư viện đã được Nhà trường đầu tư cải tạo sửa chữa, nâng cấp về CSVC, trang thiết bị và phần mềm, ứng dụng đọc tài liệu số giúp cho bạn đọc tiến tới tra cứu, đặt chỗ mượn tài liệu giấy và mượn, đọc tài liệu số mà không phải đến tận nơi.

Phòng máy phục vụ CTĐT được giao cho Trung tâm CNTT phụ trách quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho trang bị, bảo dưỡng, thay mới. Việc có bộ phận quản lý riêng cũng giúp cho việc quản lý sử dụng phòng máy được tốt hơn. Các máy tính trang thiết bị mới được đầu tư bổ sung phục vụ nhu cầu học và thi tốt hơn. Nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý. Đội ngũ quản lý, vận hành thiết bị tin học có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tự phát triển và vận hành các hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý của Nhà trường.

Môi trường, an toàn, sức khỏe được xác định và triển khai đáp ứng được yêu cầu. Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ, cán bộ phục vụ có bề dày kinh nghiệm, tính kỷ luật và trách nhiệm cao, được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ thường xuyên. Nhà trường đã kết hợp tốt với các cơ quan quản lý trên địa bàn, triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên và người học.

Tiêu chuẩn 10: Về nâng cao chất lượng

Việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT có nhiều kênh tiếp nhận thông tin phản hồi: bảng hỏi khảo sát, hội thảo, tọa đàm phương pháp học tập, họp Khoa.

Các quy định, bộ phận rà soát, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

Trong 5 năm qua, Khoa ĐTVT có nhiều đề tài NCKH được chuyển tải thành nội dung môn học hoặc chuyên đề trong CTDH.

Sự cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường đóng góp phần quan trọng vào quá trình nâng cao chất lượng CTDH của Khoa ĐTVT.

Tiêu chuẩn 11: Về kết quả đầu ra

Luôn luôn theo dõi sát tỉ lệ SV tốt nghiệp, có việc làm để kịp thời điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Khoa ĐTVT luôn luôn phối hợp chặt chẽ với phòng ĐT, phòng CTSV để phối hợp giải quyết kịp thời các tồn tại, giải quyết các vấn đề phát sinh nhằm tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ HV tốt nghiệp đúng thời hạn giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Cùng với nỗ lực kết nối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực ĐTVT, Khoa luôn tạo cầu nối tốt nhất giữa HV với các doanh nghiệp, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, giúp SV đạt tỉ lệ có việc làm rất cao trong nhiều năm (>90%).

Bên cạnh đó việc phối hợp chặt chẽ với Phòng KT&ĐBCL giúp kịp thời tiếp nhận các phản hồi, giải đáp và phối hợp giải quyết các vấn đề tồn đọng, qua đó nâng cao tính xuyên suốt

2. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KTĐT

Tiêu chuẩn 1: Về mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT chưa được phân tích chi tiết.

Khoa ĐTVT chưa thường xuyên thảo luận chuyên môn sâu tại khoa để xác định mức độ đáp ứng của các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ với CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ.

Việc khảo sát các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa thực hiện hàng năm và số lượng phiếu khảo sát còn ít.

Tiêu chuẩn 2: Về Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT được cập nhật các thông tin mới nhất liên quan đến CTĐT nhưng chưa toàn diện.

Đề cương chi tiết các học phần trình độ Thạc sĩ của ngành KTĐT được chú ý cập nhật theo quy định nhưng việc cập nhật còn chưa hoàn toàn đầy đủ và thường xuyên.

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT đã được cập nhật, công bố công khai trên website phòng QLĐT của Trường Đại học Điện lực và phần mềm quản lý người học để các bên liên quan có thể tiếp cận được nhưng công tác truyền thông trên các kênh khác chưa thường xuyên.

Tiêu chuẩn 3: Về cấu trúc và nội dung CTDH

Khoa ĐTVT chưa thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH

Khoa ĐTVT chưa có công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được CĐR.

Khoa ĐTVT chưa phân tích chi tiết nội dung các học phần trong các CTĐT tham khảo.

Tiêu chuẩn 4: Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục chưa phong phú, sinh động, hấp dẫn

Phương pháp dạy và học còn đơn điệu.

Khoa ĐTVT chưa có nhiều hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với người học.

Tiêu chuẩn 5: Về đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa có công cụ để phân tích mức độ phù hợp ngân hàng đề thi để đo lường CĐR các học phần trong CTĐT.

Người học còn chưa chú ý đến việc cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập.

Khoa ĐTVT thực hiện phân tích kết quả thi cuối kỳ giữa các khoá, các lớp học viên ngành KTĐT còn ít học phần.

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận phản hồi về kết quả đánh giá của người học.

Một số học viên chưa nắm rõ các quy định trong công tác khiếu nại về KQHT.

Tiêu chuẩn 6: Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Một số giảng viên chưa có kế hoạch nâng cao trình độ do công việc giảng dạy lớn, cơ hội thăng tiến chưa rõ ràng, hoặc thiếu động lực phát triển nghề nghiệp dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và khả năng cạnh tranh của khoa. Bên cạnh đó còn thiếu hụt giảng viên ở một số chuyên ngành.

Việc khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy trong phiếu khảo sát người học đã được xây dựng, tuy nhiên, các tiêu chí này chưa đầy đủ và định lượng, dẫn đến kết quả khảo sát chưa thực sự chính xác.

Một trong những hạn chế hiện nay là chưa có sự tham gia đầy đủ của giảng viên trong việc xây dựng tiêu chí. Chưa thực hiện tham khảo lấy ý kiến phản hồi của giảng viên của CTĐT về các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên phục vụ CTĐT.

Còn hạn chế về tính đa dạng và tính cập nhật, chưa phản ánh đầy đủ các yêu cầu mới của công việc giảng dạy. Chủ yếu tập trung vào các hình thức định lượng, chưa khai thác hết tiềm năng của các hình thức định tính. Công cụ hỗ trợ đánh giá chưa được đầu tư đầy đủ, gây khó khăn trong việc thu thập và xử lý dữ liệu.

Mặc dù nhà trường đã tạo điều kiện, nhưng tính chủ động của giảng viên trong việc tìm kiếm và tham gia các hoạt động đào tạo còn hạn chế. Các chương trình đào tạo chưa được thiết kế một cách linh hoạt để phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng giảng viên.Việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động đào tạo chưa được thực hiện một cách đầy đủ và khoa học.

Hệ thống có thể chưa đủ linh hoạt để thích ứng với những thay đổi trong môi trường giáo dục và nhu cầu của từng cá nhân.Các tiêu chí đánh giá có thể quá tập trung vào số lượng thành phẩm (bài báo, số giờ giảng) mà chưa đánh giá đủ về chất lượng và sự sáng tạo.Chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể cho các giảng viên có trình độ thạc sĩ để phát triển nghiên cứu khoa học.

Việc giám sát và đối sánh hướng tới nâng cao chất lượng NCKH chưa được thực sự cụ thể.

Còn ít các CTĐT, bồi dưỡng nghiệp vụ (ngoại trừ chương trình học tập sau đại học) phù hợp với từng ngành Đào tạo được các khoa chuyên môn đề xuất với Nhà trường.

Chính sách NCKH mới áp dụng cho GV, NCV tiến sĩ, chưa được mở rộng cho GV, NCV có trình độ Thạc sĩ.

Khối lượng NCKH chưa đồng đều giữa các GV trong Khoa.

Tiêu chuẩn 7: Về đội ngũ nhân viên

Đề án vị trí việc làm còn chưa cập nhật tác động của CMCN 4.0. Nhà trường chưa sử dụng hiệu quả kết quả phân tích khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.

Nhà trường chưa sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau. Nhà trường chưa thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm. Nhà trường chưa sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc.

Tiêu chuẩn 8: Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Ý kiến các bên liên quan chưa đầy đủ và kịp thời. Một số ý kiến còn mang tính cả nể đặc biệt là người học, cựu người học và doanh nghiệp là cựu người học.

Kết quả tuyển sinh hàng năm cần được phân tích và đánh giá để cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.

Hệ thống quản lý của trường chưa có đầy đủ chức năng theo dõi kết quả học tập cũng như tiến độ học tập của NH sau đại học (Với NH đại học, hệ thống quản lý của Trường có đầy đủ chức năng để theo dõi kết quả học tập, tiến độ học tập của SV hơn).

Liên kết doanh nghiệp có thực hiện nhưng chưa thật sự mạnh. Doanh nghiệp đến báo cáo chuyên đề cho NH còn hạn chế.

Tiến độ xây dựng còn chưa đáp ứng nhu cầu (mặc dù đã có quy hoạch, KH).

Tiêu chuẩn 9:Về CHVC và trang thiết bị

Các phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar còn chưa đáp ứng nhu cầu.

Tỷ lệ tài liệu số chưa cao. Nguồn tài liệu nội sinh, ngoại sinh còn chưa phong phú, cần được bổ sung để phát triển số lượng và đa dạng hóa hơn các tài liệu, học liệu chuyên ngành.

Vẫn còn một số thiết bị thí nghiệm, thực hành cũ, chưa được thay thế kịp thời. Cần đầu tư thêm hệ thống máy tính và phần mềm mô phỏng chuyên ngành.

Trường đã áp dụng hệ thống CNTT hợp nhất toàn trường nhưng chưa ổn định và chưa khai thác hết chức năng sử dụng.

Nhà trường chưa khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Tiêu chuẩn 10: Về nâng cao chất lượng

Chưa thực hiện khảo sát học viên sau khi kết thúc học phần.

Chưa thực hiện khảo sát học viên tại thời điểm tốt nghiệp

Thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập học phần trong CTDH còn ít.

Số lượng học viên ngành kỹ thuật điện tử tham gia NCKH chưa nhiều.

Một số dịch vụ học viên chưa được khai thác hiệu quả (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường); Số đầu sách còn ít, chưa cập nhật.

Nhà trường chưa phân tích chi tiết và xử lý thông tin hiệu quả từ phản hồi của các bên liên trong việc cải tiến CTĐT ngành KTĐT.

Tiêu chuẩn 11: Về kết quả đầu ra

Vẫn có tình trạng HV thôi học và HV ra Trường chưa có việc làm. Cần phải nắm rõ hơn thông tin tại sao HV thôi học, tại sao ra Trường chưa có việc làm để kịp thời điều chỉnh theo hướng hấp dẫn HV hơn, nâng cao hơn nữa tỉ lệ HV tốt nghiệp và HV có việc làm. Cần tìm hiểu lý do HV chưa có việc làm để kịp thời phối hợp hỗ trợ HV.

Lượng HV tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều qua các năm, cần có các qui định cụ thể hơn để khích lệ phong trào nghiên cứu khoa học trong HV.

Bên cạnh đó việc khảo sát mức độ hài lòng của người học cần được khai thác triệt để số liệu hơn nhằm nâng cao chất lượng phục người học.

3. Kế hoạch cải tiến CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Tiêu chuẩn 1		
Khoa ĐTVT sẽ tổ chức xin bổ sung ý kiến đóng góp về mục tiêu của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT của các doanh nghiệp KTĐT trong Ngành năng lượng.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT cần tiếp tục tổ chức họp chuyên môn ở Khoa để trao đổi về mức độ đáp ứng của CĐR của các học phần trong CTĐT trình độ Thạc sĩ với các CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ chi tiết hơn, thường xuyên hơn.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT cần thực hiện khảo sát hàng năm các bên liên quan với số lượng nhiều hơn.	ĐTVT	2025

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Tiêu chuẩn 2		
Khoa ĐTVT chủ động cập nhật các thông tin mới liên quan đến CTĐT đầy đủ hơn.	ĐTVT	2025
Từ năm 2025, bên cạnh yêu cầu cập nhật và hiệu chỉnh định kỳ 2 năm/lần của Nhà trường, Khoa ĐTVT sẽ tiếp tục chủ động cập nhật thường xuyên hơn về nội dung đề cương học phần.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT cùng các phòng ban chức năng tiếp tục tăng cường công tác truyền thông Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT trên nhiều kênh khác nhau, đồng thời tiếp tục thực hiện khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về khả năng tiếp cận Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT, đề cương học phần trình độ Thạc sĩ ngành KTĐT nhằm hỗ trợ tốt hơn nữa cho quá trình quản lý, giảng dạy, học tập.	ĐTVT, ĐT	2025
Tiêu chuẩn 3		
Khoa ĐTVT thường xuyên đánh giá mức độ phù hợp giữa phương pháp giảng dạy và nội dung học phần trong CTDH.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT kết hợp với phòng KT&ĐBCL, phòng Quản lý đào tạo tìm kiếm công cụ để phân tích chi tiết mức độ đóng góp của các học phần trong CTĐT trong việc đạt được CĐR..	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT tiếp tục tìm kiếm nội dung chi tiết các học phần trong các CTĐT tham khảo để phân tích chi tiết hơn.	ĐTVT	2025
Tiêu chuẩn 4		
Từ năm 2025, mục tiêu giáo dục được các đơn vị trong nhà trường tích cực tuyên truyền đến CBGV, người học và các doanh nghiệp...	ĐT, CTHSSV	2025
Khoa ĐTVT đa dạng hóa phương pháp dạy và học, tăng	ĐTVT	2025

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
cường áp dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.		
Khoa ĐTVT tăng cường hoạt động ngoại khoá, chuyên gia tham dự các buổi trò chuyện, giao lưu với người học..	ĐTVT	2025
Tiêu chuẩn 5		
Phòng KT&ĐBCL và Khoa ĐTVT tìm hiểu công cụ phân tích mức độ phù hợp của ngân hàng đề thi với CĐR ngành KTĐT.	ĐTVT, KT&ĐBCL	2025
Phòng KT&ĐBCL cùng các phòng ban chức năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ người học tra cứu các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT sẽ phối hợp với Phòng KT & ĐBCL rà soát, phân tích kết quả thi nhiều học phần thuộc ngành KTĐT hơn.	ĐTVT	2025
Nhà trường chưa khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận phản hồi về kết quả đánh giá của người học.	ĐTVT	2025
Phòng KT&ĐBCL cùng các đơn vị trong trường tăng cường tuyên truyền phổ biến về quy trình đánh giá KQHT.	ĐTVT	2025
Tiêu chuẩn 6		
Nhà trường cần xem xét tạo thêm những hỗ trợ, tạo động lực để các giảng viên tham gia đào tạo Ngành KTĐT trình độ Thạc sĩ có điều kiện tham gia chương trình thực tế trong ngành nghề, cũng như các khóa đào tạo lý thuyết, để đảm bảo và nâng cao năng lực của giảng viên tham gia vào ngành đào tạo này.	ĐTVT	2025
Phòng KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với các phòng ban liên quan và các khoa chuyên môn rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện bộ tiêu chí khảo sát người học về chất lượng giảng viên theo tính định lượng.	KT&ĐBCL	2025
Khoa ĐTVT và Phòng TCHC sẽ triển khai khảo sát ý	TCCB,	2025

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
kiến của giảng viên về các tiêu chí tuyển dụng, việc làm này nhằm mục tiêu: nâng cao tính phù hợp, tăng cường sự đồng thuận, đảm bảo tính khách quan. Cụ thể, kế hoạch khảo sát sẽ bao gồm: xác định đối tượng khảo sát, thiết kế bảng khảo sát, phân tích kết quả và xây dựng đề xuất, bên cạnh đó, nhà trường cũng sẽ, tăng cường công tác truyền thông, tổ chức các buổi tập huấn. Việc thực hiện các hoạt động trên nhằm mục tiêu xây dựng một đội ngũ giảng viên chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.	Khoa chuyên môn	
Để khắc phục những tồn tại và nâng cao hiệu quả của hệ thống đánh giá, nhà trường cần tập trung vào các giải pháp sau: hoàn thiện hệ thống tiêu chí, đa dạng hóa hình thức đánh giá, nâng cao chất lượng công cụ hỗ trợ, liên kết chặt chẽ với các hoạt động khác; tăng cường truyền thông.	CTSV, CVHT	2025
Tạo điều kiện cho giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, nhu cầu và đề xuất các chương trình đào tạo phù hợp. Tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên tự học, tự nghiên cứu thông qua việc cung cấp tài liệu, cơ sở vật chất. Thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo một cách chi tiết và cụ thể hơn đối với từng giảng viên. Kết hợp cả đánh giá định lượng và định tính để đánh giá hiệu quả của các hoạt động đào tạo. Đánh giá tác động của các hoạt động đào tạo đến chất lượng giảng dạy và năng lực nghiên cứu của giảng viên.Tổ chức các hoạt động thực tập, nghiên cứu để giúp giảng viên ứng dụng kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy. Tạo ra một môi trường để giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.	ĐTVT	2025
Cho phép giảng viên tự đề xuất các chỉ tiêu đánh giá bổ sung phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của mình. Điều chỉnh định kỳ các tiêu chí đánh giá để phù hợp với sự thay đổi của môi trường giáo dục và yêu cầu của nhà trường. Bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng công	TCCB	2025

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
trình nghiên cứu, hiệu quả giảng dạy, đóng góp vào các hoạt động xã hội. Khuyến khích giảng viên tự đánh giá công việc của mình và đưa ra kế hoạch phát triển cá nhân.Không chỉ khen thưởng bằng vật chất mà còn có thể khen thưởng bằng các hình thức khác như cơ hội đào tạo, công bố kết quả nghiên cứu trên các diễn đàn khoa học, v.v. Thành lập các nhóm nghiên cứu với các chuyên gia để nâng cao chất lượng NCKH trong Khoa.		
Tiêu chuẩn 7		
Phòng TC-HC cập nhật đề án vị trí việc làm theo yêu cầu của CMCN 4.0.	TCCB	2025
Phòng KT&ĐBCL và Phòng TC-HC thực hiện phân tích sâu kết quả khảo sát đóng góp của các bên liên quan đến vị trí việc làm.	KT&ĐBCL, TCCB	2025
Phòng TC-HC và các đơn vị sử dụng kết quả đánh giá để phân tích và cải tiến kết quả lao động của những năm sau.	TCCB	2025
Phòng TC-HC và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra hiệu quả đánh giá đào tạo bồi dưỡng hàng năm.	TCCB	2025
Phòng KT&ĐBCL và Phòng TC-HC, đơn vị sử dụng kết quả khảo sát để phân tích và cải tiến việc quản trị kết quả theo công việc	P.KT&ĐBCL,P. TCCB	2025
Tiêu chuẩn 8		
Từng bước hoàn chỉnh quy trình lấy ý kiến các bên liên quan một các kịp thời, đầy đủ và trung thực hơn.	ĐTVT	2025
Phòng ĐT phân tích kết quả tuyển sinh hàng năm để cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển sinh.	ĐT	2025
Phòng QLĐT và Khoa ĐTVT sử dụng hiệu quả các dữ liệu thống kê cho việc phân tích kết quả và đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng học tập của người học.	ĐHĐL	2025
Tăng cường liên kết doanh nghiệp và mời doanh nghiệp	ĐHĐL	2025

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
đến báo cáo các chuyên đề có liên quan.		
Phòng HCQT cùng các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của HV	ĐTVT, HCQT	2025
Tiêu chuẩn 9		
Phòng QTDV và các đơn vị liên quan bố trí phòng làm việc của khoa chuyên môn và phòng Seminar.	ĐTVT, HCQT	2025
THƯ VIỆN tăng tỷ lệ số hoá các tài liệu học tập	ĐTVT, TTHL, HCQT	2025
Trong thời gian tới, Khoa sẽ phối hợp với Trung tâm thí nghiệm-thực hành rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thí nghiệm, thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế các thiết bị đã cũ.	ĐTVT, TT TNTH	2025
Phòng QTDV và TT CNTT hoàn thiện hệ thống CNTT trong Nhà trường và tiếp tục khai thác chức năng của phần mềm hợp nhất.	HCQT, TT CNTT	2025
Phòng HCQT khai thác hiệu quả các dữ liệu khảo sát để cải tiến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.	ĐHĐL	2025
Tiêu chuẩn 10		
Phòng KT&ĐBCL bổ sung thực hiện khảo sát học viên sau khi kết thúc học phần.	KT&ĐBCL	2025
Phòng KT&ĐBCL bổ sung khảo sát học viên tại thời điểm tốt nghiệp theo từng ngành để có cơ sở đưa ra giải pháp hiệu quả hơn.	ĐHĐL, ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT và Phòng KT&ĐBCL thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập của nhiều học phần trong CTDH và phân tích chi tiết hơn.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT và Phòng KT&ĐBCL thực hiện phân tích phổ điểm kết quả học tập của nhiều học phần trong CTDH và phân tích chi tiết hơn.	ĐTVT	2025

Kế hoạch hành động	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
Khoa ĐTVT đưa ra các giải pháp thúc đẩy học viên tích cực tham gia NCKH.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT, TTCNTT và TTHL tăng cường phổ biến để học viên có thông tin khai thác hiệu quả các dịch vụ và tiện ích của Nhà trường (Thư viện điện tử, phần mềm quản trị trường). Nhà trường xây dựng kế hoạch bổ sung đầu sách đáp ứng yêu cầu của các CTĐT.	ĐHĐL	2025
Phòng KT&ĐBCL và Khoa ĐTVT xây dựng các biểu mẫu và báo cáo chi tiết phân tích ý kiến các bên liên quan để cải tiến CTĐT ngành KTĐT.	ĐTVT	2025
Tiêu chuẩn 11		
Khoa ĐTVT cùng phòng QLĐT tăng cường tiếp cận HV để tiếp tục thay đổi, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hướng thiết thực, phù hợp với học viên nhằm tạo động lực để các HV duy trì học tập.	ĐTVT	2025
Phòng QLĐT thống kê và báo cáo về thời gian tốt nghiệp của HV và phối hợp với phòng Khoa đưa ra các đề xuất phù hợp giúp HV tiếp tục thực hiện đúng thời gian tốt nghiệp hoặc sớm hơn.	CTSV, ĐT	2025
Khoa ĐTVT chú trọng phân tích kết quả để hỗ trợ việc làm cho HV ngành CNKT điện tử viễn thông.	ĐTVT	2025
Trường ĐHĐL và phòng QLKH&HTQT tăng cường hỗ trợ, khuyến khích tạo điều kiện cho người học tham gia hoạt động và có chính sách hỗ trợ hoạt động NCKH của HV.	ĐTVT	2025
Khoa ĐTVT và Trường ĐHĐL tăng cường việc lấy ý kiến các bên liên quan nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến để khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia lấy ý kiến, nêu rõ ý nghĩa của việc lấy ý kiến phân tích và khai thác hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng.	ĐTVT	2025

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục : Trường Đại học Điện lực

Mã : DDL

Tên CTĐT trình độ Thạc sĩ : Kỹ thuật điện tử

Mã CTĐT : 8520203

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Thang đánh giá**							**Tổng hợp theo tiêu chuẩn**		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								**5,00**	**3**	**100%**
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								**5,00**	**3**	**100%**
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								**5,00**	**3**	**100%**
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								**5,00**	**3**	**100%**
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								**5,00**	**5**	**100%**
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								**4,57**	**7**	**100%**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								**4,60**	**5**	**100%**
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								**4,8**	**5**	**100%**
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								**4,80**	**5**	**100%**
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								**5,00**	**6**	**100%**
Tiêu chí 10.1					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								**4,40**	**5**	**100%**
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								**4,83**		**100%**

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đinh Văn Châu

PHẦN IV: PHỤ LỤC

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT (Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. Thông tin chung của Nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Điện lực
   - Tiếng Việt: Trường Đại học Điện lực
   - Tiếng Anh: Electric Power University
2. Tên viết tắt của Trường (tiếng Việt và tiếng Anh):
   - Tiếng Việt: ĐHĐL
   - Tiếng Anh: EPU
3. Tên trước đây (nếu có):
   - Từ 1962 đến 1966: Trường Trung Cao Cơ điện
   - Từ 1966 đến 1997: Trường Trung học Kỹ thuật điện
   - Từ 1997 đến 2000: Trường Trung học Điện I
   - Từ 2000 đến 2006: Trường Cao đẳng Điện lực
   - Từ 2006 đến nay: Trường Đại học Điện lực
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Công thương
5. Địa chỉ trường:
   - Cơ sở I: 235 Hoàng Quốc Việt - Phường Cổ Nhuế I - Quận Bắc Từ Liêm - Tp. Hà Nội.
   - Cơ sở II: Tân Minh - Sóc Sơn - Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 04.22185607; Số fax: 04.38362065
   Email: epu@epu.edu.vn
   Trang thông tin điện tử: http://www.epu.edu.vn;
7. Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập): 2006 (Quyết định số 111/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ)
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2006
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2011
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
    Công lập ☒ Bán công☐ Dân lập☐Tư thục ☐
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa thực hiện CTĐT
    - Tiếng Việt: Khoa ĐTVT
    - Tiếng Anh: Faculty of Electronics and Telecommunications
13. Tên viết tắt của Khoa thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: ĐTVT
- Tiếng Anh: FET

14. Tên trước đây (nếu có):

15. Mã CTĐT: 8520203

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

- Tiếng Việt: Ngành Kỹ thuật điện tử
- Tiếng Anh: Electronics Engineering
- Mã ngành đào tạo: 8520203
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Danh hiệu bằng: Thạc sĩ
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Kỹ thuật điện tử
- Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT:

Khoa Điện tử - Viễn thông: Phòng 305, nhà M, Trường Đại học Điện lực, số 235 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ: 024.22185582 E-mail: dtvt@epu.edu.vn Website: fet.epu.edu.vn

19. Năm thành lập: 2006

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT được KĐCL): Năm 2015.

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT được KĐCL): 2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa ĐTVT, Trường ĐHĐL được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-ĐHĐL-TCHC ngày 10 tháng 07 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường ĐHĐL, với nhiệm vụ là đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Điện tử Viễn thông.

Khi mới thành lập, Khoa ĐTVT đào tạo 01 ngành (CNKT ĐTVT) với một chuyên ngành duy nhất (ĐTVT) ở bậc đại học và bậc cao đẳng.

Hiện nay, Khoa đảm nhiệm đào tạo ở các trình độ khác nhau:

-Bậc đào tạo đại học: đào tạo 01 ngành (CNKT ĐTVT), với 07 chuyên ngành là: Điện tử viễn thông, Kỹ thuật điện tử, Thiết bị điện tử y tế, Điện tử & kỹ thuật máy tính, Điện tử Robot và trí tuệ nhân tạo, Các hệ thống thông minh và IoT, Mạng viễn thông và máy tính;

-Bậc đào tạo cao học: 01 ngành (Kĩ thuật điện tử);

-Bậc đào tạo tiến sĩ: 01 ngành (Kĩ thuật điện tử).

Tổng số GV cơ hữu của khoa là 34 GV, trong đó có 06 phó giáo sư, 19 tiến sĩ và

08 GV còn lại có trình độ thạc sĩ, 01 thư ký giáo vụ khoa. Ngoài ra, Khoa có 10 GV thỉnh giảng có trình độ GS, PGS, tiến sĩ, thạc sĩ.

Quy mô đào tạo hiện tại của Khoa: 1174 SV hệ đại học, 17 học viên cao học và 05 nghiên cứu sinh.

Các cán bộ giảng dạy của khoa đã thực hiện thành công nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp các cấp. Tính từ năm 2013 trở lại đây, cán bộ của Khoa đã thực hiện thành công các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đề tài các cấp, công bố nhiều kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, biên soạn nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo đã được xuất bản ở các nhà xuất bản khác nhau.

Nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học của các GV đã ứng dụng trong thực tế sản xuất, kinh doanh và quản lý như: Công tơ điện tử, Hệ thống cảnh báo mất điện và giám sát trạm biến áp hạ thế từ xa, Hệ thống tự động đánh giá độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện phân phối, Hệ thống giám sát điện năng nội bộ, Bàn kiểm định, hiệu chỉnh công tơ,...

Ngoài công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, khoa Điện tử - Viễn thông chú trọng đến việc liên kết với các đơn vị, công ty, tập đoàn như FPT, Viettel, VNPT, HT-Telecom, CMC, ... để triển khai các chương trình hướng nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm cho HV của Khoa; rất nhiều các hoạt động giao lưu, nói chuyện để HV của Khoa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng trong tương lai.

Với thành tích trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác, tập thể Khoa ĐTVT thời gian qua đã nhận được các phần thưởng cao quí sau:

- Bằng khen của Bộ Công thương, năm 2011.
- Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc, năm 2011" của Bộ Công Thương.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, năm 2012.
- Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc, năm 2024" của Bộ Công Thương.
- Giấy khen tập thể khoa ĐTVT đã có thành tích xuất sắc trong công tác NCKH của sinh viên năm 2024.

Ngoài ra, nhiều GV của khoa đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, nhiều năm Khoa ĐTVT đạt danh hiệu đơn vị Lao động tiên tiến xuất sắc.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học và đơn vị thực hiện CTĐT

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường ĐHĐL

Hình PL 1: Cơ cấu tổ chức hành chính Trường Đại học Điện lực (www.epu.edu.vn)

23.2. Cơ cấu tổ chức Khoa ĐTVT

24. Danh sách Ban lãnh đạo trường và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT. (Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/11/2024)

STT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hội đồng trường	Vũ Đình Ngọ	1966	NGƯT, PGS.TS, Chủ tịch HĐT	0989771666	ngovd@@epu.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Đinh Văn Châu	1975	PGS.TS, Hiệu trưởng	0914262666	chaudv@epu.edu.vn
3	Ban Giám hiệu	Nguyễn Lê Cường	1976	PGS.TS, Phó Hiệu Trưởng	0913546234	cuongnl@epu.edu.vn
4	Ban Giám hiệu	Dương Trung Kiên	1982	TS, Phó Hiệu Trưởng	0912661982	kiendt@epu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT - Khoa Điện tử-Viễn thông						
I	Lãnh đạo chủ chối của đơn vị					
1	Ban lãnh đạo Khoa	Phạm Duy Phong	1977	TS, Trưởng khoa	0912348885	phongphd@epu.edu.vn
2	Ban lãnh đạo Khoa	Nguyễn Thị Thủy	1976	TS, Phó Trưởng Khoa	0985812401	thuynt@epu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
	Chi bộ khoa	Phạm Duy Phong	1977	Bí thư chi bộ ĐTVT	0912348885	phongphd@epu.edu.vn
1	Chi bộ khoa	Nguyễn Thị Thủy	1976	Phó BT chi bộ ĐTVT	0985812401	thuynt@epu.edu.vn
2	Công đoàn Khoa	Đàm Xuân Định	1984	Chủ tịch CĐ Khoa	0915150984	dinhdx@epu.edu.vn
3	Đoàn thanh niên	Phạm Trọng Hoan	1995	Bí thư LCĐ Khoa	0947389899	hoanpt@epu.edu.vn
III.	Văn phòng Khoa					
1	Văn phòng Khoa	Vũ Thị Nguyên	1979	Giáo vụ khoa	0948312279	vuthinguyen2011@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

Ngành: Công nghệ kỹ thuật Điện tử - Viễn thông

Chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông, Kỹ thuật điện tử, Điện tử và kỹ thuật máy tính, Thiết bị điện tử y tế, Điện tử robot và trí tuệ nhân tạo, Các hệ thống thông minh và IoT, Mạng viễn thông và máy tính.

26. Số lượng ngành đào tạo tiến sĩ: 01 ngành (KTĐT)

27. Số lượng ngành đào tạo thạc sĩ: 01 ngành (KTĐT)

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01 ngành (07 chuyên ngành)

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác:0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Loại hình đào tạo	Có	Không
Chính quy	☒	
Không chính quy		☒
Từ xa		☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài		☒
Liên kết đào tạo trong nước		☒

32. Tổng số các ngành đào tạo:

- Đại học: 01
- Cao học: 01
- Tiến sĩ: 01

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên (tính đến 31/12/2024):

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu trong đó:**	**29**	**5**	**34**
I.1	Cán bộ là công chức/viên chức hợp đồng không xác định thời hạn	11	5	16
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên)	16	0	16
I.3	GV kiêm nhiệm	2	0	2
II	**Các cán bộ khác** **Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng[2])**	**7**	**3**	**10**
	Tổng số	36	8	44

34. Thống kê, phân loại GV (tính đến 31/12/2024):

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu (GV)			GVthỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn[3] trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	**1**	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	**8**	0	5	1	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	**25**	9	9	1	6	0
5	Thạc sĩ	**9**	6	2	0	1	0
6	Đại học	**1**	0	0	0	0	0
	Tổng số	**44**	**15**	**16**	**2**	**10**	**0**

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 34 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 97%

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại Thông tư 01/2019/TT-BGDDT). Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Theo số liệu nhân sự đến 31/12/2024)

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	**1**				1		1
2	Phó Giáo sư	3,0	**8**		5	1	2		17.1
3	Tiến sĩ khoa	3,0	**0**		0				

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
	học								
4	Tiến sĩ	2,0	**25**	9	9	1	6		39
5	Thạc sĩ	1,0	**9**	6	2	0	1		8.2
6	Đại học	0,5	**1**	0	0	0	0		0
	Tổng		**44**	**15**	**16**	**2**	**10**		65.3

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)
(Theo số liệu nhân sự đến 31/12/2024)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo độ tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, viện sĩ									
2	Phó giáo sư	**6**	17,6	6	0			2		4
3	Tiến sĩ khoa học	**0**	0,0	0						
4	Tiến sĩ	**19**	55,9	17	2		3	12	1	3
5	Thạc sĩ	**8**	23.6	6	2	1	1	6		
6	Đại học	**1**	2,9		1			1		
	Tổng số	**34**	**100**	**29**	**5**	**1**	**4**	**21**	**1**	**7**

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 48 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 73,5 %

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 23,6 %

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc).		100
2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc).	50	
3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc).	30	
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc).	20	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc).	0	
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

38. Người học bao gồm học sinh, HV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Nhập học		Phương thức tuyển sinh
			Việt Nam	Quốc tế	
2019 (CH8)	40	Môn CB ≥ 5.0 (thang điểm 10) Môn CSN ≥5.0 (thang điểm 10) Môn Tiếng Anh ≥50 (thang điểm 100)	4	0	Thi tuyển
2020 (CH9)	40	Môn CB ≥ 5.0 (thang điểm 10) Môn CSN ≥ 5.0 (thang điểm 10) Môn Tiếng Anh ≥ 50 (thang điểm 100)	11	0	Thi tuyển
2021	30		0		
2022-(CH10)	45	Điểm TT ≥ 2.03 (thang điểm 4)	14	0	Xét tuyển
2023	40		0	0	
2024 (CH12)	30	Điểm TT ≥ 2.00 (thang điểm 4)	14	0	Xét tuyển

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**	**2023-2024**	**2024-2025**
1. Nghiên cứu sinh	1	2	2	4	8
2. Học viên cao học	15	12	14	14	31
3. HV đại học Trong đó:	789	832	845	1174	1316
Hệ chính quy	789	832	845	1174	1316
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. HV cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác…	0	0	0	0	0

40. Số HV quốc tế theo học CTĐT trình độ Thạc sĩ trong 5 năm gần đây: Không có

41. Người học của CTĐT trình độ Thạc sĩ có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	**2020-2021**		**2021-2022**		**2022-2023**		**2023-2024**		**2024-2025**	
	CS1	CS2	CS1	CS2	CS1	CS2	CS1	CS2	CS1	CS2
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	4.085	3.312	4.085	3.312	4.085	9.766	4.085	9.766	4.085	9.766
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài KTX) (người)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
	CS1	CS2	CS1	CS2	CS1	CS2	CS1	CS2	CS1	CS2
3. Người học được ở trong KTX (người)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong KTX (m^2/người)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT trình độ Thạc sĩ tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	3	0	5	3	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	20% (3/15)	0% (0/12)	35.7% (5/14)	21.4.7% (3/14)	0%/ (0/28)

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	1
2. Học viên tốt nghiệp cao học	1	5	17	0	0
3. HV tốt nghiệp đại học Trong đó:	105	102	113	132	87
Hệ chính quy	105	102	113	132	87
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. HV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác: Vừa làm vừa học	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của HV hệ chính quy của CTĐT theo từng khóa:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	1	5	17	0	0
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	100%	100%	100%	100%
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100%	100%	100%	100%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0%	0%	0%	0%	0%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0%	0%	0%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**
B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	100%	100%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0%	0%	0%	0%	0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	9-10 triệu/tháng	9-10 triệu/tháng	9-10 triệu/tháng	9-10 triệu/tháng	10,2 triệu/tháng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này.					
B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100%	100%	100%	100%	100%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0%	0%	0%	0%	0%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	0%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây (2020-2024):

TT	Phân loại đề tài	Hệ số (**)	Số lượng					
			Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Đề tài cấp NN	2	1	0	0	0	0	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1	1	1	2	2	2	8
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	0	0	0	4	2,5
	Tổng		**3**	**1**	**2**	**2**	**6**	**12,5**

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: **12,5**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **0,38**

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm học	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	Năm 2019-2020	330,000	100%	9.70
2	Năm 2020 2021	100,000	100%	2.94
3	Năm 2021-2022	678666	100%	19.9
4	Năm 2022-2023	299,833	100%	8.81
5	Năm 2023-2024	278000	100%	8.17

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây (2020-2024):

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	14	
Trên 6 đề tài	0	16	0	
Tổng số cán bộ tham gia	**1**	**16**	**14**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			Năm 2019-2020	Năm 2020 2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	1	0	1	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	**3**

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số sách (quy đổi): **3**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,09**

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	3	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	**3**	0	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây (2020-2024):

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			Năm 2019-2020	Năm 2020 2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	10	16	7	14	12	**88,5**
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	15	1	7	12	**39**
3	Tạp chí của cấp trường ĐHĐL	0,5	8	6	5	4	3	**13**
	Tổng		**22**	**37**	**13**	**25**	**27**	**130.5**

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **130.5**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **3.95**

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	14	16	
Tổng số cán bộ tham gia	**14**	**16**	**13**

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			Năm 2019-2020	Năm 2020 2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	3	2	4	2	**12**
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	3	5	1	3	**7**

3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	7	**1.75**
4	**Tổng**		**3**	**6**	**7**	**5**	**12**	**20.75**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **20.75**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0.63**

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	11
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	12	0
Trên 15 báo cáo	15	0	0
Tổng số cán bộ than gia	**15**	**12**	**11**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	**0**	**0**	**1**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của HV:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		Năm 2020	**Năm 2021**	**Năm 2022**	**Năm 2023**	**Năm 2024**
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	2	0	3	2	1

VII. CSVC, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m^2): 99.128 m2

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2): 25.305

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2):

- Nơi làm việc: 5.114 m^2. Nơi học: 28.210 m^2. Nơi vui chơi giải trí: 6.983m^2

59. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 27.034 m^2
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,37 m^2/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 131

- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT: 25

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 03
- Dùng cho người học học tập: 221 (sử dụng chung hệ thống máy tính của Nhà trường).

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,023

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:
   - Tổng số GV cơ hữu (người): 33 (tổng số cán bộ cơ hữu: 34)
   - Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): **97**
   - Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): **75,75**
   - Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): **24,25**
2. Người học:
   - Tổng số người học chính quy (người): 28 HV; Tổng số người học quy đổi (người): 28HV.
   - Tỷ số người học trên GV (sau khi quy đổi): 5HV/GV;
   - Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 100%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: Phù hợp với nhu cầu
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: Học viên đều có việc làm trong trong quá trình học tập.
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: Chưa thực hiện khảo sát nhà tuyển dụng
6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: (Tính tổng từ năm 2020 đến 2024)

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,38
- Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 9,9 triệu đồng.
  - Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,09**.
  - Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **3.95**.
  - Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0.63**.

7. CSVC:
   - Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,023.
   - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7,37 m^2/người.
   - Tỷ số diện tích KTX trên người học chính quy: 1,74 m^2/người.

   (Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

CÁC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ, CÁC NHÓM CÔNG TÁC, KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Số: 2291./QĐ-ĐHĐL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Tờ trình số 210/TTr-ĐHĐL ngày 12/12/2024 của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng về việc thành lập các Hội đồng, Ban thư ký, Nhóm chuyên trách Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử. Thành viên Hội đồng theo phụ lục 1 đính kèm.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Thành viên theo phụ lục 2 và phụ lục 3 đính kèm).

Điều 2. Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng các quy định, quy chế hiện hành.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công; nhiệm vụ của các thành viên Ban thư ký, các nhóm công tác do Trưởng ban và Trưởng nhóm phân công.

Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Điện tử Viễn thông, các đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCHC, TrangPH (03).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Đinh Văn Châu

Phụ lục 1
Danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện tử
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-ĐHĐL ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đinh Văn Châu	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Lê Cường	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Phạm Duy Phong	Trưởng khoa, Khoa ĐTVT	Phó Chủ tịch TT
4	Doãn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Thư ký
5	Nguyễn Thị Thủy	Phó trưởng khoa, Khoa ĐTVT	Ủy viên
6	Hồ Mạnh Cường	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
7	Lê Trọng Hiếu	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
8	Trần Vũ Kiên	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
9	Nguyễn Ngọc Trung	Trưởng phòng, Phòng TC-HC	Ủy viên
10	Đỗ Hữu Chế	Giám đốc, TT TT&QHDN	Ủy viên
11	Trịnh Văn Toàn	Trưởng phòng, Phòng QL Đào tạo	Ủy viên
12	Chu Việt Thức	Phó trưởng phòng, Phòng , QLKH&HTQT	Ủy viên
13	Cao Xuân Thắng	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng QT-DV	Ủy viên
14	Nguyễn Đăng Bộ	Phó trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
15	Lê Văn Nhất	Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng KH-TC	Ủy viên
16	Hoàng Thu Hồng	Phó Giám đốc phụ trách, Thư viện	Ủy viên
17	Nguyễn Trung Thành	Học viên lớp cao học CH12 KTĐT	Ủy viên - Đại diện HV

Danh sách gồm 17 người./.

Phụ lục 2
Danh sách thành viên Ban Thư ký
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2291 /QĐ-ĐHĐL ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Thủy	Phó trưởng khoa, Khoa ĐTVT	Trưởng ban
2	Doãn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Phó Trưởng ban
3	Nguyễn Đăng Bộ	Phó trưởng phòng, Phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
4	Đặng Trung Hiếu	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
5	Hồ Mạnh Cường	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
6	Lê Trọng Hiếu	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
7	Trần Vũ Kiên	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
8	Phạm Trọng Hoan	Giảng viên, Khoa ĐTVT	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Hằng	Chuyên viên, Phòng TC-HC	Ủy viên
10	Phạm Thị Ngọc Lý	Giảng viên, Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên
11	Trần Quyết Thắng	Chuyên viên, Phòng QT-DV	Ủy viên
12	Nông Đường Tố Loan	Chuyên viên, Thư viện	Ủy viên
13	Lê Thị Việt Anh	Giảng viên, Phòng QL Đào tạo	Ủy viên

Danh sách gồm 13 người./.

Phụ lục 3

Danh sách các nhóm công tác chuyên trách

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2294 /QĐ-ĐHĐL ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	**Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**			
1	Nguyễn Thị Thủy	Phó trưởng khoa	ĐTVT	Trưởng nhóm
2	Vũ Ngọc Châm	Phó trưởng khoa	ĐTVT	Thư ký
3	Cù Thị Sáng	Giảng viên	KT&ĐBCL	Ủy viên
4	Vũ Thị Thu Nga	Phó trưởng phòng	QL Đào tạo	Ủy viên
5	Lê Thị Việt Anh	Giảng viên	QL Đào tạo	Ủy viên
Nhóm 2	**Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học** **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học** **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**			
1	Hồ Mạnh Cường	Giảng viên	ĐTVT	Trưởng nhóm
2	Hoàng Thị Phương Thảo	Giảng viên chính	ĐTVT	Thư ký
3	Đàm Xuân Định	Giảng viên	ĐTVT	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Hằng	Chuyên viên	TCHC	Ủy viên
5	Trần Nam Dương	Giảng viên	KT&ĐBCL	Ủy viên
6	Lê Thị Việt Anh	Giảng viên	QL Đào tạo	Ủy viên
Nhóm 3	**Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên** **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**			
1	Lê Trọng Hiếu	Giảng viên	ĐTVT	Trưởng nhóm
2	Trịnh Tuấn Anh	Giảng viên	ĐTVT	Thư ký
3	Đỗ Quốc Đáng	Giảng viên	ĐTVT	Ủy viên
4	Phạm Thị Ngọc Lý	Giảng viên	QLKH&HTQT	Ủy viên
5	Phạm Nhất Linh	Chuyên viên	TC-HC	Ủy viên
Nhóm 4	**Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học** **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**			
1	Đinh Văn Tuấn	Giảng viên	ĐTVT	Trưởng nhóm
2	Phạm Trọng Hoan	Giảng viên	ĐTVT	Thư ký
3	Trần Quyết Thắng	Chuyên viên	QT-DV	Ủy viên
4	Nguyễn Ngọc Trung	Giảng viên	QL Đào tạo	Ủy viên
5	Nông Đường Tố Loan	Chuyên viên	Thư viện	Ủy viên
Nhóm 5	**Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng** **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**			
1	Trần Vũ Kiên	Giảng viên	ĐTVT	Trưởng nhóm
2	Trần Trọng Thắng	Giảng viên	ĐTVT	Thư ký
3	Lê Thị Việt Anh	Giảng viên	QL Đào tạo	Ủy viên
4	Lương Tuấn Anh	Chuyên viên	KT&ĐBCL	Ủy viên
5	Võ Quang Vinh	Giảng viên	QLKH&HTQT	Ủy viên